



số 179

viết về

Hàn Mặc Tử

**tập san VĂN
số 179**

**Số đặc biệt:
Viết về Hàn Mặc Tử**



Paris * 02-2026

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Tập san Văn **số 179**

Số đặc biệt:
Viết về Hàn Mặc Tử

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 179 ra ngày 01-06-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật
Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng
Năm thứ tám / số 179 /
Ngày 01-06-1971



Số đặc biệt:
Viết về Hàn Mặc Tử

đọc trong số này:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| 1. Đặng Tiến | 15 |
| Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử | |
| 2. Phạm Đán Bình | 103 |
| Tan loãng trong Hàn Mặc Tử | |
| 3. Thi Vũ | 140 |
| Trên chốn lưu đày hải ngoại nhớ | |

về Hàn Mặc Tử, người anh hùng
của quê hương

4. Phạm Công Thiện 169

Một định mệnh tàn khốc theo riêng
bên mình : Hàn Mặc Tử

5. Huỳnh Phan Anh 176

Hàn Mặc Tử hay là hiện hữu của
Thơ

6. Đào Trường Phúc 209

Hàn Mặc Tử: trắng và thơ

7. Châu Hải Kỳ 269

Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa

8. Trương Văn Ngọc 297

Một nghi vấn: Nhân đi thăm mộ
Hàn Mặc Tử

9. Thanh Tâm Tuyền 308

Dấu chân

10. Tòa soạn VĂN **315**
Giải đáp thắc mắc

11. Thư Trung **333**
và các bạn – Tin văn văn

BÌA: Chân dung HÀN MẶC TỬ do
TRẦN ĐÌNH THỤY vẽ.

Mẫu bìa do VĂN THANH trình bày.



Tòa soạn và Trị sự: 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp: ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo
VĂN.

* Quản lý: Cô Nguyễn thị Tuấn.

VĂN số 73-74, số đặc biệt “Tuởng niệm Hàn Mặc Tử”, tuyệt bản đã từ lâu. Thế theo yêu cầu của số đông bạn đọc, chúng tôi cho ấn hành số thứ hai, chủ đề “Viết về Hàn Mặc Tử”, và cho ấn hành sớm, vì một lý do hoàn toàn thuộc về tâm cảm.

Như vậy, trong đệ tam tam cá nguyệt 1971 sẽ không có số đặc biệt về một tác giả nào khác. Ngoài một tập Tuyển truyện Hung Gia Lợi, năm số còn lại đều là những tuyển tập thơ văn. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều sáng tác mới của các bạn văn, cũng như bạn đọc, cho những tuyển tập thơ văn được ấn hành liên tục trong những tháng sắp tới đây...



ĐẶNG TIẾN

Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử

Hàn Mặc Tử mất ngày 11 tháng 11 năm 1940. Từ 1942, Vũ Ngọc Phan đã nhận xét: “Từ ngày Hàn Mặc Tử từ trần đến nay, mới trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã nói rất nhiều và viết rất nhiều về Hàn Mặc Tử...”¹

Và đến nay, bao nhiêu giấy mực đã được dành cho nhà thơ bạc
l Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại III, 1942 – ấn bản 1951, n.xb Vĩnh Thịnh, Hà Nội, tr 325.

mệnh. Có lẽ ở miền Nam, Hàn Mặc Tử là thi sĩ được nhắc nhở nhiều nhất. Tôi chỉ e rằng dù vậy sự hiểu biết của chúng ta về thi tài đó vẫn không tiến bộ được bao nhiêu. Có lẽ lại lùi là khác. Năm 1941, Hoài Thanh muốn nói đến Hàn Mặc Tử đã hỏi mượn thơ do Trần Thanh Định² giữ. Cùng năm đó, khi viết cuốn “Hàn Mặc Tử”, có lẽ Trần Thanh Mai cũng dùng nguồn tài liệu đó, tức là của em mình. Ngày nay, ngoài tập “Thơ Hàn Mặc Tử” mong manh của nhà xuất bản Tân Việt, chúng ta không còn tài liệu nào khác. Chính Quách Tấn, bạn thân, ân nhân, người đã được nhà thơ ký thác trọn vẹn tác phẩm, cũng tỏ vẻ không có nhiều tài liệu

2 Hoài Thanh và Hoài Chân, Thi Nhân V.N., Thiều Quang xuất bản, Sài Gòn, 1967, tr 204.

hơn chúng ta. Trong bài nói về nhà thơ quá cố đăng trên VĂN³, Quách Tiên sinh, khi trích thơ Hàn Mặc Tử, đã làm một việc mà ai cũng làm được, như Vũ Ngọc Phan đã làm, nghĩa là trích từ tập thơ thiếu sót kia, hay trích lại của Trần Thanh Mai và Hoài Thanh – trừ vài bài tứ tuyệt không mấy quan trọng. Lý do rất giản dị: chiến tranh đã làm thất lạc hết tài liệu, mặc dù Quách Tấn đã gìn giữ cẩn thận, sao nhiều bản gửi Bộ Giáo dục Nam Triều thời đó và tất cả bạn bè của Tử⁴. Như vậy trong mọi hành trình vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, chúng ta sẽ dẫm chân tại chỗ, đua nhau kể cuộc đời ái tình và sự nghiệp của nhà thơ —

3 Văn, số đặc biệt H.M.T., 73-74, ngày 7-1-1967, tr 139.

4 Văn, số đặc biệt H.M.T., 73-74, ngày 7-1-1967, tr 139.

dĩ nhiên là éo le gay cấn, nhưng không giúp hiểu thêm nhà thơ bao nhiêu trừ một vài bài quan trọng; như của Quách Tấn trên số Văn thượng dẫn, ngoài việc đưa ra một số sự kiện chung quanh việc sáng tạo của Hàn Mặc Tử còn bổ chính nhiều điều do Trần Thanh Mại kể trong cuốn biên khảo⁵ về Hàn Mặc Tử xưa nay vốn là tài liệu tham khảo căn bản cho mọi người về cuộc tranh tụng giữa hai họ Quách và Trần năm 1942, thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nhưng xin tán đồng Quách Tấn về hai điểm: thứ nhất là Trần Thanh Mại ấu, thứ hai là ông không hiểu thơ, và cứ ưa phê bình thơ, và Vũ Ngọc Phan⁶ cũng đồng ý như vậy. Tuy nhiên,

5 Trần Thanh Mại, Hàn Mặc Tử, Tân Việt tái bản, Sài Gòn 1957.

6 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 63-83.

nếu không có cái ầu, cái trích dẫn bừa bãi của họ Trần, thì các nhà nghiên cứu – kể cả Quách Tấn – lấy đâu ra thơ Hàn Mặc Tử để tham khảo, sau khi người giữ bản quyền đề thất lạc hết di thảo? Tưởng khi nhắc đến chuyện ba mươi năm về trước Quách tiên sinh không nên chua cay thì mới công bình⁷.

Chúng tôi trình bày những khó khăn về tài liệu đó là có ý rào đón những thiếu sót trong bài này, khi đề cập đến một đề tài hệ trọng và bao quát: đức tin Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mặc Tử. Chúng tôi không khám phá ra điều gì mới mẻ, mà chỉ khai triển một nhận xét của các ông Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh... cách đây mấy mươi

⁷ Quách Tấn, Văn, sđd, tr. tr. 141-148.

năm. Chúng tôi chỉ đào sâu thêm tác phẩm để có một cái nhìn nhất quán trên toàn thể thi phẩm. Thay vì trích dẫn những câu có hình thức Thiên Chúa giáo như Maria, linh hồn tôi... thì tôi cố chứng minh là kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mặc Tử đều vang dội lời truyền giảng của Phúc Âm. Bài báo chia làm năm phần:

- Nhận định tổng quát
- Gái Quê: thế giới đợi chờ
- Đau Thương: con người chịu đựng
- Đau Thương: con người sáng tạo và mơ ước
- Xuân như ý : Thế giới khai huyền.

*

*“Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... Thôi mời cô cứ vào... Ánh sáng lạ trong thơ tôi...”*⁸. (tr. 8)

Đối với Hàn Mặc Tử thơ và đời sống là một bất khả phân, nhất là khi lâm trọng bệnh. *Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú* (tr 8). Tác phẩm của Hàn mang tên *Đau Thương* vì nó là Đau Thương, nó là “kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân

8 Thơ Hàn Mặc Tử đều trích từ ấn bản Tân Việt, Sài Gòn 1959 - ấn bản này không đánh số trang, tôi dựa theo mục lục mà ghi số trang, để bạn đọc dễ kiểm chứng.

phận”⁹. Vũ Ngọc Phan nhận xét :
 “Có lẽ ông là người Việt Nam Ca
 ngợi Thánh nữ Đồng trinh Maria
 và Chúa Jêsus bằng thơ trước nhất.
 Ông ca tụng đạo Gia-tô một giọng
 rất chân thành. Lần này cũng là
 lần đầu, thi ca VN thấy được một
 nguồn hứng mới.”¹⁰.

Hoài Thanh nói rộng đến vấn
 đề tương quan giữa tôn giáo và
 dân tộc, “Thơ Hàn Mặc Tử ra đời,
 điều ấy chứng rằng đạo Thiên
 Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái
 không khí có thể kết tinh lại thành
 thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình
 cảm có thể diễn ra thơ mới thiết là
 những tình cảm đã thấm tận đáy
 hồn đoàn thể”¹¹. Nhận xét này của

9 Huỳnh Phan Anh, Văn số 73-74 đã dẫn.

10 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 332.

11 Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 212.

một kẻ “thiếu lòng tin, du khách
bỏ ngõ” là Hoài Thanh, mang một
ý nghĩa đặc biệt, trong người Ki-tô
giáo V.N. niềm tin Thiên Chúa đã
trở thành một niềm tin thuần túy
VN. Và thơ Hàn Mặc Tử đã chứng
thực điều đó: một đức tin Việt Nam
ở Thiên Chúa, diễn đạt bằng một
ngôn ngữ Việt Nam: ngôn ngữ của
thi ca. Đó là điều tôi muốn trình
bày qua một dàn bài bình dị: tôi
chỉ khai triển thêm một câu của
Hàn Mặc Tử trong lời Tựa: *Người
đang say sưa đi trong Mơ Ước,
trong Huyền Diệu, trong sáng láng
và vượt hẳn ra ngoài Hư Linh...*
(tr 7) trong đó người đọc gặp lại
những chủ đề cương lĩnh của Kinh
Thánh: một vũ trụ ngầy thơ đồ vớ
vì nguyên tội; những khổ hạnh của
thân xác như một kinh nghiệm của

Mơ Ước và Huyền Diệu; để vươn tới một thế giới khác sáng láng, ngoài Hư linh, thế giới của Phục Sinh, của Khải Huyền. Ba giai đoạn đó là cơ cấu của đời thơ Hàn Mặc Tử. Vũ trụ Gái Quê đã sụp đổ trong Đau Thương mà nhà thơ đã chịu đựng để đợi sống lại một mùa Xuân Như Ý.

*

Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng; chung quanh người là mơn trớn với yêu đương...

Những dòng mở tác phẩm không khỏi làm ta nhớ đến thiên Sáng Thế Ký mở đầu Cựu Ước. Nhưng vườn đây không nằm ở hướng đông như vườn Eden (Gen II, 8), mà chỉ là một *vườn mơ, bến mộng*, niềm nhớ nhung đằng đẵng về một hạnh phúc nguyên thủy. Hạnh phúc của *nguồn trong trẻo*, mà loài người phải từ giã ra đi, và bị cấm cản đường về (Gen III, 24). Nguồn ở đây là dòng sông trước khi chia ra làm bốn nhánh, tưới vườn Eden bằng *tình yêu cao cả, vô biên và vô lượng*, chưa bị giới hạn vì nguyên tội, khi con người chưa khó nhọc, chưa đổ mồ hôi, chưa biết chông gai và mùi cát bụi (Gen III 17, 18 và 19). Bài tựa của Hàn Mặc Tử đã mơ ước khôi phục lại mùa xuân trinh nguyên của ngày

sáng thể, đầy *thinh sắc*, *trinh hoa* và *châu báu*, như nhũ hương và bích ngọc bên bờ nhánh sông thứ nhất (Gen II, 12). Thơ Hàn, cũng như *lòng lê thứ*, nói như Pascal, là niềm hoài vọng bất lực về một hạnh phúc sơ khai, một tráng lệ đã phôi pha.

*Còn đâu tráng lệ những thời
xanh*

Mùi vị thơm tho một ái tình

Đổ kiếm cho ra trong lớp bụi

Ít nhiều hơi hám của kiên trinh

(tr 32)

Sau khi phạm trái cấm, loài người không những mang nguyên tội ra khỏi địa đàng rồi dựng lại

một bình an khác. Với tội kiêu lăng, loài người phải chịu bao nhiêu là hưng phế: từ Hồng Thủy cho đến cơn thịnh nộ của Thiên Chúa hủy hoại tháp Babel, thành Sodome và Gomorrah, bao nhiêu lớp bụi phế hưng đã lấp mất cánh đồng xanh lẫn hơi hám của kiên trinh.

Hồn xưa tự ấy không về nữa

Ở cõi hư vô dấu đã chìm

(tr 32)

Dân Do Thái, lưu linh còn hy vọng có ngày tìm về Đất Hứa, còn con người đã vĩnh viễn đánh mất tất cả tráng lệ của thời mình. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử vẫn là một mơ ước, một đón đợi, Cựu Ước là sự chờ đón đáng Cứu Thế. Trong Gái

Quê là những bài đầu Đau Thương,
thơ là niềm mong đợi

Trước sân anh thơ thân

Đăm đăm trông nhận về

(tr 21)

Ngày xuân mong đợi đó còn
thuần lương, còn là một mùa xuân
ngoại đạo — một thứ printemps
païen — hồn nhiên và vô tư lự, như
tất cả những hội hè của mùa xuân
Việt Nam.

Trong làn nắng ửng khói mơ tan

*Đôi mái nhà tranh lấm tấm
vàng.*

Sột soạt gió treu tà áo biếc

*Trên giàn thiên lý — Bóng xuân
sang*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh
ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

Cái hồn hậu đó, như Hoài Thanh đã nói “chỉ là một mùa xuân đầu năm, tôi nói thêm là một u minh đọi chờ để nở một mùa xuân sáng thế “hồi trời đất mới dựng lên hay mùa xuân tái tạo “ra đời một lần với chúa Jesus”¹²

Khác biệt đó không có gì mâu thuẫn và Hoài Thanh cũng không cần ngại người đồng đạo với nhà thơ sẽ “khó dễ vì một hai dấu tích

¹² Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 211.

Phật giáo còn sót lại”¹³. Quách Tấn còn cực đoan hơn : “Tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần đậm hơn đạo Thiên Chúa”¹⁴. Sự phân lượng e rằng khó chính xác nhưng vết tích Phật giáo và ngay cả Lão giáo, Khổng giáo trong thơ Hàn Mặc Tử đậm đà, từ trong rung cảm đến ngôn ngữ. Điều đó không có gì nghịch lý cả; hạt mầm Thiên Chúa, khi nảy nở trên đất Việt Nam thì tự nhiên thích ứng với khí hậu, phong thổ.

Gần đây, tôi có được đọc tác phẩm của linh mục Jacques Dournes nói về việc truyền giáo tại bộ lạc Jorai, Cao nguyên Trung phần. Sách có nhiều điểm tế nhị và sâu sắc, nhằm bảo vệ truyền

¹³ như trên

¹⁴ Văn, số đặc biệt HMT, đã dẫn, tr 120.

thống một chủng tộc: “Cơ quan hành chánh phát cho dân Jorai hạt giống bông vải gốc Phi châu, năng suất cao hơn giống địa phương; dân Jorai đã gieo đã hái, nhưng chỉ một lần thôi rồi không tiếp tục. Lý do là họ phải nhuộm chỉ trước khi dệt, và thuốc nhuộm làm bằng lá cây của họ không ăn vào chỉ bông nhập cảng. Họ lại phải trở lại với giống bông cũ. Từ đó tôi không quên bài học bông vải”¹⁵. Và tôi lại càng không dám quên khi viết bài này.

Theo Quách Tấn, gia đình Hàn Mặc Tử (dường như) theo Thiên Chúa từ đời nội tổ Tử, tên Phạm Bồi, vì liên can quốc sự nên đổi theo họ mẹ; rồi được một linh mục

¹⁵ Jacques Dournes, Dieu Aime les Paiens, Aubier 1963, tr 149.

Pháp đỗ đầu rồi lập nghiệp tại Thừa Thiên, thân sinh Hàn Mặc Tử là Nguyễn Văn Toàn học Đại Chung Viện, Huế, đến chức Thầy Tư rồi bỏ ra đời¹⁶. Ông sinh hạ được năm người con và đặt tên là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Hiếu. Tôi dài dòng như vậy để trình bày không khí và giáo dục gia đình nhà thơ, một mảnh đất mới đang hấp thụ đức tin, đang dần dần thấm nhuần ơn trù mến.

Tôi là trắng cổ độ

Lượng trời rộng bao la

(tr 34)

Phải, lòng chàng là bến đợi. Trong những kích thước mông mênh; có thể là một trời thu man

¹⁶ Văn, sđd, tr 47.

mác; có thể là một hàng cau nắng mới lên; thường thường là một đêm trăng sao đắm đuối. Vàng, như đón từ xa. Như đợi từ xa:

Cho ta nhận lấy không đền đáp

Ơn trọng thiêng liêng xuống bởi trời

(tr 44)

Nhưng chàng đã đền đáp. Bằng tất cả. Đau thương: tiếng Thơ và cuộc Sống. Chàng đã đem cuộc đời để trả lời ơn phước cả đang ngân vang trong màu nhiệm phủ ban đêm, một tiếng gọi của thượng tầng không khí. Từ lúc nhận điềm có tiên tri thì vũ trụ *Gái Quê* và những bài *Đau Thương* đầu tiên nhuộm cái ý thức nguyên tội, người

lượng sẽ gọi là mặc cảm tội lỗi. Những bài đó gọi cảm giác có tội trước khi phạm lỗi. Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh đồng ý rằng tập Gái Quê thiên về dục tình; có lẽ ta cần minh định thêm về khuynh hướng ấy. Một người chỉ xin hoa đèn ngự và lòng ni cô thì dục tình... đi tới đâu? Tôi xin giải thích thêm về điểm này:

Mới lớn lên trăng đã then thò

Thơm như tình ái của ni cô

(tr 29)

Tại sao trăng lại phải then thò? Then thò là cảm giác của Adam và vợ khi đóng khố che thân lánh mặt Đức Chúa Trời (Gen III, 7-8) sau khi ăn trái cấm. Adam then thò vì

đã phạm tội. Còn trắng việc gì mà phải thẹn thò nhất là khi mới lớn lên? Sự thẹn thò của thân thể đó, chúng ta đã thừa kế của Adam, cho nên tôi mới nói không khí rạo rực trong Gái Quê là di sản của nguyên tội. Những câu thơ Vũ Ngọc Phan cho là “gợi tình, thiên về xác thịt”¹⁷ là một dục vọng, nhưng đồng thời cũng là một cảm đoán, một ghê lạnh:

Da thịt trời ơi trắng rợn mình

Hàn Mặc Tử nhắc đến tình ái của ni cô, hay da thịt nàng dâu để gọi lên cái vô tội của mình trong một thế giới đã hư hỏng vì nguyên tội, mà mình phải gánh chịu. Ngay trong giáo lý, dục tình, tự nó, không phải là tội lỗi : “Đó là một căn

¹⁷ Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 326

bệnh, chứ không phải là tội lỗi. Tuy nhiên căn bệnh đó là hình phạt của một tội lỗi.”¹⁸ — tác giả muốn nói là nguyên tội; và “dục tình, bản năng sinh lý như ta thường thấy là tiếng gào phản kháng của một hình hài bị thương tổn.”¹⁹.

Nhà thơ dự phóng những rạo rực của bản năng ra ngoài vũ trụ; cái nhìn của chàng vượt ve, mơn trớn với yêu đương, tất cả tạo vật. Từ ánh trăng, đến cảnh liễu, mặt hồ, cơn gió, cho đến bài thơ của người yêu, tất cả đều có nhiệt độ nồng nàn của da thịt, tất cả đều tương giao trong nguồn ái ân bởi trăm dây quyến luyến :

18 J.E. KERNS, S.J, Les Chrétiens, Le Mariage et la Manualité. Edit. du Cerf, 1966, Paris. tr. 93.

19 J.E. KERNS, S.J, sdd, tr 94.

*Trăng nằm sóng soải trên cành
liễu*

Đợi gió đông về để lả lơi

*Hoa là ngây tình không muốn
động*

Lòng Em hồi hộp, chị Hằng ơi!

(tr. 22)

Dục tình trong đoạn thơ nằm trước hết trong cách chọn những chữ gợi tình, khi đi đôi với nhau như trăng và gió, trong thành ngữ phong nguyệt hay gió giăng. Hoặc trăng và hoa, hoặc liễu và hoa, trong những hình ảnh nguyệt hoa hay ghẹo nguyệt trên hoa, hay liễu ngổ hoa tường. Đoạn thơ lại kêu gọi bằng những hình ảnh táo bạo đến suồng sã như nằm sóng soải, lả lơi,

ngây tình; cuối cùng cơn mê đắm còn biểu lộ trong những ý tưởng lộ liễu đến sở sàng. Tất cả những chữ, những hình ảnh, những ẩn dụ, những ý tưởng đó giao thoa thành một không khí lơ lửng, vừa cợt nhả vừa tinh tế, tuy có suồng sã nhưng không phải là không khéo léo. Thơ gọi tình của Hàn Mặc Tử có lẽ táo bạo vào bậc nhất trong thi ca mới; cái tài tình của ông là táo bạo đến đâu vẫn còn ý nhị. Một lối suồng sã mà không sống sượng, như ở Xuân Diệu chẳng hạn :

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực...

một cử chỉ, câu nói sống sượng khi tự nó, nó nói hết những điều muốn nói, và đôi khi còn nói luôn

những điều không muốn nói. Ở Hàn Mặc Tử – ít ra ở những bài còn lưu truyền đến ngày nay – dù hở hang đến đâu, vẫn còn cái úp mở của một ngôn ngữ ý nhị và tình tứ. Chúng ta không còn những bài như *Hát Giã Gạo* trong tập *Gái Quê* đã làm cho Vũ Ngọc Phan “lộm giọng”, nhưng dù muốn dù không, ta phải công nhận nhà thơ có một quan niệm luyện ái thánh thiện, lành mạnh đến bệnh hoạn:

Cho nên tôi tưởng tối tân hôn

Chưa tới, còn xa để được buồn

*Để sống trong niềm thương nhớ
đã*

*Để còn mừng tượng đến giai
nhân*

(tr 28)

Độc Hàn Mặc Tử ta có cảm giác một sự giằng co giữa con người phóng túng và con người khắc khổ? Cái giọng tình của ông, dù có cọt nhả đến đâu, cũng chỉ tả một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng, một môi giới giữa nhân sinh và tạo vật. Nói gọn hơn, nó không thể tự mãn, trong một thế giới không tự mãn.

Vì vẫn còn là một thế giới đợi chờ, trong im lặng linh thiêng, bằng tất cả trực giác của trăm sao đắm đuối.

Không một tiếng gì nghe động chạm

Dấu là tiếng vỡ của sao băng

(tr 27)

Một đêm thao thức đợi chờ Diêm La, trong lòng vũ trụ còn say chìm nơi bất giác, nhưng đã được các tiên tri chuẩn bị để đón mừng Ngôi Hai.

Hàn Mặc Tử mô tả thế giới đợi chờ đó trước hết bằng di sản hồn nhiên của một nền văn hóa ngoại đạo nhưng niềm nở và hướng thượng; thứ đến bằng đức tin nuôi dưỡng trong Phúc Âm; hai phụ lưu sung mãn đó đã đổ vào hồn thơ của Hàn Mặc Tử, như một dòng sông vừa nhận được cơn nước nguồn thác lũ bỗng phải vượt qua một địa thế hiểm nghèo: bệnh phong nan y đã biến nguồn thơ hồn hậu đó thành một cuồng lưu khốc liệt, nếu không phải là một vũng nước xoáy.

Đau Thương. Tên một tập thơ, và tên một định mệnh. hay tiếng gầm của một cuồng lưu lâm vào tuyệt địa. Chúng ta nói qua sự đau thương trong cuộc đời. Rồi trong thơ.

Hàn Mặc Tử nhuộm bệnh từ năm 1936. Hăm bốn tuổi, tuổi hoa đang phát tiết. Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, Tử hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều khi ít. Nhưng ngày rồi ngày nổi đau khổ hết phát hiện ra ngoài một cách bỗng ngột, lại ăn sâu vào tâm hồn và ngấm ngấm nung nấu nạn nhân, nung nấu đến

tốt độ²⁰. Hàn Mặc Tử nhiều lần mô tả những đớn đau của thân xác:

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên

(tr 53)

Bên cạnh những hành hạ của bệnh trạng, Hàn Mặc Tử còn phải đương đầu với hai hậu quả khác của hoàn cảnh: nghèo túng và tuyệt vọng vì tình. “Hiện nay Trí về tạm ở nhà. Cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc.” “Bữa nay Trí xuống nhà bà thầy thuốc rồi. Có một mái nắng dọi nhiều quá. Cả buổi chiều nếu ở trong nhà thì phải đội mũ²¹. Chúng ta còn có nhiều tài liệu khác về nỗi cùng khốn của nhà

20 Quách Tấn, VĂN, sđd, tr 81.

21 Trần Thanh Mai, sđd, tr 73.

thơ, qua những bức thư gửi Trần Thanh Địch. Về cuộc tình duyên đau khô với Mộng Cầm, chúng ta cũng có nhiều tài liệu. Đại khái hai bên yêu nhau khăng khít, thề bồi dũ dội lắm, hẹn hò nhau từ Phan Thiết ra đến Qui Nhơn; khi Hàn Mặc Tử chịu tang cho anh, thì Mộng Cầm tự xin phép được “thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh”, vì người cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu.”²² Khi biết chàng lâm trong bệnh, thì nàng “thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn.”²³ Để rồi sáu tháng sau nàng đi lấy chồng.

22 Thư MC, do Trần Thanh Mại trích, sđd, tr 94.

23 như trên

Trần Thanh Mai cho rằng nàng không đáng trách. “Duy có cái nàng lấy chồng hơi gấp đấy thôi.” [Trần Thanh Mai, sđd, tr 95.] Quách Tấn cũng cho biết là thái độ của Mộng Cầm đã gây cho nhà thơ “một nỗi buồn thương vô hạn”, “một phản ứng mãnh liệt”, “những tiếng kêu rên thống thiết”²⁴.

Trời hỡi nhờ ai cho khỏi đói ?

Gió trăng có sẵn làm sao ăn?

*Làm sao giết được người trong
mộng*

Để trả thù duyên kiếp phụ phàng

(Trần Thanh Mai, tr 95)

²⁴ Quách Tấn, Văn, sđd, tr 88.

Tiếng kêu trầm thống đó chất chứa cả kiếp cùng khổn vật chất lẫn tinh thần, cho đến ngày bị con bệnh tàn phá đến thảm thê, theo thư một người bạn thân, cùng bị hủy, kể lại “hai mắt nằm lọt vào hai lỗ hũm sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc lấy xương, chân tay thi co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại từng vè, trong ấy nhô nhúc những chí là chí” (thư của ông N.V.Xê, để tại Quy Hòa ngày 25-3-1941)²⁵. Tôi tưởng không có gì thê thảm hơn tình trạng băng hoại đó. Ấy thế mà Hàn Mặc Tử đã can đảm chịu đựng cái cảnh làm ta phải rùng mình, vui vẻ chịu đựng nữa là khác: Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui, ngày nào cũng có cười cả. Nếu không cười

25 Trần Thanh Mai, sđd, tr 193.

với ai, thì cười một mình, xem ra thú vị không biết mấy²⁶. Niềm an vui đó Trần Thanh Mại, người biết cuộc đời thật của nhà thơ cho là “yêu quái” là “kinh dị”. Còn Vũ Ngọc Phan, chỉ biết Hàn Mặc Tử qua một số thi phẩm cũng không khỏi ngạc nhiên: “một người mang bệnh rất đau đớn mà có một tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ.”²⁷ An vui của Hàn Mặc Tử không phải cay đắng, gượng gạo, có khi nổ tung ra trong những câu thơ hờn hở:

Hôm nay vui quá Anh Phùng ơi

Buồn xa không đến, lệ không rơi

*Buồn không thắt ruột, tình
không lại*

26 Trần Thanh Mại, sđd, tr 121.

27 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 330.

Cười nói làm sao cho hả hơi ?

(Trần Thanh Mai, tr 122)

Họ Trần phê bình là “Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gở, thật đã đáng rùng mình.” Sở dĩ ông không hiểu can đảm của bệnh nhân, theo tôi, là vì ông không hiểu sức mạnh của đức tin trong con người Hàn Mặc Tử. Khi đề cập đến vấn đề này, Hoài Thanh, cũng là người ngoại đạo, nhưng tinh tường hơn Trần Thanh Mai, thừa nhận ngay: “Thiếu lòng tin tôi chỉ là du khách bỏ ngõ” [Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 212.] còn họ Trần thì cứ phán đoán âm ỉ cả lên. Nhưng nhờ có ông mà chúng được một dữ kiện về đời sống tín ngưỡng của nhà thơ:

“Trong khi sưu tầm tài liệu về nhà thi sĩ, tôi có tìm thấy trong một nhà trọ của chàng, một mẫu báo dán trên khung cửa sổ tre, đã nhàu nát vàng vọt, và nhìn lỗi in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo “Vì Chúa”. Đoạn bài đăng trong mẫu báo ấy nói về nguồn an ủi trong bệnh tật cho rằng sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nhịn mà lại còn nên vui vẻ bằng lòng nữa.”[Trần Thanh Mai, sđd, tr 120.] Căn cứ trên đoạn này tôi cho rằng tác giả không mấy thông thạo giáo lý Kitô giáo. Nếu bài báo ấy — Vì họ Trần, mãi cho đến ngày nay ở Hà Nội vẫn có cái có thật cố tật rất bậy là ưa bịa đặt tài liệu²⁸ thì chúng ta

28 Nguyễn Công Hoan, tạp chí Văn Nghệ Hà Nội số

rất tiếc rằng họ Trần không trích dẫn chính xác, cho biết rõ xuất xứ, tìm xem báo “Vì Chúa” số mấy, ngày mấy... Hoặc ít nhất cũng cho ta nguyên văn. Vì theo kiến thức thô thiển của tôi, thì không có kinh sách nào dạy rằng “sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban, và chúng ta phải vui vẻ bằng lòng”. Nhưng vấn đề ở đây không phải là cãi nhau về giáo lý, vừa ngoài phạm vi bài báo và thẩm quyền của tôi. Vấn đề là, như Trần Thanh Mai đã nói, đức tin “đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng”. Quách Tấn xác nhận điều này: «Tử tìm được niềm an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo. Khi đã sống cùng Đạo thì tâm hồn Tử

67. tháng 12, 1962 và 68 tháng 1-1963 về Tú Xương. Tôi đã có đề cập tới trong Văn số 163 ngày 1-10-1970.

hết bị ray rứt dày vò”²⁹. Chính nhà thơ đã kể lại một ngày bệnh tật của mình: “Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỗi một cái gì...”³⁰ Đối với Hàn Mặc Tử, Thơ là Đạo và Đạo là Thơ, Thơ đã đạt tới Đạo và Đạo để đi tới Thơ, hoặc như Hoài Thanh đã nhận xét chí lí: “Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nói liền người ta với Thượng Đế.”³¹

Thơ đưa về Đạo, là nẻo đường

29 Quách Tấu, Văn, sđd, tr 116.

30 Trần Thanh Mại trích, sđd, tr 120.

31 Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 211.

đưa đến Con Đường. Thơ là giải thoát tạm thời của Đau Thương, trong khi chờ đợi Đạo là Cứu Rỗi miên viễn. Ngày nào cũng mong mỗi một cái gì. Nếu Gái Quê, như tôi đã trình bày ở đoạn trên, là thế giới đợi chợ Diêm Lạ, đợi chờ Chúa Ra đời thì Đau Thương là một tâm hồn mong mỗi Ngày Chúa trở lại (Mt 24-42). Hàn Mặc Tử chấp nhận bệnh tật không phải là vì “do Đức Chúa Trời ban xuống” như Trần Thanh Mai đã nói, nhưng trước hết vì nó là hậu quả tất nhiên của nguyên tội và thứ đến vì nó là phương tiện thân xác mà Chúa đã dùng để cứu thế. Linh mục Charles Journet, giáo sư Đại Chung Viện Fribourg đã trình bày vấn đề một cách mạch lạc và nhất quán trong tác phẩm về thống khổ: “Chúng ta

xem khổ ải của thân xác như một mãnh lực hợp-cứu-thể vì chúng ta tham dự vào đau đớn và huyết mạch của Chúa Kitô. Vậy không có vấn đề đau đớn mà chỉ có huyền nhiệm đau đớn của Chúa Kitô và trong sự tham dự của chúng ta. Như vậy không nên nói đến chấp nhận Đau Thương mà chỉ nên nói đến gia nhập vào công đức cứu rỗi chúng ta không chấp nhận (accepter) vì nó là một định luật của thể xác; chúng ta thu nhận (adopter) vì nó nối liền ta với bản thân Thiên-Chúa-hiện-làm-người.”³²

Đoạn trên rọi sáng lời truyền dạy của sứ đồ Saint Paul trong thư gửi cho người La Mã: “Những đau

32 Charles Journet, *Le Mal, essai théologique*, từ sách giáo lý, Desclée de Brouwer, Bruges, Bỉ, 1961, tr 271.

khổ hiện tại không có nghĩa lý gì so với những vinh hiển phải được thể hiện trong mỗi chúng ta. Mỗi hình hài chờ đợi là một khát vọng sự thể hiện con cái Đức Chúa Trời, với Mơ Ước được giải thoát ra khỏi hư nát, và đạt tới tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng hình hài, đến nay vẫn rên xiết trong công trình thai nghén” (Rom, VIII, 18-22). Đau Thương hôm nay là thai nghén cho ngày mai, thai nghén một mùa Xuân Như Ý. Người đi trong Mơ Ước... Người Ki-tô giáo quan niệm đau thương như một huyền nhiệm, nhưng hữu hạn, trước Thượng Đế là một huyền nhiệm, vô hạn. Tôi thành thật nghĩ rằng Hàn Mặc Tử đã an vui được trong Đau Thương – một hoàn cảnh thể xác, vật chất và tinh thần làm

chúng ta phải rùng mình – là nhờ huyền nhiệm đó, nhờ sức mạnh của xác tín. Có lẽ xác tín đó, cộng với bệnh trạng, đã tạo một linh thị cho nhà thơ. Trần Thanh Mai và Quách Tấn đồng ý “là mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy có bà Thánh Nữ Đồng Trinh Maria đến cứu”³³. Theo Quách Tấn thì bài thơ trứ danh “*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh*” được viết khi Tử sống lại, trong cảnh đó³⁴.

Dù cho rằng mộng mị chỉ là một biến thể của bệnh trạng, thì dưới ánh sáng của khoa phân tâm, ta có thể đi đến cội rễ của mộng mị, dù xa lạ đến đâu. Cội rễ ở đây,

33 Trần Thanh Mai, Sđd, tr. 130.

34 Quách Tấn, Văn, Sđd, tr. 75.

là xác tín trong tâm hồn Hàn Mặc Tử, người đã cam chịu hư nát để chuẩn bị một vinh hiển. Thật ra, niềm tin vào cuộc tồn sinh mai hậu, của linh hồn, ở một thế giới khác, không phải đặc biệt của Thiên Chúa giáo. Trong hầu hết các tín ngưỡng tự nhiên của dân gian, nước nào cũng vậy, đều có mầm hy vọng ở một đời sống khác. Chỉ nói đến vòng đai tôn giáo chung quanh Thiên Chúa, chúng ta đã có thể kể tư tưởng Assyrien, Babylonien, và nhất là Ai Cập đều có niềm tin đó, như muốn Ra khỏi gian và vượt hẳn thượng tầng. Đức tin của Hàn Mặc Tử không phải ở chỗ mong hồn tới tập đến ở ngoài kia vũ trụ, mà ở chỗ tìm gặp Một Người ở cõi quá thình gian; Hàn Mặc Tử tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực

không phải vì chiêm bao đẹp hơn
sự thực vì ứ đầy hơi khoái lạc mà
chỉ vì :

*Vì có đang hằng sống, hằng Ngự
Trị*

*Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp
hư linh*

(tr. 59)

Bài *Ngoài Vũ Trụ*, mà tôi đã
trích các câu trên, tiếp theo hai
bài *Hồn lìa khỏi xác* và *Siêu Thoát*
soi sáng ý nghĩa của những bài
Đau Thương và báo hiệu cho *Quần
Tiên Hội*, *Cẩm Châu Duyên* và *Xuân
Như Ý*. Vậy ta có thể đề cập đến
một kiến trúc trong thi phẩm Hàn
Mặc Tử không? Đặt dấu hỏi vì tôi
ngờ rằng sự sắp xếp thứ lớp trong

tập thơ không phải do thi sĩ, mà những người phụ trách tái bản thơ ông, tức là Quách Tấn hay Hoàng Trọng Miên gì đó. Do đó, tôi không dám dựa trên trật tự cụ thể của tập thơ để nói đến kiến trúc, như Marcel Ruff đã nói về “Architecture Secrète” khi trình bày nhất quán thi phẩm “Les Fleurs du Mal” của Baudelaire. Tôi vẫn theo lối sắp xếp trong ấn bản Tân Việt, vì nó phản ánh thứ tự biên niên trong quá trình sáng tác; tôi nghĩ ít ai bác bỏ thuyết cho rằng Gái Quê sáng tác trước Đau Thương; và Cẩm Châu Duyên, Duyên Kỳ Ngộ sáng tác sau cùng, thời kỳ nhà thơ viết Thương Thương. Nhưng dù sao tôi cũng dè dặt để mong các nhà biên khảo sau này có nhiều sử liệu đích xác hơn tôi, sẽ đào sâu cơ cấu mạch lạc của

vũ trụ Hàn Mặc Tử, trên bình diện này hay bình diện khác, hoặc trong nguồn sáng tạo toàn diện thì càng đẹp.

Khi đề cập đến kinh nghiệm đau thương của Hàn Mặc Tử tôi tiếc chưa được đọc bài của Võ Long Tê, một chuyên gia về văn chương Thiên Chúa giáo về vấn đề này; nghe nói bài sắp sửa đăng báo, tôi đợi hoài chưa thấy. Tôi thấy cần nói thêm: Không riêng gì Phúc Âm, những tín ngưỡng khác của người Á Đông cũng tìm một giải đáp cho đau thương; Phật giáo thì cho đó là những đợt sóng triền miên của Mê Hà hay Khô Hải; Lão giáo thì cho đó là định luật của Vô Tri. Cái trường của nhà thơ là do đức tin vững chắc ở Đấng Cứu Thế, và đức

tin đó đã được bồi dưỡng trong cái Dũng của triết lý Đông phương, lẫn cái kiên trì trong lòng dân tộc. Nói đến xác tín của Hàn Mặc Tử không phải là tôi không biết (hay tệ hơn nữa, tôi không nhớ) đến những giá trị bằng hữu kia. Khi suy nghĩ về khổ lụy của nhân sinh, tôi đọc lại kinh Coran của Hồi giáo thì có cảm giác như là họ không chấp nhận Khổ đau như người Ki-tô giáo hay người Á Đông, vì họ cho là do sự hành hạ của Thượng Đế. Vậy trong Hàn Mặc Tử có sự giao hòa giữa một đức tin sung mãn và một tâm hồn niềm nở, tạo ra một nguồn thơ hết sức sâu xa.

Trong tinh thần Phúc Âm, Hàn Mặc Tử đã sống trọn vẹn Đau Thương của hiện thế, trước hết, vì

đó là phương tiện Chúa đã dùng để Cứu Thế, thứ đến để chuẩn bị cho vinh hiển mai sau, như lời giảng trên núi, sửa soạn cho Ngày sống lại với Đấng hằng Sống, hằng Ngự Trị. Nhưng trên bình diện sáng tạo, quan niệm Đau Thương đó đã thể hiện ra sao? Tôi tiếc không được đọc bài báo của Lê Tuyên về những chủ đề trong thơ Hàn Mặc Tử, đăng trên tạp chí Đại Học Sư Phạm cách đây bảy tám năm gì đó. Nay tôi lại đề cập lại vài hình tượng quen thuộc trong thơ Hàn Mặc Tử như Trăng, Máu và Hồn.

*

*Trăng! Trăng! Trăng ! Là Trăng,
Trăng, Trăng!*

Đó là điệp khúc độc điệu của một ngư phủ, theo lời kể của Quách Tấn. Đó cũng là khúc nhạc lòng của nhà thơ. Trăng là một thứ ánh sáng vừa của nội tâm, vừa của ngoại giới. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tương quan giữa những hình ảnh thi ca và đức tin.

Ảnh hưởng của đêm trăng đối với bệnh phong đã được ông Trần Thanh Mại khai triển đầy đủ. Còn nét quyến rũ muôn đời của ánh trăng đối với thi nhân thì viết bao nhiêu pho sách cũng còn điều chưa nói. Nhưng không thể nói đến thơ Hàn Mặc Tử mà không đề cập tới trăng, vì theo Trần Thanh Mại thì

hai phần ba tập “Đau Thương” nói về trăng, nửa phần còn lại nói về hồn³⁵.

Trăng, trước hết là ánh sáng tràn ngập cả vũ trụ Hàn Mặc Tử.

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi

*Trăng ngậm đầy sông chảy lảng
lai*

(tr 51)

Trăng là thứ ánh sáng êm dịu, màu nhiệm phủ ban đêm, đối với ánh sáng chói chan bóng râm của mặt trời nhiệt đới; Trăng tạo thi vị cho bóng tối tại những vùng nông nghiệp có sinh hoạt về đêm, và như Xuân Diệu kể, thì có “trăng của tình duyên, trăng của xa xôi,

35 Trần Thanh Mai, sđd, tr 61.

trắng của hão huyền” và “trắng của những đèn đài mỏng thoáng.” Văn học của chúng ta, từ xưa đến nay, vẫn le lói những ánh trắng bất tận. Tôi không dài dòng về địa hạt rộng rinh không bờ bến này, chỉ muốn đề cập đến khía cạnh tượng trưng của ánh trắng trong giáo lý.

Trắng trước hết là Ánh Sáng, một chủ đề rọi suốt mặt khải Kinh Thánh, từ ngày thứ nhất của sáng thế, khi Đức Chúa Trời phân định ánh sáng và bóng tối, (Gen I, 3-4), cho đến chương cuối cùng của Khải Huyền, khi con người, trong trời đất mới, hưởng được một ánh sáng miên viễn (Ap. XXII, 5). Như vậy thế giới di chuyển từ một vùng ánh sáng tương đối, ánh sáng vật chất đối với bóng tối ban đêm, đến

một ánh sáng tuyệt đối, ánh sáng vĩnh cửu ngay trong châu thân Thiên Chúa, vì “Ngài là Sự Sống mà Sự Sống là Ánh Sáng” (Jean I, 4) Về quá trình từ tương đối nọ đến tuyệt đối kia là sự phấn đấu không ngừng giữa ánh sáng và bóng tối, tựa hồ như cuộc phấn đấu giữa nguồn sống và cõi chết. Ở Hàn Mặc Tử, ánh trắng là một thứ Ánh Sáng đang tương tranh cùng Bóng Tối, trong một tư thế bi thảm, khác với mặt trời là chiến thắng -dù là tạm thời – của Ánh Sáng.

*Ánh trắng mỏng quá không che
nổi*

Những vẻ xanh xao của mặt hồ

Những nét buồn buồn tơ liễu rũ

Những lời năn nỉ của hư vô

(tr. 30)

Mâu thuẫn tâm cảm của nhà thơ là vừa yêu bóng đêm - vũ trụ Hàn Mặc Tử là một vũ trụ về đêm - vừa yêu ánh sáng, và vươn tới một nguồn chói lọi.

Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên

Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng

(tr. 59)

Sự thật mâu thuẫn đó nằm trong những hình ảnh đa nghĩa của Kinh Thánh, vì bóng tối cũng là một sáng tạo của Đức Chúa Trời (Gen I, 1-2). Từ Điển Giáo Lý Kinh Thánh khai triển điểm tế nhị đó

như sau: “Bóng tối tượng trưng cho một kinh nghiệm kép hoặc nó xác nhận không có ánh sáng, hoặc bao hàm sự biện hữu của ánh sáng. Con người muốn có ánh sáng tràn đầy nhưng tìm đến bóng tối; Chúa là ánh sáng, là lửa bóng, mà cũng là bóng mát. Kinh Thánh lý theo sự đa nghĩa đó.”³⁶ Chúng tôi muốn đề nghị một ý nghĩa mới cho ánh trăng. Ở Hàn Mặc Tử trăng là một sự tương tranh đồng thời tương ứng giữa ánh sáng biết và bóng tối, vừa tương khắc vừa tương sinh. Trăng là Bóng Tối hết là Bóng Tối và Ánh Sáng chưa đủ là Ánh Sáng. Trong biện Chứng Sáng — Tối đó, tâm hồn Hàn Mặc Tử vẫn được xác định bằng Ánh Sáng, tức là “con của

³⁶ Vocabulaire de Théologie Biblique, Edit, du Cerf, Paris 1002, tr. 714.

Ánh Sáng”, khác với con của bóng tối hay “con của Hiện Thể” (Luc, XVI, 8). Vậy nhà thơ là Ánh Trăng, vì chàng là con của Ánh Sáng.

*Không gian đầy đặc toàn trắng
cả*

*Tôi cũng trắng mà nàng cũng
trắng*

(tr. 30)

Vì, bên dưới bình diệp siêu hình, về mặt đạo đức, vẫn phải có sự phân biệt giữa bóng tối và ánh sáng (II Co VI, 14) giữa ánh sáng chân chính và giả trá (II Co XI, 14)

*Và tình ta sáng láng như trăng
thanh*

(tr. 55)

Thỉnh thoảng Hàn Mặc Tử không ngại mượn một vài hình ảnh của Kinh Thánh để tả trắng, như:

*Người trắng ăn vận toàn trắng
cả*

Gò má riêng thôi lại đỏ hường

(Trần Thanh Mai, tr 55)

Chúng ta liên tưởng ngay đến một câu của Thi Thiên (104,2) “Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như cái áo.”

Trắng trong Hàn Mặc Tử không những là một thứ ánh sáng ảo huyền và hiu hắt. Nó có hình có trạng, như một vật cụ thể khả xúc. Có khi là một món hàng – ai mua trắng ta bán trắng cho – có khi là châu báu, là hơi nước chảy, hay là

một người đàn bà, mà tôi mừng
tượng phải đẹp lắm trong nhan sắc
làm bằng Ánh Sáng và Im Lặng.

*Tôi lần cho Trăng một tràng
chuỗi*

*Trăng mới là Trăng của Rạng
Ngời*

(Trần Thanh Mai, tr 61)

Và nói chung, trăng là hồn, là
máu của bóng đêm: tôi có nói đến
ba chủ đề, kỳ thật chỉ là ba tiết diện
của một thể giới:

Gió rít từng cao trăng ngã ngửa

*Vỡ tan thành vũng đọng vàng
khô*

*Ta nằm trong vũng trăng đêm
ấy*

*Sáng dậy điên cuồng mưa máu
ra*

(Trần Thanh Mai, tr 63)

Hình ảnh máu hoặc nhỏ từng giọt, hoặc ọc từng búng, ho đọng thành vũng, hoặc chảy thành sông, có lẽ là dấu hiệu của bệnh lý. Ý nghĩa của máu là cuộc sống vì máu mang sinh lực đến cho mỗi tế bào, mà đồng thời cũng là cỗi chết, khi đã khô, đã đọng thành vũng máu đào trong ác lặn³⁷. Về hình ảnh máu vẫn thường gặp trong thơ Baudelaire, Jean Pierre Richard viết: “Sự xuất huyết thiêng liêng ở chỗ nó hội tụ cuộc sống hiển nhiên và cái chết tàn nhẫn³⁸. Máu là cuộc sống đang chết, hay là cái chết tiềm ẩn trong

37 Trần Thanh Mai, sđd, tr 120.

38 Jean Pierre Richard, Poésie et Profondeur, Seuil, 1955.

cuộc sống. Máu là hồn của thể xác
mà cũng là xác của linh hồn, nói
khác đi máu là thơ.

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn
bút*

Mỗi lời thơ đều dính não cân ta

*Bao nét chữ quay cuồng như
máu vọt*

*Cho mê man chết điếng cả làn
da*

*Cứ để cho ta ngất ngư trong
vũng huyết*

*Trải niềm đau trên mảnh giấy
mong manh*

*Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang
siết*

*Cả lòng ai trong mớ chữ rung
rinh*

(Trần Thanh Mai, tr 58)

Máu, cũng như thế, vừa là một hành hạ, vừa là một giải thoát. Chúng ta vẫn thường gặp những hình ảnh máu trong Kinh Thánh: máu là nguyên lý sự sống, nhưng khác với linh hồn ở chỗ máu là thành phần hư nát của cơ thể, còn linh hồn vẫn tồn tại đợi ngày Phục Sinh³⁹. Từ máu Cứu Thế trên Thánh Giá đến máu chiên con, hình ảnh của đau đớn, của hư nát lại là hình ảnh của Hy Vọng; máu của chúng sinh tuy không vào được nước Đức Chúa Trời (I. Cor. XV, 50) vẫn là

39 P. Dhorme, *Revue Biblique*, Số 4 tháng 10-1920, tr. 473. Loạt bài *l'Emploi métaphorique dans la Bible*, chuyên về hình ảnh của thân xác, rất cần cho việc tìm hiểu thơ H.M.T.

một môi giới, một phương tiện,
một ánh sáng, một thâm mỹ:

Và ai gánh máu đi trên tuyết

Mảnh áo da cừu ngấm nở nang

(tr. 38)

Trong bài Biển Hồn Ta (tr. 52) bắt đầu bằng câu Máu tim ta tuôn ra làm biển cả... người đọc có cảm giác như máu và hồn là một, hay máu là hồn của xác thịt còn thể phách là hồn của toàn thể, vì chính nhà thơ cũng phân biệt hồn ngoài và hồn trong

*Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm
tưởng*

*Là hồn dừng nghĩ ngại đến hồn
trong*

*Cứ để mặc hồn ngoài bay lượn
vương*

*Ngao du cùng khắp cõi trí mênh
mông*

*...Rồi hồn ngấm tử thi hồn tan
rã*

*Bốc thành âm khí loãng nguyệt
cầu xa...*

Đã là hồn rồi mà còn có tử thi nữa sao? Lại còn ngấm được tử thi mình nữa sao? Ở đây, ngoài sự phân biệt “hồn” và xác cố hữu trong tiềm thức người Việt Nam, ta còn phải ghi nhận thêm ảnh hưởng phong thổ vùng từ Qui Nhơn đến Phan Thiết nơi Hàn Mặc Tử sống, vùng đất của người Chăm. Nhà thơ thế nào, cũng nghe chuyện ma

Hồi đêm đêm là khỏi xác đi chơi hay ăn đêm, và đã nhớ đến những chuyện đó trong cơn mê sáng bệnh hoạn. Nhưng trong Thánh Kinh, nhất là Cựu Ước, chúng ta còn bắt gặp dấu tích sự phân biệt đó, bắt nguồn từ tư tưởng Do Thái giáo. Thân thể, tiếng Hébreu (Do Thái) gọi là basar, dịch ra La-tinh là caro, thành tiếng Pháp là chair. Xác thịt, nếu không có sinh khí, chỉ là một “tử thi”. Hơi thở của Jahweh đã hà sinh khí vào xác thịt, nhưng chỉ tạo nên một quân bình mong manh: “thần khí của ta sẽ không lưu lại mãi trong loài người, vì loài người chỉ là thân xác” (Gen VI, 3); vậy trong tư tưởng Do Thái giáo, chẳng những hồn và xác khác biệt nhau, mà hồn là thần khí mà Đức Chúa Trời ký thác vào thân xác con

người đó thôi, chứ không hẳn của con người. Do đó, trước khi chết, Chúa Jêsus đã nói “Thưa Cha, trong tay Cha con trả lại linh hồn, (Luc XXIII, 46) và Huy Cận đã nhắc lại trong câu Lay Thượng Đế tôi cúi đầu trả lại, Linh hồn tôi... Linh hồn đó, là cái thần khí của Jahweh nay trở về với Jahweh, chứ không phải là cái hồn lìa khỏi xác của Hàn Mặc Tử. Hồn này lại là một chuyện khác, một biểu hiệu của sự sống; hồn này có thể chết, có thể hư nát như thịt xương (Ps, 78, 50) lang thang xuống âm ty sống đời khổ ải, cho đến ngày Thượng Đế cho linh hồn sinh những đồng xương tảo mác⁴⁰. Trong những lời truyền dạy của Thánh Tựa, Hàn Mặc Tử đã nhớ những chi tiết phù hợp với

40 Vocabulaire de Théologie Biblique, Sđd, tr. 31.

tâm hồn hay bệnh trạng mình nhất, nghĩa là sự phân biệt giữa hồn và xác, trong khi giáo lý Thiên Chúa về vấn đề này, phức tạp hơn nhiều.

Vì nhà thơ, trong cơn hành hạ của bệnh lý dĩ nhiên là tìm cách giải thoát, dù chỉ bằng mê sảng

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên

*Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm*

Cho trắng ngập dần lên tới ngực

(tr. 53)

Ở đây, ta bắt gặp ba hình tượng Trắng, Hồn và Máu dồn dập đi lại trong tương quan rất chặt chẽ: nhà thơ khắc hồn ra khỏi miệng, hay

diên cuồng mưa máu ra, hay ngậm cả miệng ta trắng và trắng, cả ba hình ảnh đều òa vỡ từ thân xác, và từ thân xác Đau Thương Hàn Mặc Tử đã dùng thơ để sống trọn vẹn tín lý của mình. Chàng đã thấy hồn mình trong máu vọt, và hồn mình chính là máu đang tuôn trào lênh láng; chàng đã ghi lại những cảm giác rùng rợn đó, bằng những hình ảnh ta đã gặp trong Cựu Ước: hồn ở trong máu (Lv XVII, 10) hồn là máu (Lv XVII, 14), một thứ máu luôn luôn vươn đến ánh sáng, như hình ảnh Đức Chúa Trời chói chang trong tấm áo dệt bằng Ánh Sáng trong Thi Thiên (104, 2) và đắm máu chiên con trong Khải Huyền (XIX, 13). Máu chiên con trở thành Ánh Sáng, và chiên con là ngọn đèn bất diệt của Jérusalem mới. Do đó,

tôi nói Hồn, Máu và Trắng chỉ ba màu sắc chiết quang của một Ánh Sáng Duy Nhất. Người đi trong Mơ Ước. Trong mơ ước, Hàn Mặc Tử đã gọi Ánh Sáng Khải Huyền đó là Xuân Như Ý.

*

Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây...

Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Vẫn là chưa bua, chưa đã, chưa ngời được chí muốn sao!...

Phải mời cho được XUÂN THIÊN ra đời...

(tr 65)

Như vậy Xuân Thiên ở đây phải là một mùa xuân khác. Không là mùa xuân phảng phất ngày xưa trong làn nắng ửng khói mơ tan. Tuy là trời hạo nhiên trong thế giới đợi chờ của Gái Quê cũng một công trình châu báu, do phép tắc màu nhiệm của Đấng Vô thi Vô chung, nhưng là một thế giới sẽ hư nát, sẽ vỡ lở, sẽ chấm dứt. Vì công trình châu báu của Thượng Đế, sau khi con người tự dẫn thân vào tội ác, cũng đồng thời là sự phản nộ của Thượng Đế; mặt đất, nguyên là Quê Hương của loài người đã trở thành một Lưu Đà, không còn là vườn Địa Đàng long lanh nhũ hương và bích ngọc, cũng không phải là Đất Hứa óng ánh sữa thơm và mật ngọt; trên mặt đất, lúa tốt còn mọc lẫn với cỏ hoang,

trái lành ửng chín trong gai bụi, và lương thực loài người còn trộn lẫn cát bụi với mồ hôi; Và con người không những thịt da sượng sần và tê điếng mà còn nứt nẻ như muốn tan rã ra cùng vũ trụ, làm cho mê lẫn máu và hồn, ta là ta hay không phải là ta. Thế giới hiện tại, tuy vẫn có thanh sắc, nhũ hương, vẫn mang sẵn mục nát trong mầm sống. Và mầm sống đó, có sung mãn đến đâu, thì nhà thơ vẫn lòng thương chưa đã mẹn chưa bura, nên phải mời cho được Xuân Thiên.

Chúng ta chưa quên được Người đang say sưa đi trong Mơ Ước đã gặp ở trang đầu. Vậy Xuân Thiên đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết, sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời

trong danh Cha cả sáng. Những thi phẩm cuối cùng của Hàn Mặc Tử như Xuân Như Ý gom góp xong đầu năm 1939, Thượng Thanh Khí đầu năm 1940 và Cẩm Châu Duyên viết giữa năm 1940, gồm hai vở kịch thơ Duyên Kỳ Ngộ và Quần Tiên Hội viết dở dang, đều nói lên niềm Mơ Ước đó. Trong bài này, tôi tạm xếp ba tác phẩm trên cùng những bài cuốn tập Đau Thương vào chủ đề Xuân Như Ý, cho gọn, và như một giai đoạn trong thi trình Hàn Mặc Tử.

Mùa Xuân Thượng Thanh đó ra sao? Về chủ đề mơ ước trong Thánh Kinh một chuyên gia về giáo lý Thiên Chúa nhận xét: “Cuộc sống vĩnh viễn được xác nhận rõ rệt bao nhiêu, thì những đường

nét của nó lại mờ nhạt bấy nhiêu. Không những mờ nhạt, mà đôi khi còn thiếu sót. Sự tồn sinh không được mô tả, dù dưới những hình ảnh khái huyền”⁴¹.

Lần trong mơ hồ đó, nhà thơ tha hồ mà tưởng tượng quang cảnh trời đất mới. Nếu Xuân Như Ý còn nhiều hình ảnh dựa theo tín lý Thiên Chúa, thì Cẩm Châu Duyên lại gần với huyền tượng của dân gian, phảng phất không khí thần tiên của Đạo giáo – một thứ Đạo giáo bình dân, không ăn thua gì đến cái “đạo khả đạo” của Lão Tử. Vì vậy Hoài Thanh cho rằng Hàn Mặc Tử “chốc chốc lạc vào thế giới đồng bóng”. Thật ra trong cái hoa hoè của dự tượng, nội dung nòng

41 Jacques Quillet, từ sách giáo lý, *Thèmes Bibliques*, Aubier, 1950, tr 175.

cốt của Xuân Như Ý vẫn là một tín điều Thiên Chúa giáo.

Trước hết đó là một mùa Xuân. Nghĩa là một thế giới mới, một khung cảnh tái tạo, như cảnh thành Jérusalem mới được thánh Jean rao truyền ở chương cuối Phúc Âm, Trời mới đất mới được dựng lên trên cảnh trộn trạo, tán loạn của ngày tận thế :

*Cả vũ trụ tàn theo ngày Phán
xét*

*Là khủng khiếp cả Trời Đất tiêu
diệt*

(tr 60)

Mùa Xuân đó ở xa. Ở thật xa nếu nhìn từ thế giới hồn nhiên của *Gái Quê*.

Cửu Trùng là chốn xa xôi ấy

Chim én làm sao bay đến nơi

(tr 37)

Nhưng kinh nghiệm Đau Thương, kinh nghiệm của xác tín trong khổ não, đã chắp lên thân xác nứt nẻ của nhà thơ đôi cánh phượng hoàng. Bằng những bất hạnh, Hàn Mặc Tử đã đến gần với Chúa, và gần với mùa xuân Mơ Ước hơn là cánh én bơ vơ :

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng
trì! Phượng trì*

*Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu*

*Hồn tôi bay đến bây giờ mới
đậu*

*Trên triều thiên ngời chói vạn
hào quang*

(tr 78)

Trong bài *Thánh nữ Đồng Trinh Maria* này, với nguồn rung cảm mãnh liệt của đức tin, nhà thơ đã sống cả thế giới hiện tại lẫn mùa xuân dự tưởng, đã nói đến cơn lậm lụy vira trải qua dưới thế như là một quá khứ. Và trong đức tin đó, nhà thơ đã vẽ cho ta địa hình của Đất Mới, trong bài tựa tập *Xuân Như Ý* :

*Vì chưng muôn xuân là lương
thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh xuân là
nguồn tơ tưởng thơm tho, tinh khiết,
khí xuân là mạch trường sanh bất
tử, tình xuân là cung cầm nguyệt
mê ly, tuổi xuân là NGỌC NHƯ Ý,*

tên xuân là DẠ LAN HƯƠNG.

*Và xuân là phong vị thái hòa của
năm muôn năm, trời muôn trời,
châu lưu trên thượng tầng không
khí, bàng bạc cả giải Hà Sa, chen
lẫn vô tận hồn tạo vật...*

*Loài người hãy tận hưởng một
hơi cho đã ngán và cao rao danh
Cha cả sáng...*

(tr 66)

Chúng ta thử khai triển vài nét
chính của Xuân Như Ý. Chúng ta
đã thấy đó là mùa xuân hồi sinh,
sau khi “trời thứ nhất, đất thứ
nhất tan biến.” (Ap. XXI, 2) Như
đặc biệt mùa xuân này nảy lộc từ
mùa đông, nhưng sẽ không bao giờ
chuyển sang mùa hạ Mai này thiên

địa mới tinh khôi... Và sẽ còn tinh khôi mãi mãi, vì đã đi vào cõi tứ thời xuân non nước. Trong Cẩm Châu Duyên nhà thơ gọi là Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước và mô tả như một tươi sáng triền miên :

*Liên hồ đây bốn mùa xuân cả
bốn*

*Ngát hương đưa trong gió sớm
chơi vơi*

*Làn nước mát và chưa bao giờ
gợn*

Vết phong trần đưa lại ở xa khơi

(Trần Thanh Mại, tr 147)

Đoạn cuối Khải Huyền truyền giảng rõ ràng. Đất Mới đây, là

châu thân Thiên Chúa; mùa xuân của Hàn Mặc Tử trường sinh bất tử, năm của muôn năm, vì ở Khải Huyền Chúa đã kết luận: “Ta làm mới mọi vật. Ta là Alpha và Oméga, là nguyên lý và cực chung.” (Ap. XXI, 5-6)

Xuân Như Ý tiếp đến là một vũ trụ thơm tho và tinh khiết, vì là càn khôn mới dựng lên. Ở đây, nhà thơ như rợn ngợp trong trình nguyên của Đất Mới, mà tượng trưng là chiên con vô tội và vô tội, làm ngọn đèn trình bạch rọi sáng cả hoàng thành. Thi sĩ vội nguyện cầu gọi rửa:

Tôi van lơn thầm gọi Chúa Giê Su

*Ban ơn xuống cho mùa Xuân
hôn phôi*

*Xin tha thứ những câu thơ tội
lỗi*

Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
(tr 74)

Và đề ngợi ca vinh hiển của
Nguồn thơm, nhà thơ đã cao ngâm
một giọng long lanh, thanh thoát:

Ta cho ra một dòng thơ rất mát
Mới tinh khôi và thanh sạch
bằng hương

(tr 70)

Theo Hoài Thanh — người may
mắn hơn chúng ta, được đọc toàn
bộ thi phẩm — thì Cẩm Châu Duyên,

thi phẩm cuối cùng' là “trong trẻo hơn cả”⁴². Âu cũng là chuyện lạ. Gái Quê, từ ban sơ, đã là một dòng suối rùng vắn đục, rồi chảy qua một cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần lụy, ấy mà dần dà lại gạn lọc hết phù trầm, để đổ ra đại dương bằng một giải Cẩm Châu trong vắt. Thật là một đặc điểm trong thẩm mỹ thi ca.

Đất Mới còn là một xứ rục rờ, cao sang, vì xuân mang tên một loài Ngọc:

*Ánh hào quang chan chói ngất
lưu ly*

*Ôi! Cao sang khôn vi, trọng ai bì
Trên nước cả có vô vàn châu báu*

(tr 67)

⁴² Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 214.

Những hình ảnh tráng lệ như gấm, ngọc, trân châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dược đều muốn gọi lên một vinh hiển, như khi sứ đồ tả thành Jérusalem mới trong Khải Huyền: “Thành ấy chói sáng như một viên bửu thạch, như bích ngọc rạng ngời... Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thủy tinh trong vắt. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu.” (Ap. XXI, 11, 18 và 21) Dựa theo Khải Huyền, tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mặc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên Chúa, vì cảnh Bồng Lai của Á Đông, cảnh thần tiên của Đạo gia không có cái huy hoàng, rực rỡ đó.

Cuối cùng Xuân Như Ý là một thái hòa tuyệt đối, trong không gian và thời gian, thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời. Ở đó, trời thì bình an như nguyệt bạch, còn người thì hoan hảo, no nê nhờ trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm. Còn nói chung:

Thiên hạ thái bình và trời tuôn ơn phước

Như triều thiên vờn lượn khắp không gian

(tr 71)

Ở đây, sầu đau đã chìm trong quên lãng. Đất Mới không còn cảnh chết chóc, than khóc, kêu ca hay đau đớn nữa» (Ap. XXI, 4) vì những lậm lụy dưới thế đã qua.

Ở đây, tất cả đều là ánh sáng. Và ánh sáng là linh thị cuối cùng bao trùm trọn vẹn thi trình Xuân Như Ý, đồng thời rọi lại toàn bộ tác phẩm Hàn Mặc Tử như một Thánh Thể kết tinh triền miên vươn tới Ánh Sáng, vươn tới Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly. Hay trở về Ánh Sáng. Ở đây, chúng ta đi sâu vào ngõ ngách cuối cùng trong đức tin Hàn Mặc Tử:

Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên

Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.

Tôi sẽ dừng lại đây, dừng lại ở hình ảnh Nguồn Ánh Sáng, vừa là một vươn tới, vừa là một trở về. *Mùa Xuân Như Ý* đẹp trước hết vì là Xuân, thứ đến vì nó là Như Ý, nó

đưa con người về với Chúa, về với Nguồn. Vậy Nguồn Ánh Sáng ở đây là Alpha và là Oméga, vừa là cội rễ vừa là cứu cánh con người. Và cơ cấu thơ Hàn Mặc Tử do đó gói ghém cả mặc khải Thánh Tự lẫn lịch trình Cứu Rỗi. Tôi có cảm giác đã làm xong một bài luận mạch lạc. Bây giờ là kết.

*

Tham vọng của tôi trong bài này là đề nghị một lối nhìn nhất quán vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, trong giới hạn những bài thơ còn lưu truyền, nghĩa là trên một sự nghiệp bị thời gian cắt xén. Khai

quật cơ cấu nội tại của sự nghiệp đó, chúng tôi lại còn mong ước rọi sáng những bài, những câu thơ mà các nhà phê bình xưa nay, từ Trần Thanh Mại đến Vũ Ngọc Phan, cả thi sĩ Quách Tấn đều cho là khúc mắc. Theo chúng tôi, hiểu tất cả các câu thơ, các bài thơ trong một tập thơ, chưa hẳn đã là hiểu toàn bộ tập thơ, ít nhất cũng đối với người viết phê bình. Chúng ta còn phải hiểu liên hệ nội tại trong mỗi tập thơ để nắm vững cơ cấu sáng tạo của thi sĩ — ít ra cũng trong chủ quan người đọc.

Liên hệ nội tại đó, tôi đặt trên đức tin của Hàn Mặc Tử. Tôi cũng có thể đề nghị một nền tảng khác; tôi chọn chủ đề này với một dụng ý: giải thích những nhận xét cố hữu

của các nhà phê bình tiền bối vẫn cho Hàn Mặc Tử là nhà thơ Thiên Chúa giáo, mà không nói rõ, nói đầy đủ, tại sao. Các vị đó thường trích dẫn những bài thơ, hay câu thơ có âm vang tôn giáo, có hình thức tín ngưỡng như *Maria linh hồn tôi...* rồi kết luận; theo tôi, thì chưa đủ vì một người không có đức tin cũng có thể kể rất nhiều tên Thánh, làm thơ ca tụng Đấng Tối Linh, như ngày xưa Nguyễn Hữu Tiến hay Tản Đà nhắc đến Thượng Đế trong “Quả Dưa Đỏ” hay “Giấc Mơ Con”. Theo tôi, chúng ta chỉ có thể nói đến tín lý trong một tác phẩm khi toàn bộ tác phẩm đó tiềm ẩn đức tin trong cơ cấu. Nói khác đi một người Thiên Chúa giáo chưa hẳn là kẻ đọc kinh vanh vách, mà là người đem trọn cuộc đời mình

đáp lại lời gọi của ơn Trên, và một thi sĩ Thiên Chúa giáo không hẳn là kẻ tự xưng là thi sĩ của đạo quân Thánh giá (tr 71) như Hàn Mặc Tử đã tự nhận, mà là kẻ đem cả sự nghiệp thi ca của mình âm vọng lại tiếng gọi của Thượng Đế. Và dĩ nhiên không phải là kẻ “dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình” như Quách Tấn nhận định ở trang 118 số Văn thượng dẫn. Do đó mà tôi cố gắng chứng minh toàn tập thi phẩm Hàn Mặc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tự.

Dĩ nhiên, trong tác phẩm Hàn Mặc Tử còn nhiều vết tích của một nhân bản Việt Nam — Tín ngưỡng Thiên Chúa đã nảy mầm trên một nhân bản phiếm thần và đa giáo, thì hồn thơ Hàn Mặc Tử không

khởi làm một lăng kính hội tụ rồi phát huy nhiều nguồn sáng khác nhau, và hỗ trợ lẫn nhau, như Giáo hoàng Paul VI đã tuyên bố trên đài phát thanh Véritas chủ nhật 29-11 vừa qua, nhân chuyến công du sang Á Đông. “Chúng ta đang ở một vùng đất mà những tư trào cổ kính của Đông phương và những trào lưu mới mẻ hơn của Tây phương đã kết hợp lại và làm giàu cho nhau.”⁴³

Và bạn đọc sẽ hoan hỉ nếu Quách tiên sinh thủ lời hứa “nói về đạo Từ bi trong thơ Từ” vì sẽ hiểu thêm một khía cạnh của thi phẩm, qua kiến thức uyên bác của tiên sinh về phương diện Phật lý cũng như tác phẩm Hàn Mặc Tử..

43 Le Monde, ngày 1 tháng 12 1970, tr 8, cột 1.

Cuối cùng, viết bài này tôi cùng có hai hậu ý riêng tư. Trước là để giải một lời hứa với Tòa soạn Văn từ hai năm nay; một đề tài bao quát và hệ trọng như vậy đòi hỏi một suy nghĩ dài hạn, khiến anh Trần Phong Giao cứ trách tôi là “thề cá trê chui ống”.

Thứ đến là hồi đầu năm nay, tôi có viết một bài diễm sách, về vở kịch “Ngộ Nhận” của Vũ Khắc Khoan. Bài đó đã gây nhiều hiểu lầm, nhất là trong những người thân của tôi, cho là tôi bất kính đối với đức tin Thiên Chúa; và tôi rất khổ tâm; nếu có hiểu lầm đó, dĩ nhiên lỗi về phần tôi, viết không khéo, nói không trọn, lời không thanh, ý không minh. Vậy bài này viết vào mùa Giáng sinh, cho số

Văn Giáng sinh nếu kịp lên khuôn và Bưu điện phát đúng kỳ, sẽ là một bổ chính cho bài trước, và cùng là lời tạ lỗi thành khẩn của tôi⁴⁴.

Lòng thành khẩn đó, của riêng tôi, nhân mùa Hy Vọng còn là cánh hoa huệ từ một lưu vực xa xôi gửi về cho quê hương yêu dấu.

Đặng Tiến

(Val de Loire, 12-1970)

44 L.T.S. - Tòa soạn VĂN xin chân thành tạ lỗi cùng bạn Đặng Tiến, vì đã giữ bài trên đây quá lâu, trong mục đích dành bài viết công phu của bạn cho số VĂN đặc biệt về Hàn Mặc Tử, một số báo đã đòi hỏi gần nửa năm trời sửa soạn.

Phạm Đán Bình

Tan loãng trong Hàn Mặc Tử

*Tặng người đã trao tôi
thơ Hàn Mặc Tử*

Người yêu Hàn Mặc Tử muốn giữ lại một vài hình ảnh của chàng. Một ngày nào đó, có lẽ đã hỏi: “Anh muốn em nghĩ gì khi nhớ tới anh?” Hay là Hàn Mặc Tử đã đón đầu câu hỏi kia? Nên chàng nói với Lệ Kiều ở phần cuối bài “Trường tương tư”:

*Hãy mừng tượng một người
thơ đang sống*

.

Một khối tình nức nở giữa âm u

*Một hồn đau rã lần theo hương
khói,*

*Một bài thơ cháy tan trong nắng
dội,*

*Một lời run hoi hóp giữa không
trung,*

Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng

*Hóa thành vũng máu đào trong
ác lạnh.*

(Thơ HMT, tr 48)

Đây là tất cả người anh tiêu
tán...

Cái đặc biệt trong đoạn này là những hình ảnh của nhà thơ về chính mình đều gọi nên ý niệm TAN LOÃNG. Thi sĩ không nói đến thân xác mình ở đây. Có chăng, tiếng khóc ở “trong phổi”, “trong tim”, có thể ám chỉ rất xa một thân xác bị tàn phá vì bệnh. Nhưng sự rạn vỡ chính yếu ở tận “đáy lòng”. Từ sự rạn vỡ thâm kín “trong hồn”, vang lên tiếng “nức nở”, cũng là những rạn vỡ về mặt âm thanh. Thân xác đau không thấm khốc bằng “hồn đau”. Và “hồn đau” với “khối tình” với “cả niềm yêu, ý nhớ”, đã bật thành tiếng khóc, đã ngân lên “lời run”, đã vang thành “bài thơ”, đã chảy trào như “máu”. Và tất cả những cái ấy đều TAN, đều LOÃNG dần, theo hương khói, với nắng, với khí, với màu trời hoàng hôn:

*Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong
ác lặn.*

Cũng niềm yêu, ý nhớ, mà nơi
Baudelaire có sự cứng đờ:

Le soleil s'est noyé dans son
sang qui se fige:

Ton souvenir en moi luit comme
un ostensor

(“Harmonie du soir”, bài XLIII,
trong tập *Fleurs du Mal*)

Tình nhớ trong hồn Baudelaire
chói sáng như “hào quang”¹ trên
bàn thờ, như vàng ô bên chân trời;
nhưng vàng dương ấy là kết tinh

1 hay là “mặt nhật” (dịch chữ “ostensor”): đồ bằng
vàng bạc thường làm giống hình mặt trời, dùng để
đặt “Mình Thánh”, lúc trưng bày cho bốn đạo Ki-tô
giáo thờ.

của “máu đông lại”. Còn Hàn Mặc Tử nhớ chan hòa “cả một vùng”, như máu chảy thành “vũng” lênh láng một góc trời:

Bao giờ mặt nhật tan thành máu,

Và khối lòng tôi cứng tựa si?

(“Những giọt lệ”, Thơ HMT, tr. 36)

Hình ảnh khô cứng có khi cũng xuất hiện như hình thức tương phản, để gợi cảnh chết chóc, khi sức sống rút dần hay tình cảm vơi cạn:

Máu đã khô rồi, thơ cũng khô,

Tình ta chết yếu tựa bao giờ!

(“Trút linh hồn”, Thơ HMT, tr. 50)

Cả những hình ảnh Hàn Mặc Tử
trối lại cho Lê Kiều trên kia cũng
được đặt trong một khung cảnh
tàn tạ khô héo:

*Em cố nghĩ ra một chiều vàng
úa*

*Lá trên cành héo hắt gió ngừng
ru.*

Tựu trung, Hàn Mặc Tử diễn tả
cảm giác hay ý thức tiêu lán qua
những biến thể: những gì thường
liên tục, tuôn trào như dòng đời,
nguồn sống, thì cứng đọng lại; còn
những gì chắc chắn, có hình thù
khối lượng, thì tan loãng ra.

Nhưng hình ảnh tan loãng
phong phú và thích hợp với tâm
trạng Hàn Mặc Tử hơn. Vì cái tiêu
tán nơi họ Hàn không là tận luyệt và

không dẫn đến hư vô, gây phần uất và tuyệt vọng như ở Baudelaire². Hàn Mặc Tử có một thái độ tha thiết với cuộc sống - càng thấy vui cạn, càng tha thiết. Có hoảng hốt, có kêu gào, nhưng đã dần đi tới một niềm cam phận êm thấm, không cười gằn, không ngạo đời, yếm thế kiểu “cảnh phù du trông thấy cũng nức cười”! Ý thức tiêu tán của Hàn Mặc Tử chuyển đến mơ ước một thể sống mới, nhẹ nhàng, thanh thoát, không giới hạn:

2 Cũng ở bài “Harmonie du soir”, có câu:

“Un coeur tendre qui hait le néant vaste et noir”. Hay là trong bài “Spleen” (bài LXII tập *Fleurs du Mal*):

. L'espoir

Vaincu, pleure, et l'Angoisse atroce, despotique,

Sur mon crâne incliné, plante son drapeau noir.
Hoặc những mục đề “Révolte”, “Le gouffre”, “Le ly-vercle” v. v....

*Đấy là tất cả người anh tiêu tán,
Cùng trăng sao bàng bạc xứ say
mơ,*

*Cùng tình em tha thiết như văn
thơ,*

*Ràng rịt mãi cho đến ngày tận
thế.*

Tiêu tán trong thân phận hữu hình mong manh, để “ràng rịt mãi” cùng trăng sao, cùng tình em, để miên man huyền ảo như sương khói, để phảng phất văn vương như hương quện. Ý thức ấy thể hiện qua hình ảnh tan loãng. Hình ảnh tan loãng vì thế có thể gọi lại cuộc đời Hàn Mặc Tử: một cuộc đời hao mòn vì bệnh, vì tình, vì thơ.

Thân thể rã rời

Bệnh phong đã gây nên một đường nứt rạn thứ nhất vào tới Hàn Mặc Tử, căn nguyên cho những đổ vỡ khác. Đang lúc sức sống của người thanh niên 24 dạt dào dâng lên với mộng ước yêu đời, thì định mệnh ngược chiều vật ngã. Ý thức tan rã bắt nguồn từ đó. Có gì xót xa trong những vần thơ:

*Nàng hỡi nàng muôn năm sầu
thảm*

*Nhớ thương còn một năm xương
thôi!*

Thân tàn ma dại đi rồi...

(“Muôn năm sầu thảm”,
HMT, tr. 46)

Nhưng Hàn Mặc Tử đi dần vào cõi chết với một thái độ trang nhã.

Chàng viết hỏi Bích Khê: “Bao giờ thì chết? Và còn lâu hay đã gần rồi? Tôi cũng đang chết đây nhưng vẫn thản nhiên lắm” (Trần Thanh Mai, tr. 88). Chết để hòa mình với nước mây:

*Một mai kia ở bên khe nước
ngọc*

*Với sao sương anh nằm chết
như trăng.*

(“Duyên Kỳ Ngộ”, theo
T.T. Mai, tr. 181)

Phải chăng quan niệm theo truyền thống Á đông, chết là xuống tuyền đài, là về chín suối?

Như ngọn đèn sắp tắt, bốc lên to ngọn trước khi bắc lại; hay vào giữa thu, trời dờn mấy buổi nắng

đẹp trước lúc ngã sang tàn tạ: Hàn Mặc Tử dồn cả sức sống vào tâm hồn đang lúc thân xác tàn lụi. Tất cả chất sống tâm linh ấy lại ứa chảy vào thơ:

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút.

(Rướm máu, theo T.T.M., tr 58) mỗi.

Nên không lạ gì mà con người thi sĩ càng thêm mòn mỏi. Người thú nhận: “Mỗi lần tôi làm được một bài thơ là héo hắt đi một ít ở tâm hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi» (theo T.T. Mai, tr. 56).

Viết biết ngày chết không xa, nên sống dồn dập, sống hối hả như sóng biển

*Dâng cao lên, cao tốt tới trên
trời*

(Biển hồn ta, HMT, tr.52)

Giả như con người Hàn Mặc Tử là một dải đất, làm sao đất ấy không lở dần vì những đục khoét của con bệnh, vì những vũng «cô liêu». những trận lụt buồn³, những đợt sóng từ biển hồn dào dạt, vì những dòng thơ chảy siết cuốn cả «não cân» với máu tim theo?

Xác hồn phân tán

Trước khi chết, Hàn Mặc Tử như đã kinh nghiệm cái chết và

3 [- Sầu lên cho tới ngàn khơi (Nỗi buồn vô duyên, HMT, tr. 45) / - Và sóng buồn dâng ngập cả hồn, / Lan tràn đến bến mộng tân hôn (Sầu vạn cổ, HMT, tr 44)

dự phóng tình trạng sau khi chết. Người chứng kiến cảnh «hồn lìa khỏi xác» để chơi vơi trên thượng tầng thanh khí:

Rồi hồn ngấm tử thi hồn tan rã

*Bốc thành âm khí loãng nguyệt
cầu xa*

(HMT, tr. 57)

Đang lúc xác thịt nặng nề và mòn mỏi rũ liệt một nơi thì tâm hồn ham sống mơ ước thoát ly để nhẹ nhàng như gió:

*Hồn anh sẽ nhập trong luồng
gió*

Lưu luyến bên em chẳng nói gì

(Lưu luyến, HMT, tr. 41)

để tràn ngập trong trắng:

*Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm,*

*Cho trắng ngập, trắng dồn lên
tới ngực*

(Hồn là ai, HMT, tr. 53)

Và siêu thoát khỏi «bờ trí tuệ»,
và vượt mức vũ trụ hữu hình, lên
nơi «khí tượng bốc ngàn muôn
tinh tú» (Ngoài Vũ trụ, HMT, tr.
59), để tắm gội ở trong nguồn ánh
sáng chan hòa:

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác
thịt*

*Để chập chờn trong ánh sáng
mông lung.*

(Sáng láng, HMT, tr. 55)

Như thế, hồn đối với Hàn Mặc Tử như một chất lỏng tuôn trào mệnh mang (Biển hồn ta), mà cũng như một chất khí tinh vi linh động.

Trần Thanh Mai đã cắt nghĩa cuộc ly dị giữa xác hồn do ảnh hưởng của bệnh hủi hay ảnh hưởng tín ngưỡng dân Chàm (T.T. Mai, tr. 66). Không biết ta có thể tìm hiểu hiện tượng ấy một cách gần gũi hơn, ngay từ tâm lý đặc biệt của Hàn Mặc Tử? Lòng mong ước sống tràn trề, tự do, khoáng đạt đã bị thực tế phũ phàng hạn chế hay ngăn cản, gây nên một cuộc chiến đấu. Các nhà biên khảo về Hàn Mặc Tử đều công nhận cuộc chiến đấu ấy, nhưng đối thủ lại khác nhau: Chiến đấu với «ngoại vật», theo

Trần Thanh Mai; hay chiến đấu với «Tuyệt đối», theo Hoàng Diệp.

Bàn về «nguồn cảm thụ lực» ở Hàn Mặc Tử, họ Trần viết: «Hàn Mặc Tử là nhà thơ duy nhất sống bằng sự chiến đấu giữa tình cảm của chàng và cảnh tượng của tạo vật.» (T.T. Mai, tr. 155). Thiết tưởng trước «cảnh tượng của tạo vật», ví dụ trước tiếng đàn, trước cảnh trăng, không có tình trạng «dàn thành thế trận» như Trần Thanh Mai nói. Vì dàn trận tức là án ngữ, chống lại. Đúng hơn, có lẽ phải nói Hàn Mặc Tử mở hết khả năng tiếp thu để hòa mình với ngoại vật. Đẳng khác, chính Trần Thanh Mai cũng mâu thuẫn với chính mình để nhìn nhận: «Hàn Mặc Tử khi nào cũng sẵn sàng để thấu nhận những

ảnh hưởng ở ngoài.» (tr. 158). Thế thì làm gì còn chiến đấu với «cảnh tượng của tạo vật»? Có tình trạng chiến đấu, nhưng có lẽ ở chỗ khác.

Hoàng Diệp thì cho là chiến đấu với Tuyệt đối. Tìm hiểu tại sao ta «mệt lả» khi theo dõi Thơ Hàn Mặc Tử, Hoàng Diệp đã trả lời: «Có thể vì chúng ta đang chứng kiến một thế trận quá kinh hãi mà thi sĩ phải đương đầu với Vũ trụ, với Tuyệt đối. Bắt gặp Tuyệt đối, bị Tuyệt đối ngăn cách, cự tuyệt, thế là phải vượt qua, nghĩa là phải thắng trận...» (Hoàng Diệp, tr. 37).

Theo thiên ý, Hàn Mặc Tử hướng vọng về Tuyệt đối, căng dẫn hồn mình theo Tuyệt đối hơn là chiến đấu với Tuyệt đối. Căng dẫn như nở ra, như vươn tỏa không ngừng:

*Lòng ra ra mãi như hình nhớ
thương⁴*

(theo T.T.Mại, tr. 166);

như muốn ôm choàng tất cả bao la:

*Đây vườn trăng, tình căng lên
muốn đứt...*

*Thương toàn thương đương vây
muôn dây hương*

(theo T.T. Mại, tr. 176)

Và mộng ước làm gió, làm trăng,
là thanh khí, làm tất cả những gì
tinh anh nhất, chẳng phải là mộng
trở về Tuyệt đối sao?

4 Trần Thanh Mại hình dung câu này như «một cơn nhớ thương dễ sợ» như «một con lão trùng ngo ngoe»! Sao không có thể hình dung một cách thi vị và thanh tao hơn, như một chất hơi, như hương khói dẫn tỏa?

*Chúng ta biến em ời làm thanh
khí*

Cho tan ra hòa hợp với tình anh

*Của trời đất, của muôn vàn ý
nhị,*

*Và tình ta sáng láng như trăng
thanh*

(Sáng láng, HMT, tr. 55)

Như thế Tuyệt đối không phải là đối thủ, mà là khát vọng vô biên của lòng người. Thế thì cuộc chiến đấu diễn ra ở đâu? Có thể coi một cách đơn giản như diễn ra ngay ở thân phận Hàn Mặc Tử được không? Chàng chiến đấu với bệnh, với nghèo, với cô liêu, với thất tình, thất vọng. Tóm lại, chiến đấu với đau khổ.

Kết quả cuộc chiến đấu ấy là những đổ vỡ về mọi mặt. Hoàng Diệp, khi “thu dọn chiến trường”, đã kiểm điểm cảnh tan nát ấy (tr. 37-38).

Không những thể xác và tâm hồn phân tán; cả nhân cách cũng tiêu tan. Và ý thức về mình cũng ra nhợt nhạt, đến không nhận ra hồn của mình:

Hồn là ai? Là ai? Tôi chẳng biết...

(Hồn là ai, HMT, tr. 53)

không biết mình ở đâu:

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?

(Những giọt lệ, HMT, tr. 36)

và hoài nghi về chính bản thể mình:

Ta là ta hay không phải là ta

(Siêu thoát, HMT, tr. 58)

Tình cảnh tan vỡ

Mất Mộng Cầm, đời Hàn Mặc Tử thêm một nút rạn sâu xa. Lòng vỡ hai, không bao giờ gắn lại:

Người đi một nửa hồn tôi mất,

Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ

(Những giọt lệ, HMT, tr. 36)

Từ đây Hàn Mặc Tử sống trong «buổi chập chờn» để nghe: «Thu héo nắc thành những tiếng khô» (Cuối thu, HMT, tr. 38); để thấy «những mảnh nhạc vàng rơi lả tả» (Lưu luyến, HMT, tr. 42); để

theo «trắng choáng váng với hoa tàn cùng ngã» (Hãy nhập hồn em, HMT, tr. 43); rồi ngậm ngùi vì «uýên ương không đoàn tụ», vì tình yêu dở dang như:

*Một làn hương mới nửa lừng sa
ngã*

(Trường tương tư, HMT, tr. 47)

hay bắn khoăn trước nhưng tàn
nhân của cuộc đời còn hứa hẹn:

*Sao bông phượng nở trong màu
huyết*

*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt
châu?*

(Những giọt lệ, HMT, tr. 36)

Toàn những cảnh tả tơi, rơi
rụng, phản ánh cho mối tình phôi
pha:

*Nhưng uyên ương khi trăng sao
bàng bạc*

*Biến mất rồi, anh thấy khói
hương tan*

(HMT, tr. 61)

Không còn gì chắc chắn, vững
bền với thời gian:

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,

Ai biết tình ai có đậm đà

(Đây thôn Vĩ dạ , HMT, tr. 35)

Họa chăng «có trăng sao là bất
diệt» như Hàn Mặc Tử có lần nghĩ?
(Thời gian, HMT, tr. 32). Nhưng
trăng sao cũng ngả nghiêng tan
loãng:

*Và bóng trăng trong âm thanh
lảo đảo*

*Rã lần như hương khói giấc
chiêm bao*

(theo T.T. Mai, tr. 64)

và rơi vỡ tan tành:

*Sao tan tành rơi xuống vũng
chiêm bao,*

*Trăng tan tành rơi xuống một
cù lao*

(Phan Thiết, HMT, tr. 81)

Cả “trăng thề” nơi Hàn Mặc Tử
cũng không “còn đó tro tro” để mĩa
mai cho “giấc mộng muôn năm”
nữa! Nó đã thành những mảnh vụn
như tấm lòng của thi nhân:

*Ôi trời ôi! Là Phan Thiết, Phan
Thiết!*

*Mà tang thương còn lại mảnh
trăng rơi!*

bay tan ra “thành vũng”, như
cô liêu, như hồn, như máu để tràn
ngập chàng:

Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa

*Vỡ tan thành vũng đọng vàng
khô*

(theo T.T.Mại, tr. 63)

Những cảnh đổ vỡ ấy cứ lan
dần. Không những chỉ “địa cầu
đang vỡ toang ra từng mảnh” mà
còn thấy “nhiều hành tinh tan đi
vì đã lỏng.” Cả không gian, cả thời
gian

*Đều trộn trạo, điều hòa và xí
xóa*

*Thành hư không như tình ái đôi
ta*

(Đôi ta, HMT, tr. 33)

Rút cục là một cuộc đổ vỡ toàn
diện:

*Cả vũ trụ tan theo ngày phán
xét*

*Là khủng khiếp cả trời đất tiêu
diệt*

(Ngoài Vũ trụ, HMT, tr. 60)

Thậm chí những cái, theo nhận
xét thường tình, không thể tan
được nữa, mà đối với thi nhân, vẫn
còn biến hóa:

*Thinh không tan như bào ảnh
hư vô*

(Đừng cho lòng bay xa, HMT, tr. 84)

vũ trụ đã sụp đổ, mà khoảng không cũng như ánh sáng còn lủng ra:

Tuy không gian không có vẻ lặng lẽ

Mà ánh sáng tuồng như hơi nước chảy

(theo T.T.Mại, tr. 64)

Nhưng Hàn Mặc Tử không bị đè bẹp dưới cảnh hoang tàn kia. Chàng đã thoát ra khỏi vũ trụ sụp đổ ấy để tìm đến một thế giới mới, sống một tình trạng mới.

Thế giới mới

Cảnh vũ trụ sụp đổ nơi Hàn Mặc Tử có một màu sắc Khải huyền (apocalyptique). Khi nói đến “ngày phán xét”, đến tận thế, đến sao rơi trắng rụng, hẳn Hàn Mặc Tử đã chịu ảnh hưởng Thánh kinh Ki-tô giáo về quan niệm cánh chung. Các Phúc Âm tả biến cố khánh tận như bao trùm cả vũ trụ: “Sau những ngày thảm khốc đó, mặt trời sẽ tối lại, mặt trăng sẽ mất sáng, sao sẽ từ trời rơi xuống và muôn vì tinh tú trên thượng tầng đều chấn động.” (Matthieu XXIV, 29). Và sách Khải huyền loan báo một thế giới mới: “Rồi tôi thấy một trời mới, một đất mới — vì trời cũ và đất cũ đã biến tan và biến (trầm luân) cũng không còn nữa... Thiên Chúa sẽ lau ngân

lê trên mắt họ không còn chết chóc,
khóc than, buồn phiền vì thế giới
cũ đã qua đi.” (Apocalypse XXI)

Thế giới mới xuất hiện như một
cung điện nguy nga làm bằng Vinh
quang, bằng Ánh sáng “lung linh
như kim cương như ngọc thạch...
không còn đêm tối”.

Thế giới mới của Hàn Mặc Tử
cũng lung linh bàng bạc, làm bằng
những gì tinh anh cao quý nhất:

*Trời trong đáy trời rất mực
quỳnh dao*

*Duyên thanh tịnh trắng tứ bề
vây kín*

(theo Trần Thanh Mai, tr. 64)

Cõi thanh tao, “xứ say mơ” ở

đây tượng trưng bằng ánh trăng
diêm ảo:

*Không gian đầy đặc toàn trăng
cả*

*Tôi cũng trăng mà nàng cũng
trăng*

(Huyền ảo, HMT, tr. 30)

Cả bài “Chơi giữa mùa trăng” đưa ta vào thế giới trong sạch ấy: “Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ và trí tuệ và mộng và thơ, và nước và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói, ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trình bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng

như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trắng, và đang trôi nổi bênh bồng đến một địa cầu nào khác.”

(Trần Thanh Mai, tr 160 và 162)

Nhưng thế giới mới của Hàn Mặc Tử gần thế giới thần tiên (với Cẩm Châu Duyên, Duyên Kỳ Ngộ, và Quỳnh Tiên Hội) hơn là thế giới tôn giáo (Xuân Như Ý và Thượng Thanh Khí). Thi sĩ tưởng đến “nước Nhược non Bồng” và đi “tìm dấu tích của Đào nguyên tiên nữ” nhiều hơn là Thiên đàng siêu nhiên.

Dù sao, thần tiên hay tôn giáo, thế giới mới kia là thế giới lý tưởng hóa, đền bù cho thực tế phũ phàng. Một thế giới không còn những mâu

thuần và thỏa mãn mọi ước vọng.
Đưa ra ra nào là nhạc thơm, hương
gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch,
đàn ly lao, tranh tuyệt phẩm để làm
nên một mùa “Xuân Như Ý”:

*Thiên hạ bình và trời tuôn ơn
phước*

(Nguồn thơm, HMT tr. 71)

*Vạn sự điều hòa tươi tốt như
thuở “thiên địa mới tinh khôi”*

(Xuân đầu tiên, HMT, tr. 70)

Và “vô cùng đến ngàn năm ơn
phước” (Quần tiên hội).

Nếu xưa kia đói khát yêu đương,
Hàn Mặc Tử đã hỏi: “gió trăng có
sẵn làm sao ăn?” Thì bây giờ

Đã no nê, đã bura rồi, thế hệ

*Của phường trai mê mẩn khí
thanh cao*

(Đêm xuân Cầu nguyên,
HMT, tr. 73)

và thú với “Thánh nữ Đồng
trinh Maria”

Tôi no rồi ơn võ lộ hòa chan

(HMT. tr. 77)

Nếu xưa kia trăng vỡ tan tành
thì bây giờ lai cầu nguyên

*Cho tình tôi nguyên vẹn tựa
trăng rằm*

Nếu xưa kia tình yêu lở dỏ thì

*Tao phùng duyên đến bây giờ
lại thấy* (Quần tiên hội)

Để cùng tiếng chim, tiếng sáo

*Đem ân tình trải khắp cả trời
duyên.*

Thế giới mới của Hàn Mặc Tử
là thế giới cô đọng lại những gì đã
tan loãng.

Phạm Đán Bình

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập: Nhất Hạnh
lô O số 121 Chung Cư Minh Mạng
SÀI GÒN – 10

*

Sẽ phát hành vào hạ tuần tháng
5/71:

Sau 3 năm bị giam cầm ở Sở
Phối hợp Nghệ thuật, cuối cùng các
bạn có trong tay cuốn tiểu thuyết:

NHƯ CÁNH CHIM BAY

của **VÕ HỒNG**

Tác phẩm lấy bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam tiếp theo cuốn “HOA BƯƠM BƯỚM”. Những nét mô tả trung thực khách quan. Những cảnh dân chúng tăng gia sản xuất, xung phong nhập ngũ, tham gia Bình dân Học vụ... Những rung động xao xuyến và cuồng nhiệt của một dân tộc nhược tiểu vươn mình đứng dậy. Và những mối tình... NHƯ CÁNH CHIM BAY.

Nhà Sách LÁ BỐI, lô O, số 121, Chung cư Minh Mạng, Sài Gòn — 10, bày bán sách của các nhà xuất bản uy tín: An Tiêm, Ca Dao, Cảo Thơm, Hồng Hà, Nguyễn Hiến Lê, Lửa Thiêng, Thái Độ, Tu Thư Vạn Hạnh, Sáng Tạo, Võ Tánh...

Dành nhiều hoa hồng cho bạn
đọc và thân hữu đến viếng mua tại
nhà Xuất bản.

Thi Vũ

**Trên chốn lưu đày hải
ngoại nhớ về Hàn Mặc Tử,
người anh hùng
của quê hương**

Đừng nên xấu hổ vì phải
khóc than hay rên siết.
Anh hùng và sức mạnh đều được
cấu tạo từ tiếng khóc và lời than
Những tiếng khóc và lời than viết
vì ra hành động, biến hóa và ngai
ngự trên quy luật trở thành. Áo

tưởng lầm than nhất của những tư trào phê bình văn học hiện thực sơ đẳng là cách mạng sẽ thành công khi con người ngưng khóc và dứt rên than.

Tiếng khóc và lời than chỉ dứt ở cõi Tinh Độ ở cõi thiên đàng, ở thế giới đại đồng... những cõi còn quá lắc xa. Phải can đảm lắm, thứ can đảm của trí tuệ mới có thể nhìn cuộc đời như cuộc đời, chứ không phải cuộc đời như một dự phóng; mới có thể chân nhận rằng tiếng khóc và lời than đích là DẤU HỎI lớn lao nhất của ngôn ngữ và âm thanh mà nhân loại suy tư thả thông vào đời sống, mỗi lần có đại biến, mỗi lúc có sự mất thăng bằng trong tình yêu và công lý.

Những anh hùng cải thế nhất xưa nay, những tư tưởng gia hùng biện nhất, những ông tướng giết người nhiều nhất... đã không phơi rõ bộ mặt khốc lóc và than rên của họ trên ngực người đàn bà đó sao? Trừ đức Phật hay Chúa Ki-tô, nhưng đó lại là một trường hợp khác.

Và người thi sĩ, người thi sĩ tự nghìn xưa ra muôn thuở kia ơi, vì sao anh khóc? Vì sao anh buồn? Vì sao anh kêu rên? *Thi sĩ cứ kêu rên thảm thiết là để tìm một người tri kỷ.* Ai là người tri kỷ đây? — Người yêu? Đàn bà? Đạo? Chân lý? — Tất cả những thứ đó, tất cả những gì làm nên cuộc đời, tất cả những chỉ đóng góp, tham dự làm cho con người ra Người.

Người thi sĩ nói lớn điều ẩn hiện âm thầm của bao kẻ làm than trong đời sống vật chất hay tinh thần. Người thi sĩ nói ra tiếng thơ. Và *thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao*. Chiêm bao là cảnh SỐNG THỰC chưa ra đời, hay đúng hơn là cảnh sống thực bị khuất lấp trong nếp sống thường nhật, bị giết bởi những khái niệm, bị những kẻ an bài (etablishment) cản ngăn, đàn áp không cho thị hiện. Chiêm bao là người mình thiết yếu không lấy được, là ước ao hòa bình mà lại được trao tặng chiến tranh. Bởi vậy nên Trang Tử chiêm bao hóa bướm. Đời sau đọc chuyện, quay ra nói bông lông, bàn bông lông, sống bông lông, nghĩ bông lông về bướm nhưng quên mất chuyện

người. Con bướm nó thế này, cái hoa nó thế kia; tôn giáo này nó như vậy, cái đảng kia nó là thế, vân vân là như vậy, vân vân là thế đó... con người ở đâu giữa cánh rừng thế này thế khác, như vậy như kia?

Chiêm bao mang khả năng giải phóng và tiềm lực giải thoát. Chiêm bao là chân lý. Chiêm bao là thơ. *Thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thi, vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt.* Và người thơ, thi sĩ, mãi mãi bơ vơ, bơ ngỡ lạ lẫm giữa cõi đời. Bởi ít ai ưa tiếng nói của chân lý, của chiêm bao. Thi sĩ cứ kêu rên thảm thiết là để tìm một người tri kỷ — một người đồng chí? Tuy nhiên, thi sĩ là người ý thức

hơn ai cả rằng, *người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong tre*⁵.

Nguồn trong tre của nhân sinh nay đang héo. Điều Hàn Mặc Tử đã báo hiệu ba mươi năm trước đây. Hàn Mặc Tử chết đi với niềm thương mong tha thiết là tuổi trẻ Việt nam sẽ rớt thanh xuân làm xanh lại rừng già, xanh lên đồng úa và tâm linh khô héo. Ai đã nghe thấu tiếng thơ xanh kia? Những hồn già đã giết chết cơn điên của người thi sĩ. Nói là cơn điên mà kỳ thực chỉ là niềm thi thiết của Tình Yêu bùng lớn tới vô biên Trí tuệ.

Con người đó đã bị đánh mất giữa

5 Ghi chú: Những chữ in nghiêng trong bài này là những câu văn hay thơ của Hàn Mặc Tử mà tác giả bài này đã trích ra từ những tập: CHƠI GIỮA MÙA TRẮNG, HMT, An Tiêm xb, Sài Gòn, 1969; THƠ HÀN MẶC TỬ, Tân Việt Xb, Sài Gòn, 1959; ĐÔI NÉT VỀ HÀN MẶC TỬ, Hồi ký của Quách Tấn, bản thảo do tác giả chép gửi tặng.

sự lơ đãng, vô tình của đồng loại. Và khi chết đi, một vài cái nhìn vọng ngoại mới quay đầu ngó lại chàng. Hỡi ôi, những cái như những cặp kính màu dòm vào miền tuyết đơn côi dài trải quá phương trời. Thế là chàng chết thêm lần nữa.

Vì phụ rầy một người cùi mà ngày nay cả đất nước này mắc bệnh cùi. Nhiều người bị cùi biết là mình cùi. Nhiều người bị cùi mà không biết mình lâm bệnh. Một thế hệ phụ rầy đã dẫn quê hương đi vào TRẠI CÙI. Nhưng tuổi trẻ hôm nay, những người lính hay không lính trong cái trùng trùng quân đội hay biểu tình đang dừng bên này và bên kia dòng Sông, hẳn không chịu ở mãi nơi Trại Cùi, và đang mở một cuộc hành quân ngược

dòng sông Rừng về nguồn đỉnh Cửu Long. Họ sẽ lấy nước tinh uyên rửa lấy vết thương cho chính họ, họ sẽ chữa lại bộ mặt sần sùi và đôi tay co rút. Đôi mắt của tuổi trẻ sẽ quắc sáng trên khuôn mặt xưa nay, và đôi tay chèo chống sẽ lật ngược tất cả những thế cờ mê lộ.

Năm nào là năm sinh của Hàn Mặc Tử? Năm nào là năm Hàn Mặc Tử chết? Tuổi trẻ Việt Nam hẳn phải biết là Hàn Mặc Tử đã tự thân chuốc lấy bệnh cùi để giải thoát cho nòi giống? Đã có lần chúa Ky-tô làm như vậy, khi Người chịu đóng đinh trên cây thánh giá. Có gì khác nhau giữa cây thập tự gỗ trên đồi Golgotha và cây thập tự gỗ tại Việt Nam? Chúng ta đang chứng kiến hằng ngàn chúa Giê-su

mỗi ngày và mỗi giờ, mắc bệnh cùi bước vào cây thánh giá lửa.

Câu chuyện thầm kín mà công khai nhất của Hàn Mặc Tử dường như chưa ai nói cả. Người ta chỉ ngân nga cà kê những *Nghệ hồi Nghệ... Áo em trắng quá... với Trước sân anh thơ thần... hoặc hợp xướng Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì!...* Chỉ mình Bích Khê biết tự sự. Bích Khê định nói ra, nhưng đã bị bóp họng. Bốn tên sát nhân đã bóp cổ Bích Khê rồi thác tin là chàng bị bệnh phổi: một tên da trắng vốn là chủ đồn điền, một tên da đen nô lệ, và hai tên da vàng hãnh tiến và mạnh động. Đó là điều khiến Bích Khê phải im tiếng, anh chỉ kịp thu hết hậu thức và tiềm năng tưng suốt kinh A Di Đà để cho

chớp sáng láng vô biên và trường cửu áo ướp thân anh, cũng là thân thể Việt Nam.

Bệnh cùi mà Tây phương dùng để phung hóa tâm thức Việt tràn từ đầu thế kỷ, ngày càng trầm trọng. Hàn Mặc Tử không muốn tháp tùng với Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... để ca hát thứ du ca trầm bổng. Hàn Mặc Tử đem tấm thân bé bỏng làm thứ nam châm thu hút khuẩn vi cùi. Dùng da thịt dụ binh, với hy vọng nhốt kín tất cả loài vi trùng Tây phương vọng tính vào góc hòm chôn kín xuống đất đai cho quê hương khỏi bị truyền nhiễm. Dù vậy, anh không quên giữ kín và nuôi dưỡng cái thần trí siêu việt của phương tây nơi trọng vọng của thi ca — những

lời ngợi ca Thiên Chúa, Tây Vương Mẫu Maria... mà kỳ thực không gì khác hơn là Chân Lý.

Không may cho chúng ta, bốn tên sát nhân giết Bích Khê, đã ký hợp đồng mở Ngân hàng Cùi trên quê hương ta. Ngày Hàn Mặc Tử chết đi cũng là ngày chúng mở toạc ngân quỹ và thuê xe kéo chạy đi phân phát.

Và chúng ta, hay nói đúng hơn thế hệ trước chúng ta, quả đã bỏ Hàn Mặc Tử tro tro dưới gốc phi lao vi vút. Chúng năm đó, hoài hoài mới và *im như nguyệt*. Thế giới của “người mạnh” đã ở đâu? Ai đã đại biểu cho quê hương nhân ái và văn hiến tới đưa đưa con

đơn côi về nơi an nghỉ cuối cùng? Một mình anh Nguyễn Văn Xê âm thầm thương tiếc, nhưng anh cũng là người cùng thế phận. Đâu rồi những Nàng Tiên Việt? Những nàng tiên mà chúng ta chỉ còn thấy thấp thoáng sau gót giày của những lũ râu xanh. Và *không có một nàng tiên mô tới khóc* trên nắm mồ chờ giọt lệ thương mến hồi sinh.

Giữa trảng huống cùi tập thể, trên mặt phẳng hoang sa thăm thẳm, khi *mặt trời bốc cháy*, ánh trắng thì chảy huyết... một mình Quách Tấn khó nhọc, cô đơn khuôn tảng đá của Bà Thiên Y A Na từ Khánh Hòa ra Quy Hòa, Quách Tấn, người bạn hữu của chư Thiên này, đã tiên liệu giờ lịch sử điêu linh, về một tảng đá đặt lên mồ

Hàn Mặc Tử để sau này để nhận vì sợ cây phi lao có ngày gãy mục, để mai sau còn thấy dấu hình hài đứa con anh liệt quê hương. Chúng ta hãy khóc vì thương, vì vui, vì cảm xúc tận tủy xương cử động đầy hào khí của Quách Tấn. Tảng đá vô tri dựng lên thành pháp lệnh. Bảo vệ hình hài song cũng là tuyên ngôn hành động. Tảng đá như một bàn tay sấm đê lên sự vùng nhảy của tập đoàn vi trùng bệnh.

Hơn ba mươi năm nay chúng ta đã ngâm nga những gì? Những bài thơ ru ngủ, vuốt ve, mơn trớn, đầy ghen tuông, hờn giận; những bài thơ nịnh hót niềm tự ái hay đau thương. Những bài thơ mà ngôn ngữ không chất sấm, lời ca không hình hài. Hơn ba mươi năm nay,

khoa học, xã hội, cách mạng, văn hóa, văn minh, quân sự, chính trị, kinh tế toàn phó giao cho các ông quan ngoại quốc, nếu không là các ông quan bản xứ nghĩ và ăn nói tiếng ngoại quốc, phó giao cho tư tưởng gia người Mỹ, người Đức, người Nga, cho các nhà văn, nhà thơ Pháp...

Cơn bình minh của một Núi Lửa Việt đã hiện. Lúc mà tuổi trẻ chúng ta ra đời, lúc mà tuổi trẻ lớp trước vừa kênh kiệu, khoác lác, vừa an nhàn, tự mãn đương bị hãm giữa trùng vây của chiêm bao, thì Hàn Mặc Tử tắm mình nơi nguồn sông Cửu Long, tay nắm chặt cổ Tây phương phá sản, một tay vượt đầu thần trí phương tây và phát một lời khiến giật thót đỉnh Ba Vì: *Triết*

lý và văn thơ là những danh từ đã chết. Chúng chỉ là những vỏ ốc lăn lóc dưới chân người.

Hẳn có người sẽ nói, biết rồi, Nietzsche cũng đã nói vậy, Heidegger cũng đã nói vậy, vân vân cũng đã nói vậy... Nhưng dù nói vậy, Tây phương vẫn tiếp tục đẻ ra những lứa triết lý, sản xuất hàng loạt giải Nobel mà ngày nay một số người Việt cũng thì thào, to nhỏ đâm đơn. Còn Nietzsche hay Heidegger thì cũng đang mê đắm nơi trò chơi phủ nhận,

Chỉ có Hàn Mặc Tử là không lập lại, không trích cú, không từ chương. Con người Hàn Mặc Tử, con người thề xác và thần trí ra rả để phát nên Lời, như Bồ-tát Quảng

Đức thoát trên đầu lửa, im như nguyệt, mà truyền TIN cho thế giới.

Tuổi trẻ Việt nam phải ngừng ngâm nga Hàn Mặc Tử, ngừng đọc Trần Thanh Mại, bỏ dở những cuộc diễn thuyết về Hàn, ra về sống với từng con vi trùng cùi trên thân thể Hàn Mặc Tử, cũng là thân thể Việt Nam, thì lúc đó Núi Lửa mới bùng dậy đốt thiêu hết vi trùng phá sản của Tây phương trên đất nước. Lúc đó một, Vỹ Dạ thiết tha với căn nhà bị bỏ hoang xơ xác mới lộ liễu xanh huyền trên gương mặt xưa nay nguyên phùng; Lầu Ông Hoàng mới nở ra một Vườn Cúc; và Đức Mẹ, Đức Quan Âm mới chịu mặc chiếc áo vá vai đi thối cơm, đun nước, chữa bệnh cùi cho thần

trí của tuổi trẻ Việt Nam. Và cũng chính lúc đó, cuộc hành quân lên thượng đỉnh Cửu Long mới thành tựu. Bằng không, chúng ta chỉ tàn kết cuộc đời như lá thu, hay bất động sống an nhàn, mà thôi. An nhàn hút thuốc ăng-lê, ăn bơ hoa-kỳ, ngâm thơ Pháp, phục dịch tại ngân hàng cùi của bốn tên sát nhân kia. Rồi đầu đỏ vài đêm, diễn thứ trò văn nghệ hãnh tiến, tự đại; Tao Đàn Mây Hát suốt năm canh cho tới khi tàn tạ bốn nghìn năm văn hiến.

Dường như tuổi trẻ Việt Nam đang làm cuộc hành quân kỳ vĩ. Họ không trèo lên tàu chiến. Vì tàu chiến là thứ tàu lười biếng, một thứ phá gia chi tử hư thân trăm nết, chúng chỉ biết ru rú với Mẹ

hạm đội của chúng ngoài khơi xa. Chẳng bao giờ chúng dám đi xa lên Nguồn.

Tuổi trẻ Việt Nam đang sắp đặt việc cỡi thuyền, chiếc thuyền bé nhưng bền vững của Ngô Quyền mà Trần Hưng Đạo đã thừa kế, và sau này Phan Bội Châu ngồi làm thơ gọi cuộc tỉnh thức. Một thuyền hào quang. Đích là con thuyền của sông nước bao la.

Thôi rồi! Trí ơi!

Thôi rồi! Tuổi trẻ Việt Nam ơi!

Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào hỡi Trí.

Biết làm thế nào, hỡi tuổi trẻ
Việt Nam?

Con trắng gì thế? Con trắng của
bọn Nga, bọn Mỹ đang rắc bệnh
củi? Hay con Trắng Quê hương
loài người? Con trắng Đạo? Con
trắng Chân lý? Con trắng Như Như
màu nhiệm? Con trắng của Hằng
Hằng thường nhật? Của tồn sinh
hành động? Con trắng Việt Nam
lâm nạn?

Biết làm thế nào?

Hỏi vậy, tức đang bắt đầu một
cuộc Làm kỹ vĩ rồi đó. Phải không?
Hàn Mặc Tử cười khi nghe chúng
ta nói thế, bởi cũng chính ý đó ngày
xưa Tử xuất quân: Hay là chị em ta
cho thuyền đổ vào bến này, rồi ta

trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trắng thoát nạn?

Hay là tuổi trẻ chúng ta neo thuyền vào bến Việt, rồi ta đập lên đầu hỗn độn, với đôi tay tiềm lực xé những chòm mây u ám đang giăng kín vùng trời và vòm tâm khảm thụy miên?

Cứu TRẮNG cũng chính là cứu MÌNH. Chị là trắng mà em đây cũng là trắng nữa. Và tuổi trẻ muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm. Ánh sáng cho cõi đời u ám.

Tuổi trẻ và chỉ có tuổi trẻ Việt Nam mới có thể nói khế với nhau những điều đó. Nói khế nhưng đầy quyết tâm, tuổi trẻ đồng hóa với ý thức nhất tâm quy mạng vào sử

linh tư tưởng. Điều mà các quan Hàn của văn học hay báo chí khó hiểu thấu, đối với họ chỉ có một nền văn chương dọa dẫm hay nịnh hót, nếu không là thoa diu theo cách điệu cải lương. Họ sẽ cho rằng tuổi trẻ không tưởng. Làm như cuộc chiến không dứt và cái xã hội họ khai sinh hay nắn hình ngày nay là không không tưởng! Hàn Mặc Tử hiểu ý đó, nên đã trả lời trước: Ở đời chỉ có một hạnh phúc. Làm chi có đến hai cảnh Tịnh độ và Niết bàn. Chỉ cần sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Ai không ưa, không khứng và muốn sống cho hợp “luân thường” “đạo lý” thì họ hãy tìm nơi thích hợp: trại lính, học đường, nhà tu.

Chỉ có SỐNG mới đảo lộn được cái chết. Và phải biết cách chết mới dựng lên sự Sống Như Hàn Mặc Tử đã làm. Chúng ta chỉ cần đọc Hàn Mặc Tử tất nhận ra. Chúng ta chỉ cần mở đôi mắt đã đóng kín tự nghìn năm để nhìn vào cuộc đời Hàn Mặc Tử: nơi căn nhà che bằng bao thư và giấy nhật trình, nơi giường bệnh Quy Hòa mà ở đó con người Hàn Mặc Tử chỉ còn là một màng bong bóng căng trên cành cây khô, với vùng tóc không mây chi chít chấy, với đôi mắt hổ thẳm còn phất phơ đâu đó một ngọn lá tinh hoa của miền xưa xanh mong manh, tất chúng ta sẽ rõ.

Nếu phải quỳ lạy dâng tất cả sung sướng đã qua và sẽ tới cho

người để đổi lấy một phút gặp gỡ...
tôi cũng xin vâng.

Gặp gỡ gì?

Ngôn vô ngôn. Gặp gỡ quê hương của loài người? Gặp gỡ tình yêu? Gặp gỡ cơm áo? Gặp gỡ kẻ thù? Gặp gỡ sự không đợi chờ? — Thực ra là gặp gỡ Tất cả. Tất cả những gì mà con người đã vất sau lưng họ, đã quên, đã cho là vô ích, là không hiệu quả, đã tưởng là không cần thiết... để chạy theo sự cần thiết của cơ hội và hoạt đầu lịch sử.

Nhưng chẳng bao giờ tôi chịu đem những ngày đau khổ cực điểm đổi lấy những đêm hoan lạc trong cung A Hoàn. Chính những ngày đau khổ cực điểm của một người

con trai mất người yêu, của một người con gái mất hạnh phúc, của Việt Nam mất hòa bình, mới là sinh thế uy hùng để DỰNG NƯỚC, để cho tình cảm sẽ nóng ran như mặt trời, ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

Đau khổ cùng cực hôm nay là lò luyện tuổi trẻ Việt Nam thành anh hùng cho thế giới. Tuổi trẻ Việt Nam bây giờ ắt đã thấy tuổi trẻ Âu Mỹ đang bơ vơ không lối thoát? Dù họ nổi loạn thường trực, dù họ mặc tinh thần bằng áo hippies, đội đầu óc với mũ bê-rê của Che Guevara, tay cầm hồng thư của Mao hay ngồi trầm ngâm bất động mà tưởng là Thiền? Ôi sứ mệnh và sự nghiệp của tuổi trẻ Việt Nam thật cực kỳ to lớn.

Đau khổ hôm nay đang biến thành hành động, biến ra sức mạnh trùng trùng kỳ vĩ. Điều lo liệu như một tai nạn mà tuổi trẻ có thể bị lâm vào, là nạn sư tử trùng. Tình trạng một con sư tử chết vì vi trùng trong thân thể nó quật ngã. Chúng ta sẽ mắc bệnh đó nếu chúng ta phụ rẫy Hàn Mặc Tử, như thế hệ đi trước chúng ta đã làm. Hàn Mặc Tử đã đem chính thân mình chịu bệnh thay cho đất nước, dù vậy, thần trí và ngôn ngữ thi ca sấm động của anh đã dựng lại uy thế và hồn linh quê hương trong khi bao nhiêu thi sĩ chạy đua theo những giấc chiêm bao ngoại quốc. Thế mà chúng ta đã bị đánh lừa từ buổi sơ sinh khiến nay phải mắc bệnh cùi trong thần trí, giãy dụa từ gần ba mươi năm nay chưa thoát hiểm.

Chúng ta hãy ước hẹn nhau qua sự bùng vỡ của quá khứ nơi cái vút đứng hào hùng và bất khuất hiện tại. Và trước khi lên đường hành quân, chúng ta hãy làm một cuộc hành hương nhỏ về Hàn Mặc Tử. Trong thơ và nơi bia mộ. Chúng ta hãy đốt hết những gì người ta viết về chàng, dù ca tụng hay chê bai. Chúng ta không cần giảng văn, không cần bình luận, không cần được chỉ đạo mới hiểu nổi Hàn Mặc Tử. Chúng ta hiểu chàng bằng cuộc sống hào hùng của chính chúng ta, chúng ta sẽ tự thân tới Quy Hòa thăm cây phi lao, vỗ an cái pháp lệnh bằng đá mà nhà thi sĩ Đông phương Quách Tấn đã dựng lên rồi ra Đèo Sơn, khu mộ mới của Hàn Mặc Tử, nơi đã có lần Hàn Mặc Tử cùng Quách Tấn đứng trầm ngâm

hòa mình vào sông núi, hai người ngóng vọng về dãy Tây Sơn tự hứa: Không làm được anh hùng trong lịch sử thì sẽ làm anh hùng trong văn hóa.

Và như thế, chúng ta chấm dứt sự cầu nguyện.

Phải đốt cháy nguyện cầu như một Ni cô nào đã đem thân Hàn Mặc Tử nghiền ra bột mà đốt vào hương thơm nơi tự viện.

Như thế, mới bắt đầu một Hành Động mới viết vì mọi hành động xưa nay. Xốc xác và thần của tuổi trẻ làm nên sức mạnh trùng trùng, khiến Trường Sơn cũng phải nhột sặc. Giờ bốn phương thôi cầu nguyện nữa mà lòng tôi rục lên

cảm hứng. Cảm hứng là công năng tỉnh thức sự ngũ lý.

Ta sẽ cảm nhận sâu và đầy như Hàn Mặc Tử rằng bao nhiêu là tinh anh của non sông đều xông vào tôi, rút hết tình tiết của tôi làm nên một Tôi Quê Hương. Sá gì trở lực. Sá gì khó khăn. Sá gì đau khổ. Những điều phản trái ấy dầu thế nào cũng có liên lạc, mật thiết và thông cảm với nhau. Người Phật tử Việt Nam có thấy thấp thoáng đâu đây ngữ ngôn của bác nhĩ, của trung quân luận, hay của ý thức tăng thượng duyên không?

Như thế, tuổi trẻ Việt nam mới vượt thức, sáng lại cái vòng hướng thiên bằng những khoen chu kỳ. Chúng ta đi, lạnh như Hàn Mic Tử

đang đi trên đường sáng láng tìm
Chân Lý ngàn năm, mà hào quang
tinh tú, của những ngọc ngà, châu
báu, tuôn xuống không biết hăng
hà sa số nào nữa.

Sử linh tư tưởng bắt đầu. Việt
vào Thế và lên Ngôi.

Thi Vũ

(ngoại ô Paris, đông 1971)

Phạm Công Thiện
Một định mệnh tàn khốc
theo riêng bên mình:
Hàn Mặc Tử

Trong tất cả những thi hào văn sĩ lừng danh của toàn thể văn chương Việt Nam từ mấy ngàn năm nay tôi không tìm được một người nào đã tác động một mảy may nào đến tâm hồn tôi cả — trừ ra Hàn Mặc Tử. Nguyễn Du là một thi hào lớn, tôi đã đọc đi

đọc lại Nguyễn Du và nhìn nhận Nguyễn Du là xuất chúng, nhưng tôi không cần thứ xuất chúng ấy. Cái thứ xuất chúng ấy chẳng tác động gì đến đời sống u mê của tôi cả. Quách Tấn cũng xuất chúng, tôi kính trọng sự xuất chúng ấy, nhưng sự xuất chúng ấy làm lịch sử, vì đi ngược lại lịch sử, đập trên đầu lịch sử hiện đại. Tôi chẳng bận tâm đến lịch sử. Thỉnh thoảng cũng bận tâm để chợt nhớ rằng mình người Việt Nam. Vì tin chắc rằng người Việt Nam sẽ thắng, sẽ tiêu diệt tất cả những gì không phải là Việt Nam, người Việt Nam sẽ thắng, cho nên tôi không cần bận tâm đến vận mệnh của Việt Nam. Tôi có vận mệnh của riêng tôi. Người nào muốn lo đến vận mệnh của Việt Nam, thì cứ lo đến vận mệnh

của Việt Nam. Tôi không hề biết ái quốc là cái gì Tôi chỉ biết đến tôi và chỉ có tôi mới hiểu thế nào là con đường của Việt Nam. Trong tôi ngưng tụ lại tất cả tàn khốc của Việt Nam, tất cả mâu thuẫn, ích kỷ, tàn phá, kiêu hãnh, ngang tàng, kiêu ngạo, từ tốn, khoan dung, khôn ngoan, yếu đuối và cô độc. Dù trận chiến tranh ở Việt Nam có chấm dứt đi nữa thì trận chiến tranh trong tôi vẫn tiếp tục. Giống như nó vẫn tiếp tục trong tâm hồn của những thanh niên Việt Nam ra đời lúc chiến tranh Việt Nam vừa khởi phát và được ba mươi tuổi lúc chiến tranh bùng phát dữ dội lan rộng từ Việt Nam đến Hạ Lào. Chỉ có thanh niên Việt Nam nào từ ba mươi tuổi trở xuống mới hiểu nỗi thơ của Hàn Mặc Tử. Trận chiến

tranh Việt Nam hiện nay chính là sự phóng đại của cơn bệnh hủi của Hàn Mặc Tử. Chỉ có thi sĩ mới sống trước, sống tận bản thân tất cả những khả tính sắp hiện của vận mệnh dân tộc mình. Vận mệnh của Hàn Mặc Tử đã báo trước vận mệnh của Việt Nam. Thơ của Hàn Mặc Tử đã báo động cái gì rạn vỡ trong không khí quê hương. Không phải chỉ làm thơ với những danh từ và động từ chính trị là mới nói được con đường đi của dân tộc. Nhiều khi nói ngược lại hay nói những cái gì khác, như dùng những tiếng kỳ cục như thượng thanh khí, vỡ lở, trắng, châu lệ, đê mê, hoa bắp tay, cứng tợ si, chưa bura, đại khờ, gán máu đi trong tuyết, bởi bởi ruột gan, ớn lạnh, vân vân. Nhiều khi ăn nói thô thảm điên dại như

Hàn Mặc Tử mà lại trở ngón tay vào đúng tim đen của vận mệnh Việt Nam và mở ra một hướng đi khác cho “sử linh tư tưởng” (chữ của Hàn Mặc Tử). Người hiểu được thì hiểu ngay lập tức, không hiểu được thì vẫn không hiểu được. Định mệnh tàn khốc, nhưng không có thực, giống như cơn bệnh hủi chỉ là cơn bệnh tưởng tượng của mặt trời, do mặt trăng lường gạt.

Phạm Công Thiện

(ngoại ô Paris,
mùa đông năm 1971)

Đón coi:

ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của **MAI THẢO**

* Thế giới ngọt ngào, đồn nén của những người đàn bà tỉnh nhỏ, đẹp lòng lấy và vô ích, mà tình yêu là một nỗi loạn cùng đường, không lối thoát.

* Những đời người, qua những cái bé nhỏ ghê gớm và những cái dịu dàng khốc liệt.

* Hiện tượng tan vỡ kỳ lạ của những trận tình bị hủy diệt ngay từ khi vừa bốc cháy.

* Qua hơn 300 trang sách nồng nhiệt, lôi cuốn từ chương đầu tới chương cuối cùng.

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

Huỳnh Phan Anh

**Hàn Mặc Tử hay là
hiện hữu của Thơ**

Có lẽ không gì mâu thuẫn bằng chú giải một nhà thơ. Người ta không thể làm công việc đó, đứng dưng với ám ảnh đeo đẳng của sự bất lực. Hơn đâu hết trong các bộ môn, thơ mở ra đồng thời đóng lại trước mọi nỗ lực soi sáng. Mọi lời chú giải trên thơ, (cũng như trên mọi công trình nghệ thuật?), mang ý nghĩa một

sự diễn đạt, diễn đạt một vũ trụ tự nó hầu như đã đầy đủ, không còn gì để nói thêm. Tác giả mặc nhiên không còn. Tác phẩm tự nó biện minh hay ở đời. Không ai lên tiếng biện minh cho nó. Sáng tạo cũng là một cách chết. Sáng tạo là chết đằng sau tác phẩm mình. Tác phẩm trở thành một thực tại hàm hồ. Nó như một chiếc mặt nạ. Sau chiếc mặt nạ, lẩn trốn một người. Nhưng nhìn vào nó, người ta không thấy một ai được xác định. Tác phẩm là một sự giấu mặt đang lên tiếng gọi mời. Nó đòi hỏi được đón nhận, nhìn vào đồng thời là một cản trở.

Hơn là một độc giả, người chú giải, phê bình có bốn phận biến tác phẩm thành một khả hữu và hơn thế nữa, một khả hữu phổ quát cho

mọi người, không những chỉ cho riêng hần. Hần là một người hòa giải. Ở hần thể hiện sự dung hòa giữa niềm vui khoái, đam mê của những người thưởng ngoạn và sự sáng suốt của chính người sáng tạo. Nói theo Blanchot, hần thực hiện một công tác kỳ lạ đối với tác phẩm, vừa tiến lại gần vừa lảng ra xa, phớt bỏ, vừa hoàn thành, giản lược vừa đào sâu. Hần hư vô hóa tác phẩm ngay khi biến nó thành một khả hữu cho mọi người. Tầm quan trọng của hần hệ ở chỗ hần vạch cho tác phẩm một ý nghĩa, điều này có thể làm ngạc nhiên tác giả, và chính hành động này, một hành động có thể là tốt, đã giản lược tác giả về hư không: tác phẩm là cơ hội xuất hiện của một ý nghĩa hoàn toàn xa lạ mà tác giả

có thể không nhìn nhận hay chống kháng. Nhà chú giải trở thành một căn bệnh cần thiết. Bởi tác phẩm cầu tới hẳn, một cách nào đó, cần sáng tạo không ngừng.

Có thể nói rằng công việc chú giải là một thất bại ngay từ khởi điểm (Nó bao hàm một nguy tín, một thái độ hàm hồ). Cho nên phải chẳng sau cùng mọi nỗ lực chú giải, phê bình nhất thiết đưa về im lặng trước chính tác phẩm, tác phẩm tự nó cũng là một thực tại hàm hồ, bí ẩn. Có lẽ càng hàm hồ khi tác phẩm lại là thơ. Có thể thơ hàm chứa nhiều nhất đồng thời thơ lại là nơi ta dễ dàng lạc lối nhất. Nó là một cánh rừng mà mỗi ngõ ngách có thể dẫn ra đồng thời đánh lạc. Một hang động trong đó người ta

chỉ có thể tìm ra bí mật bằng sự lạc lõng của chính mình. Bởi thơ là biểu tượng, là hình ảnh. Thơ tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng, hình ảnh. Một vũ trụ phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa trong tính cách phi thực của nó. Hơn đâu hết, biểu tượng, hình ảnh là điều kiện của thơ, lý do tồn tại của thơ. Biểu tượng, chính là thơ. Đây là đặc tính của biểu tượng, hình ảnh?

Biểu tượng, hình ảnh tự chúng không là gì nếu không có thực tại chống đỡ sự sống của chúng. Biểu tượng đi đôi với một tác động biểu tượng hóa, hình ảnh với một tác động ảnh hóa. Tôi không thể xây dựng hình ảnh cái bàn tách biệt với thực tại bàn, một cái bàn thật,

trong một không gian nào đó. Đó là quan niệm thông thường nhất, thực nghiệm nhất. Nhưng cái hiển nhiên thường đến với ta trong sự vô tình hay giấu mặt hầu như không ai hay biết. Hình ảnh thơ không diễn đạt thực tại một cách quá thơ ngây dung dị. Thơ là vũ trụ những hình ảnh có giá trị một sự mê hoặc, một thứ ma thuật. Nó biến thành hình ảnh của chính hình ảnh. Một hình ảnh mê hoặc, ma thuật bắt buộc phải là một hình ảnh lẫn tránh, giấu mặt. Nó không còn là biểu tượng của thực tại đồ vật, nó chính là điều kiện khả hữu của biểu tượng đó, Nó là thực tại đang tiêu hủy hay một ảnh tượng đang hoàn thành. Nói theo M.-J. Lefèbvre, hình ảnh là tác động của trí tuệ đang, — sau thực tại xuất

hiện cho nó, sau và ngoài, — tiếp tục hướng về một thực tại hiển nhiên không ngừng thoát chạy. Hình ảnh không là thực tại. Nó là một ý hướng. Nó thể hiện một dự phóng. Nó hoàn thành một ước muốn. Nó không biểu tượng cái hiện hữu. Nó lẩn tránh chính biểu tượng. Nó nhằm đưa tới một vũ trụ hàm hồ, một vũ trụ đồng thời một phủ nhận vũ trụ. Hình ảnh mê hoặc chỉ là một khoảng trống thiết yếu. Thơ không là thực tại, không là tổng số những hình ảnh xác định một thực tại rõ ràng. Nó là một ước muốn hơn thế nữa, là một đam mê, mù quáng cũng nên, có đối tượng là cái chưa có, cái chưa biết được, cái không thể biết, nghĩa là một thực thể vô danh và người đọc thơ hay chú giải thơ thử

lên tiếng gọi tên. Thơ thể hiện một ý hướng tính không có ý hướng, nói một cách nào đó, nó hướng về cái không có, nó đòi hư vô: một “đam mê vô ích”. Phải chăng thơ sau cùng chỉ còn là một niềm im lặng tuyệt đối của thi sĩ, vũ trụ thơ chỉ còn là vũ trụ nội giới, chủ quan của thi sĩ. Điều duy nhất người ta có thể thu tóm ở hẳn chính là cách thể phát biểu. Người ta có thể phủ nhận vũ trụ hay giải thích nó bằng mọi cách (giải thích phải chăng cũng chỉ là một cách phủ nhận?), nhưng người ta không thể chối bỏ chính cách thể phát biểu của hẳn.

*

Thơ, để làm gì? Thiết tưởng người ta không làm thơ để nói lên một điều gì (Có lẽ khi nói ngược lại, người ta đã không làm thơ nữa). Nếu có, phải chăng đó là sự bất lực. Phải chăng bằng chính sự bất lực đến cùng tận đó, thơ phát biểu trung thật nhất thân phận thi sĩ, và nếu cần, thân phận làm người của thi sĩ. Trong ý nghĩa đó, thi sĩ là kẻ ít tham vọng nhất. Antonin Artaud, một thi sĩ, đã nói: “Tôi luôn viết để nói rằng tôi không làm được gì, không thể làm được gì, và nếu làm được thì thật ra tôi không làm gì hết. Toàn tác phẩm tôi đã xây dựng và chỉ có thể xây dựng trên hư vô”, Thơ tham dự trực tiếp vào hoàn cảnh hữu hạn con người cũng như thơ không thoát ngoài thân phận nó: ngôn ngữ, hình

ảnh, biểu tượng. Nói theo Bernard Charbonneau, “đòi hỏi mọi thứ ở ngôn ngữ chính là hủy diệt nó”. Breton và trường phái siêu thực đã đem được gì khi đồng hóa thi ca và cách mạng? Sau cùng phải chăng chỉ còn một cách, trả thơ về với tiếng nói, thứ tiếng nói xao xuyến nhất của nội tâm con người.

*

Những ý nghĩ trên đây có thể phần nào gây xao xuyến công việc chú giải thơ, cả việc đọc thơ và nói rộng ra, cả việc tìm tới nghệ thuật. Đó là tình cảm e thẹn của người đọc khi đứng trước thơ, tìm mọi

cách chọc thủng những chiếc mặt nạ phủ lên hình ảnh, phủ lên thơ: một việc làm đầy hoài nghi, lúng túng.

*

Thơ Hàn Mặc Tử đã được chú giải bằng nhiều cách, nhìn ngắm từ nhiều khía cạnh. Có thể chiêm ngưỡng thơ ông bằng một tâm hồn sẵn cảm xúc âm nhạc hay màu sắc. Có thể mượn tâm phân học tố cáo ở người thơ một nhân vật bệnh hoạn, và thơ ông như một cách giải tỏa ẩn ức. Có thể tìm thấy trong thơ ông những lời ca tụng hay những xúc cảm chân thật trước cái đẹp, tình

yêu, kỷ niệm, Đấng thiêng liêng... một thi sĩ biết mình là thi sĩ. Nghĩa là sự cảm dỗ, mê hoặc của vũ trụ hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử có thể đẩy cảm quan theo một chiều hướng hay đến một chân trời nào đó. Làm sao có thể phê phán trên chính những lời chú giải khi thơ tự nó không nói lên gì, nó chỉ nói lên cái người thưởng ngoạn cảm xúc thấy, nghe thấu được: thưởng ngoạn, chú giải là tước đoạt lời nói của người sáng tạo.

Thơ Hàn Mặc Tử? Tại sao không nhìn nó như một kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận, trong sử tính đích thực của nó? Thi sĩ đã nói về công việc làm thơ của mình, là “nhấn một cung

đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng”, đã nói tới những “âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút”. Thơ là sự mời gọi tham dự vào chính những cảm xúc, những tình trạng thái tâm thần, những tình tự, kinh nghiệm của chính người thơ. Thơ trở thành kinh nghiệm tập thể, một kinh nghiệm khởi từ cá nhân để tan vào đám đông được mời tham dự. Kinh nghiệm thơ, kinh nghiệm người làm thơ là một. Kinh nghiệm ẩn sau từng chữ từng tiếng, từng hình ảnh. Đọc thơ, chú giải thơ là tìm tới kinh nghiệm nền tảng của thi sĩ.

Descartes một lần nói rằng cơn thịnh nộ của thi sĩ nhiều khi hàm chứa nhiều hơn cả túi khôn triết

học. Ngày nay, nỗ lực đem thi ca tới gần siêu hình học thiết tưởng chỉ bằng thừa khi ta quan niệm thi ca trước hết là kinh nghiệm sâu thẳm của con người, con người tấn phong bằng tính cách siêu hình của nó.

Thực tại kinh nghiệm, thực tại người ẩn sau từng ngôn ngữ, thể hiện ngay trên từng ngôn ngữ. Phải chăng đó là cái gì có thật nhất bên cạnh ngôn ngữ ma thuật, cái gì khẳng định nhất bên cạnh ngôn ngữ hàm hồ. Ta đứng trước một vũ trụ, tự hỏi mộng hay thật, trước mặt hay trong ảo giác, tất cả những sương đục, trăng thề, tơ liễu, những hào quang, châu ngọc, những “vàng sao rơi đầy trên sóng nước”, những “đêm xao xuyến vũng

sông Hằng”, những “âm hưởng địa cầu đang vỡ toang ra từng mảnh” ... Tất cả tham dự hành trình của một dòng cảm xúc của thơ hay tất cả từng phút từng giây trở về, lảng vảng, xoay quanh, đeo đẳng một cảm xúc, một kinh nghiệm duy nhất, nền tảng. Tất cả mang vẻ sửng sờ. Tất cả: niềm hốt hoảng, xao xuyến đang lên tiếng nói. Thi sĩ nói nhiều tới trăng, nhắc nhiều tới trăng. Trăng lấp đầy thi hứng. Trăng biểu hiện niềm cô đơn tuyệt đối. Trăng cưu mang niềm mơ ước. Trăng chính là sự trở về trong cảm xúc thi sĩ, sự trở về trong thắng thốt, kinh hoàng của thi sĩ trong chính hoàn cảnh, thực tại, trong chính kinh nghiệm “qua cầu”.

*Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm
ngùi trăng.*

*Chỉ còn có trăng, cùng với tình
cảm khô chết, hấp hối,*

*Ánh trăng mỏng quá che không
nổi*

Những vẻ xanh xao của mặt hồ

Những nét buồn buồn tơ liễu rũ.

Những lời năn nỉ của hư vô.

Chỉ còn có trăng và kinh khiếp
thay, trăng cũng lụi đi dưới mắt
nhìn ngưỡng vọng. Còn có trăng
nghĩa là không còn gì hết.

Bao lời thơ thống thiết chỉ đề
nói lên rằng không còn gì nữa, trừ
“những lời năn nỉ của hư vô”.

Thơ và đau thương. Thơ là kinh nghiệm đau thương đó.

*

Có lẽ không phải tình cờ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan đề ĐAU THƯƠNG. Nếu cần người ta chỉ có thể thu tóm thơ Hàn Mặc Tử về một ý niệm tương tự, một ý niệm nền tảng. Thơ vẽ nên dung nhan hư hoại của kiếp người. Thơ đào sâu kinh nghiệm thiếu sót, tình cảm bại vong trong hành trình bát ngát của thân phận người. Hiện tại, ngay cả hiện tại cũng không còn, ngay cả hiện tại cũng không có. Bởi không một niềm vui, một

hạnh phúc nào bình yên, vĩnh cửu. Nó già cỗi từ bao giờ, đã vượt khỏi tầm tay, đã rơi vào quá khứ. Thơ không là lời hồn nhiên ca tụng. Thi sĩ đánh mất thơ ngây. Chỉ có quá khứ ngổn ngang đổ vỡ và tuyệt vọng để khóc than. Chỉ có những ám ảnh thời gian với trăm ngàn sụp đổ đón đợi. Con người thất bại vì nhất thiết nó đã hay sẽ bị tước đoạt tất cả, tuổi trẻ, tình yêu, khoái lạc... Tất cả gãy đổ, băng hoại ngay trong dự phóng con người.

Máu đã khô rồi thơ cũng khô

Tình ta chết yếu tự bao giờ

.

Ta trút linh hồn giữa lúc đây

Gió sầu vô hạn thổi trong cây.

.

Trời hỡi bao giờ tôi chết đi?

Bao giờ tôi hết được yên vì

Bao giờ mặt nhật tan thành máu

Và khối lòng tôi cứng tợ si?

.

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu

Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu

*Sao bông phượng nở trong máu
huyết*

*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt
châu?*

.

Xin dâng này máu đang tươi

*Này đây nước mắt giọng cười
theo nhau*

Mới hay phong vị nhiệm màu

*Môi chưa nhấp cạn mạch sầu đã
tuôn.*

Cái chết ám ảnh, dọa nạt, cái chết âm ỉ trong tâm hồn. Thi sĩ sống cái chết của mình. Hư vô chính là kinh nghiệm thi sĩ.

*

Trong ám ảnh của cái chết, trong thôi thúc của thời gian, trong khả hữu của hư vô toàn diện, đâu là cơ hội sau cùng của thi sĩ? Đâu là sự cứu rỗi cho phần số hạn hữu? Phải

chẳng đó là niềm tin ở một Đảng?
Phải chẳng đó là phút huy hoàng
mãnh liệt và đầy ắp? Phải chẳng
đó là sự kêu đòi hay nguyện cầu vô
vọng? Có thể nhà thơ đã không từ
chối một cơ hội nào xảy tới. Không
cơ hội nào gọi là sau cùng. Không
sự cứu rỗi nào gọi là duy nhất.
Hàng trăm hàng ngàn vũ trụ hãy
còn chưa đủ cho thi sĩ sống kịp đời
mình.

*Ta vãi tung thơ lên tận sông
Hằng*

*Thơ phép tắc bỗng kêu lên thảm
thiết.*

.

*Cứ nhắm mắt cứ yêu nhau như
chết*

Cứ sáng suốt tê mê và rũ liệt

*Đừng nghe chỉ âm hưởng địa
cầu đang*

*Vỡ toang ra từng mảnh cả không
gian*

Cả thời gian từ tạo thiên lập địa.

Đều trộn trạo điều hòa và xí xóa

*Thành hư không như tình ái đôi
ta.*

.

*Cho tôi thả hai hàng cây bạch
lạp*

*Khói nghiêm trang sẽ dâng lên
tràn ngập*

*Cả hàng giang, cả màu sắc thỉnh
không*

*Lút tri khôn và ám ảnh hương
lòng*

*Cho sốt sắng cho mê mê nguyện
ước.*

Thi ca vạch những con đường cứu rỗi cho ý thức khốn khổ tỏa giăng bởi hư vô, hư vô chực làm suy sụp mọi dự phóng. Thi ca chính là sự cứu rỗi của người thơ không bao giờ ôm trọn cuộc sống trong tay. Thơ là đặc ân của thi sĩ. Có thể nói rằng chính sự thức tỉnh trước thân phận bàng hoàng, èo uột của kiếp người (có nhất thiết một người mệnh danh Hàn Mặc Tử?) đã đẩy thơ Hàn Mặc Tử tới những chân trời kỳ diệu của ngôn ngữ. Nó là tiếng kêu hốt hoảng của tâm hồn. Nó là cơn gào thét của khoái cảm

sắp tiêu ma. Nó là nỗi kích thích, sức dồn đẩy của da thịt, của thần kinh, của não bộ. Nó mặc khải một vũ trụ, vũ trụ mà thi sĩ kêu đòi, vũ trụ trong đó thi sĩ chỉ có thể chiến thắng hư vô bằng nhục cảm có thật đang kêu gào, chơi vơi, ngất ngư:

Ồ say sưa trên hết các tục tình

*Ồ thú lạ những phút giây tỉnh
thoát*

*Hương cho thơm ứ đầy hơi
khoái lạc*

*Máu cho cuồng run giận đến
miên man*

*Hồn hỡi hồn, lên nữa quá không
gian.*

Vũ trụ thơ là tấm gương trong đó thi sĩ nhận ra hình ảnh của chính mình. Tâm tình bất trắc, đó là kinh nghiệm thi sĩ, kinh nghiệm thống trị trong số kiếp một người. Thơ là sự phục thù của thi sĩ, kẻ bị đè bẹp bởi định mệnh. Ngôn ngữ trở thành một khí giới. Nó đi tìm những kích động thần kinh – Nó đặt thơ và sự thưởng ngoạn thơ vào một cảm xúc mãnh liệt. Thơ hay là máu và nước mắt của thi nhân. Thơ không xuất phát từ trí tuệ. Nó bùng nổ từ những trung tâm thần kinh hệ. Thơ thể hiện những dự phóng hiện thật nhất, thơ ngây nhất của con người trong thi sĩ. Thơ vượt khỏi nguy tín của nghệ thuật.

*

Và để trở lại với những gì đã nói ở phần trên, ta có thể nói Hàn Mặc Tử thuộc những thi sĩ mà tác phẩm tự nó chối từ chủ giải: nó đã là lời chú giải cho chính nó⁶.

Vâng, thơ Hàn Mặc Tử đã tự đầy đủ cho chính nó. Thơ đã tự đầy đủ cho chính thơ. Và tôi không ngần ngại phát biểu rằng đó chính là sự thật sau cùng, nền tảng ở cuối những con đường tìm kiếm của người đọc thơ. Đó cũng là sự thật sau cùng, nền tảng của chính thơ, của chính người làm thơ. Người ta không thể đọc thơ như người ta nhìn ngắm một món đồ từ phía ngoài. Đọc cũng là một cách gia

⁶ Đoạn đầu bài này, trước đã đăng trong VĂN số 73-74, đặc biệt về Hàn Mặc Tử.

nhập. Người đọc thơ không là kẻ mang đến cho thơ một lời chú giải. Phải nói hẳn chi là kẻ mang lời chú giải ra khỏi thơ, bởi lời chú giải về thơ không ở ngoài mà ở ngay trong thơ, nó là một vớì thơ. Nghĩa là thơ không chỉ là thơ nữa. Và thi sĩ không chỉ là người làm thơ một cách thơ ngây hay sung sướng. Có lẽ đây là chỗ cách ngăn khốc liệt giữa hai quan niệm thơ, về phía người thưởng ngoạn cũng như về phía người sáng tạo. Có lẽ ta không còn ở vào thời đại của một dòng thơ và từ đó của một dòng nghệ thuật thơ ngây, vô tội — sản phẩm của một cơn rung động thoáng qua hay một phút tình cờ may mắn nào đó. Có lẽ mai đây người làm thơ bắt đầu cuộc hành trình của mình không từ một khởi điểm nào khác

ngoài khởi điểm của thơ. Chính từ khởi điểm của thơ, người làm thơ tìm đến yếu tính của thơ. Người ta có thể làm thơ trong cuộc đời. Nhưng thi sĩ là kẻ làm thơ ở ngay trong thơ của mình. Thơ không còn là tiếng nói của một phút giây hoan lạc hay sầu khổ đã từng lướt thoáng qua tâm hồn thi sĩ. Thơ không là tiếng nói. Thơ không là ngôn ngữ. Thơ là tiếng nói, là ngôn ngữ đã tinh lọc để trở thành tiếng nói của chính tiếng nói, ngôn ngữ của chính ngôn ngữ. Và mai đây người đọc thơ không còn là kẻ chỉ biết rung động và rên rỉ với từng dòng từng chữ của một bài thơ. Hẳn phải có can đảm vượt qua những bức tường chữ nghĩa đầy phỉnh gạt để đạt tới cái cốt tủy bên trong chữ. Hẳn là kẻ mang mặt nạ của

anh chàng Orphée, tình nguyện sa chân vào địa ngục theo tiếng gọi thầm lặng của Eurydice yêu dấu. Vâng, có một thứ tiếng gọi thầm lặng thốt lên từ mỗi một bài thơ. Đó chính là linh hồn của mỗi một bài thơ. Đó chính là bài thơ đích thật ẩn giấu trong mỗi một bài thơ. Đọc thơ? Có lẽ người ta không đọc thơ nữa. Và có lẽ thơ cũng không còn nữa, Điều đáng kể chính là thơ ở ngay trong thơ, chính là tiếng nói về thơ chứa đựng ngay trong thơ. Với Hölderlin, với Lautreamont, với Rimbaud v.v..., phải chăng một dòng thơ mới đã bắt đầu, dòng thơ bao gồm trong nó một ý thức mãnh liệt về thơ. Thi sĩ là người đầu tiên đọc thơ mình. Thi sĩ là người đầu tiên thức tỉnh ngay trong vũ trụ thơ của mình.

Thơ thể hiện một cái nhìn về vũ trụ. Thơ đồng thời thể hiện một cái nhìn về chính cái nhìn đó. Đọc thơ Hàn Mặc Tử. Điều này có nghĩa là cùng một lúc tham dự vào hai cuộc hành trình say mê và hứa hẹn, một của nguồn cảm hứng sáng ngời của một tâm hồn bén nhạy và một của ý thức thơ nơi thi sĩ. Mừng tượng một cái nhìn bàng bạc trên khắp các lời thơ của Hàn Mặc Tử, một cái nhìn thấu suốt căn phần thi sĩ cũng như căn phần chính thơ:

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng
trì! Phượng trì!*

*Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu,*

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

*Trên triều thiên ngời chói vạn
hào quang.*

Thi sĩ làm thơ đồng thời không
ngớt nói về thơ, trò chuyện với
thơ:

*Ta cho ra đời một dòng thơ rất
mát*

*Mới tinh khôi và thanh sạch
bằng hương.*

*Trời như hộp phải hơi men ngan
ngát,*

*Đằm muốn ngôi tinh lạc xuống
mười phương.*

*Ta há miệng cho nguồn thơm
trào vọt,*

Đường thơ bay sáng láng như
sao sa...

Trên lụa trắng mười hai dòng
chữ ngọc

Thêu như thêu rộng phượng kết
tinh hoa,

Ta cao ngâm giọng vô cùng
thanh thoát

Khiến châu thân rung động thể
tơ trắng

Toan ngất đi trong cơn mê khoái
lạc,

Mẹ dấu yêu liền vội đến tay
nâng...

— “Đây thi sĩ của đạo quân
Thánh giá

Nửa đêm nay vùng dậy để tung
hô,

Để sốt cho cả xuân xuân thiên
hạ

Hương mến yêu là lộc của lời
thơ.”

Với Hàn Mặc Tử, làm thơ cũng
là một cách định nghĩa thơ rồi vậy.

Huỳnh Phan Anh

Đào Trường Phúc

Hàn Mặc Tử: trăng và thơ

*Chỉ có trăng sao là bất diệt
Cái gì khác nữa thấy đi qua
HÀN MẶC TỬ*

 Trong thế giới thi ca của một thiên tài, mỗi dòng thơ như một con đường, và trên mỗi con đường ấy đều có một thứ bóng tối ẩn hiện, rình rập cái vẻ rực rỡ, huy hoàng của ý tưởng. Nhận định như thế, phải chăng là một cách mặc khải đôi chút tiên kiến? Và rõ

ràng là người ta đã ngập ngừng rất nhiều trước khi tiến đến một giao điểm lập luận: Nếu đã dành một chỗ nào đó trong đường hướng suy tưởng cho cái ý thức về thiên tài (một đầu đề còn trong vòng tranh luận) – thì đồng thời cũng phải dành thêm một chỗ khác cho hiện tượng mà ta tạm gọi (một cách tối đa) là nổi-ám-ảnh. Điều này đã được chứng minh rất nhiều lần bởi một số các nhà phê bình văn học, và mặc dù từ những chứng minh ấy người ta chưa thực sự tiến đến một định luật cố định nào, nhưng ít ra một vài hệ quả cũng đã được mặc nhiên chấp nhận, những hệ quả không bất ngờ lắm nhưng nhiều lý thú. Chẳng hạn, những điều mà Philippe Soupault viết về

Adore Ducasse⁷. Đôi khi, người ta có thể vì một lý do nào đó phủ nhận cái ý thức thứ nhất về sự hiện hữu của thiên tài, nhưng không vì thế mà cái ý thức thứ hai cũng bị phủ nhận như một sự đương nhiên, ít ra là đối với trường hợp một số tác giả hay tác phẩm lớn. Vấn đề ở đây là, nhận định trên có thể được nghiệm chứng hay không, ở một trường hợp cá-biệt-hóa, trường hợp Hàn Mặc Tử?

Trong cuốn biên khảo về Hàn Mặc Tử, Trần Thanh Mai có đề cập tới điều này⁸. Nhưng ông đã chỉ đề cập tới như một vài nhận định khái quát về một khía cạnh của một trong

7 “LAUTRÉAMONT” Coll. Poètes d’aujourd’hui, Pierre Seghers, 1963, p. 12.

8 Trần Thanh Mai: “Hàn Mặc Tử”, xb Tân Việt, 1942 (?) tr. 67 và tt.

những tác phẩm của Hàn Mặc Tử, tập thơ *Đau Thương* (1937), mặc dù từ những nhận định ấy ông cũng có nhắc qua đến hai tập thơ kế tiếp, *Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí*. Theo Trần Thanh Mai, thì Trăng, cùng với Hồn, là “hai cái luận đề yêu dấu của Hàn Mặc Tử; hơn thế, hai cái ám ảnh ghê gớm mà thi sĩ không thoát ly được?” Trần Thanh Mai đã chứng tỏ cố gắng của ông trong việc tìm tòi giải thích nhận định này bằng những luận cứ về y học, bệnh lý, cũng như bằng tài liệu (“Le Lépreux de la Cité d’Aoste” của Xavier de Maistre)... Tuy nhiên sự kiểm chứng qua những cố gắng ấy vẫn không đưa đến một đáp số chính thức. Và nhận định vừa nói đã hầu như còn đứng ở nguyên vị trí khiêm nhường của nó. Cho

đến bây giờ, khoảng ba mươi năm sau khi quyển biên khảo của Trần Thanh Mại ra đời, câu hỏi được mặc khải trong nhận định của ông vẫn đang tiếp tục chờ đợi một lời giải đáp thỏa đáng. Chúng tôi cũng cảm thấy cần phải xác định ngay ở đây, là khi nhắc đến tất cả những điều vừa rồi, mục đích người viết không phải là trình bày nhân đó một “đề-giải-phương trình” nào, bởi đó là một công việc có tính cách trường kỳ và tổng hợp. Mà trong khuôn khổ bài viết này, có chăng chỉ là vài ý nghĩ xuôi dòng, vụn vặt. Sở dĩ nhắc lại những điều ấy, có lẽ vì chúng tôi cảm thấy một số khía cạnh, một số yếu tố trong đường hướng nhận định nêu trên đã bị bỏ sót (vô tình hay cố ý?). Như thế thay vì cho chúng ta

phóng ảnh của cả một con đường nhiều lối quanh co, nhận định của ông Trần Thanh Mai đã chỉ biểu hiện cho một quãng đường ngắn, dù rằng trên quãng đường ấy, có một khúc quanh quan trọng.

*

Ngoài tập *Gái Quê* chính thức được ấn hành và cho ra mắt năm 1936, những tác phẩm khác của Hàn Mặc Tử chỉ là những bài thơ rời, mà sau này trong những năm cuối cùng của cuộc đời, ông có gom góp lại thành từng tập, nhưng chưa hề xuất bản. Người ta có thể kể: “Đau Thương”; “Xuân Như Ý”;

“Thượng Thanh Khí”; “Cẩm Châu Duyên”. Gần hai mươi năm sau khi Hàn Mặc Tử qua đời, nhà xuất bản Tân Việt ấn hành tập “Thơ Hàn Mặc Tử”, chứa đựng 50 bài thơ, sắp xếp dưới bốn đề mục: Thơ Đường Luật; *Gái Quê*; *Đau Thương*; và *Xuân Như Ý*⁹. Như thế, một toàn tập tác phẩm của Hàn Mặc Tử cho đến nay vẫn chưa có, không hiểu có phải vì mỗi bất hòa giữa những người có đủ khả năng và hoàn cảnh để làm công việc ấy? Và mọi nỗ lực nghiên cứu về Hàn Mặc Tử đều chịu vấp phải cái trở ngại, cái thiếu sót đó.

Trong khoảng những năm 1926-1934, theo một số tài liệu còn lại, thì phần lớn sáng tác của Hàn Mặc Tử là những bài thơ Đường

⁹ Tái bản lần thứ nhất: xb. Tân Việt, loại Hương Đất nước, 1959. Quách Tấn giữ bản quyền.

luật. Ngay đến những bài thơ sau đó in trong tập “Gái Quê” cũng còn phảng phất cái vẻ ngập ngừng của một chuyển điệu, không táo bạo lắm. Nhưng để ý một chút, người ta có thể thấy, về nội dung, ngay dòng thơ Đường luật của Hàn Mặc Tử, cũng như dòng thơ chuyển điệu kia, cũng đã chứa đựng thấp thoáng cái bóng tối bí mật của nỗi ám ảnh, như ẩn náu sau một bức màn mà mỗi cơn gió nhẹ vô tình có thể làm bay lên một góc nào đó. Những cơn gió của tiềm thức, qua những giai đoạn đóng vai trò của mình một cách hờ hững, sẽ bắt gặp sau này một cơ hội tàn ác để chuyển thành giông tố.

Như những bước chân đầu tiên của một chuyến đi dài, trắng

đã xuất hiện trước hết trong cái không khí ước lệ của thơ Đường luật, cái không khí mà ngay cách sau đó không bao lâu (nếu không muốn nói là gần như đồng thời) Hàn Mặc Tử đã pha trộn vào một chút hơi thở cách mạng, một sự pha trộn mà bây giờ nhìn lại người ta có thể nhận thấy dường như chỉ có chừng một phần ba vì dụng ý, hai phần ba còn lại bắt nguồn từ một thứ ngoại ý thức thúc đẩy và quyến rũ thường trực nhà thơ. Hãy thử so sánh những câu thơ Đường luật của bài “Đêm Không Ngủ” với những câu thơ Đường luật của bài tứ tuyệt “Một Nửa Trăng”:

*... Bóng huyệt leo song sờ sẫm
gối*

Gió thu lọt cửa cọ mài chần.

(Đêm Không Ngủ,
thất ngôn bát cú)

Hôm nay có một nửa trăng thôi

Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi

Ta nhớ mình xa thương đứt ruột

Gió làm nên tội buổi chia phôi.

(Một Nửa Trăng)

Thật ra, nói chung, trong thơ Đường luật, dù là chính Đường thi hay thơ Đường luật Việt Nam chẳng hạn, người ta cũng nhận thấy rằng những “tứ” mới, những ý tưởng sáng tạo phóng túng, táo bạo thường xuất hiện trong các bài tứ tuyệt (thất hay ngũ ngôn) hoặc ngũ ngôn cổ phong, nhiều hơn là

trong các bài thất ngôn bát cú. Điều này dễ hiểu, vì lẽ chính hai thể tứ tuyệt và cổ phong dưới một vài khía cạnh, cũng đã là những biến thái sớm hoặc chậm của cái khuôn khổ ước lệ của Đường thi-chính-thống, cận thể.

Điều đáng nói ở đây về Hàn Mặc Tử, là trong dòng Đường luật (sáng tác trong những năm mở đầu sự nghiệp thi ca những năm của tuổi hai mươi) trắng mà ông nhắc đến không những đã được nhân cách hóa, thi vị hóa, (như hàng trăm nhà thơ khác vẫn làm), mà còn được hiện-thực-hóa ngay trong cái không khí thi vị ấy, hay nói một cách khác, được làm mới bằng một thứ định mệnh vừa hồn nhiên vừa kỳ bí. Thứ định mệnh ấy,

của trăng chỉ đến sau những năm 1936, 1937, mới xuất hiện lại và thực sự được ràng buộc vào định mệnh của chính Hàn Mặc Tử trong một tương quan thứ hai.

Bởi vậy, qua những bài thơ trữ tình bất hủ của tập “Gái Quê”, bóng dáng của trăng vẫn như chỉ rình rập, bốn cột một cách dịu dàng, trong không khí êm đềm của thời lãng mạn. Ở giai đoạn này, người ta còn có thể cảm thấy hơi ấm của trăng như hơi ấm trên thân thể một thiếu nữ lãng mạn, đa tình và kiêu hãnh. Từ những câu thơ thanh thoát của “Tình Quê”:

... Cách nhau ngàn vạn dặm

Nhớ chi đến trăng thề

đến những câu thơ hào hoa, say sưa của “Bến Lăn”, trăng vẫn còn nằm trong vòng tay của tuổi trẻ, mơ mộng, tự tin, hờ hững trước cái định mệnh kỳ bí của chính mình:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi

Hoa lá ngây tình không muốn động

Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!

Trong khóm vi lau rào rạt mãi

Tiếng lòng ai nói sao im đi?

Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm

*Lộ cái khuôn vàng dưới đáy
khe...*

*

Người ta mỗi lần viết về Hàn Mặc Tử, thường không thể quên nhắc đến sự chuyển hướng rõ rệt trong dòng thơ của ông, được đánh dấu bởi một biến cố thâm cảm của cuộc đời, nghĩa là chứng bệnh nan y, mà ông bắt đầu mắc phải vào cuối năm 1936, sự chuyển hướng này, đã đành không ai có thể chối cãi, cũng như chứng nan y đó rõ ràng là đã vô tình khơi nguồn cho một cảm hứng hoàn toàn mới lạ trong thơ Hàn Mặc Tử, nhưng xét

cho kỹ, trong giai đoạn mệnh danh là chuyển hướng ấy, dường như Hàn Mặc Tử còn chứa đựng một vài khía cạnh thầm kín mà một số người sau này đã vội vã quên không lưu ý tới.

Trong cuốn khảo luận về Hàn Mặc Tử¹⁰, khi đề cập đến tập thơ “Đau Thương”, như vừa nhắc ở đoạn trên, Trần Thanh Mai đã lưu ý chúng ta về hai chủ đề Trăng và Hồn xuất hiện trong hầu hết các bài thơ của tập đó. Trần Thanh Mai cũng nêu lên nhận định rằng, ngoài những bài thơ chịu ảnh hưởng của bệnh (và do đó nhập vào các chủ đề Trăng, Chiêm bao và Hồn), “Đau Thương” còn có một “phần thơ tự nhiên, làm khi thi nhân tỉnh

¹⁰ Trần Thanh Mai: “Hàn Mặc Tử”, xb Tân Việt, 1942 (?) tr. 67 và tt.

táo, mạch máu tuôn chảy êm ả dịu dàng”. Phần thơ đó được ông dẫn chứng bằng một số bài như “Đà Lạt Trăng Mờ”; “Huyền Ảo”; “Mùa Xuân Chín”; “Đây Thôn Vỹ Dạ”; “Siêu Thoát”, v.v...

Mặc dù tập thơ “Đau Thương” được Hàn Mặc Tử gom góp vào cuối năm 1937, nghĩa là khi ông đang nằm điều trị, nhưng dường như chúng ta vẫn chưa có một bằng chứng nào xác đáng đến mức tối đa để có thể quả quyết như Trần Thanh Mại đã quả quyết, rằng tất cả những bài thơ trong tập này đều được sáng tác trên giường bệnh, rằng một số được làm khi tỉnh táo và số còn lại làm khi nhà thơ bị cơn bệnh hành hạ. Trong khi đó, theo tài liệu của chính Trần Thanh Mại,

thì Hàn Mặc Tử đã phát giác chứng bệnh của mình vào cuối năm 1936, sau những chuyến du lịch Huế, Đà Lạt, Nha Trang và Phan Thiết, và trước chuyến du lịch dự tưởng vào Sài-gòn. Những bài thơ “Dalat Trăng Mơ”, “Huyền Ảo”, “Mùa Xuân Chín”, có thể cho thấy bóng dáng của những chuyến du lịch nói trên. Vậy thì, chúng ta có nên, một cách dè dặt, đặt giả thuyết rằng Hàn Mặc Tử đã sáng tác những bài thơ trên ngay trong những chuyến phiêu du ấy? Rồi sau đó, khi vừa trở về Qui Nhơn, phát giác chứng nan y, ông đã phải bắt đầu công việc điều trị, và đến cuối năm sau, khi gom góp những bài thơ làm trong thời gian bệnh hoạn, ông đã xếp chung luôn vào tập “Đau Thương”, một số thơ sáng tác trước thời kỳ đó.

Giả thuyết này thật ra cũng chẳng giúp chúng ta dễ dàng gì hơn trong việc giải thích một cách hoàn toàn khách quan, sự tương phản đặc biệt giữa hai bầu không khí, tạm gọi là bệnh hoạn và thanh thoát, trong tập thơ “Đau Thương”, tác phẩm có lẽ là quan trọng nhất của Hàn Mặc Tử. Nhưng trong phạm vi chủ đề bài viết này, chúng tôi xin được phép phần nào dựa trên đó để nghiệm chứng một luận cứ khác.

*

Trăng trong một số thơ của tập “Đau Thương” (những bài thơ được coi như chứa đựng không khí

êm đêm, tỉnh táo) thường có cái đời sống thanh thoát như trong bài “Huyền Ảo”:

Mới lớn lên trăng đã then thò

Thơm như tình ái của ni cô

*Gió say lướt lướt trong màu
sáng*

Hoa với tôi đều cảm động sơ

.

Từ đầu canh một đến canh tư

Tôi thấy trăng mơ biến hóa như

*Hương khói ở đâu ngoài xứ
mộng*

Cứ là mỗi phút mỗi nên thơ

*Ánh trăng mỏng quá không che
nổi*

*Những vẻ xanh xao của mặt hồ
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ
Những lời năn nỉ của hư vô*

*Không gian đầy đặc toàn trắng
cả*

*Tôi cũng trắng mà nàng cũng
trắng*

*Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu
diêu*

Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng?

*Người ta có thể nhận thấy ở đây
cái hơi thở quạnh hiu của một đêm
trắng, hơi thở mà trong đó không*

có pha trộn một nỗi buồn xót xa, một niềm đau đớn, nhức nhối, quằn quại. Điệu buồn do đó không được cất lên mà chỉ tỏa ra, loãng và mơ hồ. Ngay chính đến những chuyển điệu của trắng cũng không được ghi nhận rõ rệt. Vẻ tịch liêu có thể nhận thấy, nhưng không có sự khai thác, cô đọng. Những câu như:

*Đang khi màu nhiệm phủ ban
đêm*

Có thứ gì rơi giữa khoảng im

*Rơi tự thượng tầng không khí
xuống*

Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim

rõ ràng cho thấy tác giả cố ý bọc quanh những khung cảnh được

nhắc tới một tấm lưới vô hình, một thứ kính đục, để gần như ngăn cái thế giới riêng tư đó với ngoại giới. Điều đáng chú ý là ngay trong cái thế giới riêng tư đó, Hàn Mặc Tử đã vận dụng thiên tài của ông một cách rất đúng mức để trình bày trạng thái tĩnh của thiên nhiên mà ông quan niệm như vẫn hòa điệu với tâm hồn ông đồng thời chi phối tâm hồn ông trong một tương quan chung thủy, thanh thoát. Cho nên khi ông khéo léo đưa vào trạng thái tĩnh ấy những chuyển điệu hờ hững, thì ông dễ dàng thành công với việc đặt cái yếu tố động này vào trong một môi trường ngoại-ý-thức, để cho cái yếu tố đó bỗng chỉ còn đóng vai trò của một yếu tố nền làm nổi rõ hơn trạng thái tĩnh mà thôi. Kỹ thuật ấy là một trong

những sở trường của Hàn Mặc Tử, mà chúng ta có thể nhận thấy qua những bài thơ bất hủ, như “Đây Thôn Vĩ Dạ”, “Đàn Ngọc”. v.v...

Như thế, sự hiện diện của trăng trong một số tác phẩm của Hàn Mặc Tử như đã nói trên đây, được lồng trong không khí tĩnh mịch mà ông chọn để diễn tả sự hòa điệu thanh thoát giữa nội tâm và thiên nhiên, đã thực sự tạo thành một đời sống huyền nhiệm mà có lẽ chỉ Hàn Mặc Tử mới ý thức được và ghi nhận được. (Chúng tôi đã cố tình dẫn chứng trên bình diện này bài thơ “Huyền Ảo”, một bài thơ hàm chứa nhiều yếu tố kỹ thuật uyển chuyển. Sự thực ra, những điều vừa nói ở trên nếu tìm trong một bài thơ khác, bài “Đà Lạt Trăng Mờ” chẳng

hạn, chắc chắn sẽ dễ cho chúng ta nghiệm chứng hơn nhiều. Không khí ở đây thể hiện một cách gần như toàn bích sự hòa điệu thanh thoát đó, cũng như thể hiện đồng thời tài vận dụng ngôn ngữ của Hàn Mặc Tử, đặc biệt trên khía cạnh mà ta đang lưu ý. Có thể nói không quá đáng chút nào, mỗi chữ trong bài thơ đều đóng đủ vai trò cần thiết trong toàn bộ kiến trúc, như một khối pha lê vô hình.)

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu

Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ.

Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt

Như đón từ xa một ý thơ

Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều

Để nghe dưới đáy nước hồ reo

Để nghe tơ liễu run trong gió

Và để xem trời giải nghĩa yêu

*Hàng thông lấp loáng đứng
trong im*

Cành lá in như đã lặng chìm

Hư thực làm sao phân biệt được

Sông Ngân hà nổi giữa màn đêm

*Cả trời say nhuộm một màu
trắng*

Và cả lòng tôi chẳng nói rằng

*Không một tiếng gì nghe động
chạm*

Dấu là tiếng vỡ của sao băng...

Trở lại với không khí quạnh hiu của một đêm trăng, trong đó ngoài sự hòa điệu thanh thoát giữa nội tâm và thiên nhiên, còn có sự hiện hữu của cái ý thức mơ hồ về nỗi bơ vơ đôi lúc bắt kịp bởi cảm giác đối diện trước một cõi vô cùng, — cái ý thức này, trong thơ Hàn Mặc Tử, dường như chứa đựng tính chất hồn hậu, dịu dàng hơn là khi được gọi đến trong những dòng thơ khác. Thực ra, một sự so sánh như vậy có vẻ hơi phiến diện, nhưng nếu cùng một lúc đọc những câu:

*Không gian dày đặc toàn trắng
cả*

*Nàng cũng trắng mà tôi cũng
trắng*

*Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu
diều*

*Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng?
và những câu:*

*Trong vườn đêm ấy nhiều trắng
quá*

Ánh sáng tuôn đầy các lối đi

Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ

Im lìm không dám nói năng chi

.

*Chúng tôi lặng lẽ bước trong
thơ*

Lạc giữa miền êm chẳng bến bờ

*Trắng sáng, trắng xa, trắng
rộng quá*

*Hai người nhưng chẳng bớt bơ
vơ*

(Xuân Diệu: TRẮNG)

thì người đọc ít ra cũng cảm thấy rằng cái khung cảnh vẽ lên trong thơ Xuân Diệu, ánh trắng, và cả nỗi bơ vơ, đều được đặt một cách khéo léo vào một dòng tư tưởng có tính cách triết lý, hay nói đúng hơn, vào một thế giới trữ tình mà trong đó những diễn biến nếu muốn có thể được giải thích thuần nhất theo một ý hướng tâm lý (riêng về khía cạnh đang nhắc tới chẳng hạn, một số không nhỏ thơ Xuân Diệu đã chứng minh điều này, bài “Xa Cách” là một thí dụ). Nói khác

đi, thiên nhiên diễn tả trong thơ Xuân Diệu thường được coi như đóng vai trò yếu tố khai thác hoặc nghiệm chứng ý hướng sáng tác của ông. Chúng ta có thể nhắc đến trăng trong bài “Lời Kỹ Nữ”. (Lẽ dĩ nhiên, như đã nói thơ Xuân Diệu không phải chỉ có một chiều duy nhất ấy, và những bài như “Nhị Hồ”, “Nguyệt Cầm” phản chiếu một cách không thể chối cãi những màu sắc của một thế giới mộng lung gần như tách biệt hẳn với cái ý hướng đó). Nhưng, trở lại vấn đề ở đây, đáng nói là trong khi Xuân Diệu, một đôi lúc còn khéo léo tìm cách trình bày một góc cạnh triết lý qua bóng dáng thiên nhiên hay qua bối cảnh ngoại vật (và người ta có thể bắt gặp dụng ý đó); - thì Hàn Mặc Tử đã tạo được, một cách

thuần nhất hơn, một thế giới trong thơ ông khiến cho người ta có cảm tưởng rằng khi ông vẽ nên một bối cảnh thiên nhiên thì đồng thời chính ông cũng tan biến và nhập vào luôn trong đó. Nhưng chúng ta sẽ thấy, sau này Hàn Mặc Tử còn tiến đến chỗ làm biến mất luôn cả cái bối cảnh thiên nhiên ấy, để thế giới trong thơ ông trở thành một thế giới vô thường. Nhưng đó là nói về dòng thơ được mệnh danh là dòng thơ thứ hai của ông.

*

Nói một cách giản dị nhất, một số lớn những bài thơ khác trong tập

“Đau Thương” những bài mà không ai nghi ngờ rằng quả đã được sáng tác trong tình trạng bệnh hoạn của tác giả, đã nhắc nhở đến trăng bằng một giọng điệu rất khác với tất cả những điều chúng ta vừa trình bày trên đây. Người đọc có thể tìm thấy trong “Say Trăng”; “Một Miệng Trăng”; “Ngủ Với Trăng”; “Hồn Là Ai”; “Cô Liêu”, v.v... những bóng dáng linh loạn, rùng rợn, vừa âm u vừa sáng láng, vừa quạnh hiu vừa vô cùng linh động, của trăng. Trăng xuất hiện, phiêu du và ngự trị trong những bài thơ này của Hàn Mặc Tử y như một thứ yêu tinh vừa thoát khỏi những sợi chỉ ngũ sắc của đạo sĩ để từ nay tha hồ vùng vẫy trong thế giới u minh. Chính ở đây người ta mới thực sự nhận thấy mối giao tình giữa trăng

với định mệnh Hàn Mặc Tử, hé lộ từ một thuở xa xôi, tái xuất hiện trong một tương quan mới (thật ra cũng không hẳn là một tương quan mới, mà gần như chỉ là một sự chính thức hóa qua những biến chuyển hoàn toàn ngoại ý thức). Trong những bài thơ vừa kể, trắng như bốn cột, chơi ú tim với nhà thơ, trắng chạy giật lùi, trốn thật xa và biết chắc rằng mình có đủ một thứ hấp lực để lôi cuốn nhà thơ phải đi tìm để tự hiến thân; — không khác gì mỗi đêm những nạn nhân của ma-cà-rông phải tự tìm đến nhà mồ để được hút mau, theo một sức mạnh không thể cưỡng lại cho đến hơi thở cuối cùng. Ở Hàn Mặc Tử, thật ra, vấn đề không chỉ giản dị như thế. Theo dõi từng câu thơ của ông trong giai đoạn này,

người đọc có thể khám phá thấy một cách mơ hồ, một hiện tượng kỳ dị:

Như đã trình bày ở một đoạn trên, nếu tạm để sang một bên cái giả thuyết là trong tập “Đau Thương”, có một số bài thơ Hàn Mặc Tử sáng tác trong lúc tỉnh táo không bị cơn bệnh hành hạ, xếp chung với một số bài thơ rõ ràng là chịu ảnh hưởng của chứng nan y (theo như luận cứ của Trần Thanh Mai): — để cái giả thuyết đó sang một bên (chúng tôi cố tình dùng từ ngữ “giả thuyết”, vì cho đến bây giờ xuất xứ đích xác của mỗi bài thơ do Hàn Mặc Tử sáng tác vẫn chưa được liệt kê đầy đủ và minh bạch để làm tài liệu kiểm chứng), người ta sẽ có thể theo dõi một cách bình

tĩnh hơn những bước đi của trăng trong thơ ông.

Chúng tôi đã nói ở trên: Ngay đến cái bối cảnh thiên nhiên mà Hàn Mặc Tử từng sử dụng trong thơ cũng đến một lúc nào đó bị chính ông làm biến mất. Nói như vậy không có gì là quá đáng. Mở tập thơ Hàn Mặc Tử, đọc phần thơ được mệnh danh là trích trong thi phẩm “Đau Thương”, dừng lại đôi chút như chúng ta vừa làm trên ở một vài bài như “Huyền Ảo”; “Đà Lạt Trăng Mơ”; “Đây Thôn Vĩ Dạ”; rồi đột ngột bước sang những bài “Cô Liêu”; “Ngủ Với Trăng”; “Một Miệng Trăng”; “Say Trăng” v.v...; chắc chắn là không một người đọc nào chối cãi được cái cảm tưởng gần như bị rơi hẫng từ

một vùng không khí này sang một vùng không khí khác, lạc đường từ thế giới này sang hẳn một thế giới khác. Trăng tràn ngập trong cái thế giới đó. Và trong ấy, trăng không còn là biểu tượng của thiên nhiên, của một thiên nhiên trữ tình, lắng lo hay quạnh quẽ nữa. Trăng bỗng trở nên một thứ ảnh tượng mâu thuẫn với chính nó, vừa là cội trú, vừa là vực thẳm đầy đoạ tâm hồn Hàn Mặc Tử. Điều này không có nghĩa rằng trăng là một khối lượng thể. Đúng hơn, phải nói rằng trăng đã trở nên như một chất linh động sẵn sàng nhập vào từng “khuôn” trong tâm thức của nhà thơ, một tâm thức nửa mê nửa tỉnh, hoảng loạn, phấn đấu tuyệt vọng với chính mình. Bởi lý do đó, chúng ta không ngạc nhiên

khi thấy lúc thì Hàn Mặc Tử thả cho tâm hồn ông lang thang đi tìm trăng để được đắm chìm vào trăng như vào một thứ cõi trú thần bí nơi đó một thứ thuốc an thần nào đó được pha loãng tràn ngập bao phủ lấy tâm hồn, xoa dịu hẳn những vết thương đau đớn -; ngược lại lúc thì Hàn Mặc Tử lại hốt hoảng thốt lên tiếng kêu kinh hoàng vì cảm thấy bị rình rập, theo đuổi, đe dọa, bám riết bởi trăng, trăng như một thứ ma quái chỉ muốn cướp lấy hồn ông khỏi thể xác và đẩy ông vào cõi chết, cái vực thẳm cuối cùng của đời ông. Cõi trú hay cõi chết? Có thực như vậy? Trong những tháng năm bị dày vò vì bệnh tật, một thứ bệnh bắt ông phải xa lánh mọi người, phải chịu đựng cùng một lúc nỗi cô liêu khủng khiếp

và niềm nhục nhã, chắc chắn Hàn Mặc Tử, qua những lúc bình tĩnh nhìn thực tại hầu như tuyệt vọng: nghèo túng, bệnh tật, cô quạnh; phải sống những giờ phút hoảng loạn, mê sảng, quẩn quại, và chính trong những giờ phút ấy, chắc chắn là ông đã trải qua nhiều cuộc chiến đấu cam go với tư tưởng chết chóc, tư tưởng buông xuôi, tư tưởng tự sát. Ông đã cho chúng ta thấy sự phấn đấu can đảm ấy của ông cho đến giờ phút cuối cùng (Trần Thanh Mại giải thích điều này bằng sự kiện Hàn Mặc Tử là người có đạo Thiên Chúa, mà tín điều ngăn cấm triệt để sự tự hủy mình. Giải thích như thế chưa thể coi là tuyệt đối chính xác và đầy đủ. Nhưng ở đây không đào sâu những cội rễ của thái độ can đảm

đó). Điều đáng nói là qua thơ ông, Hàn Mặc Tử đã gián tiếp trình bày những cuộc phấn đấu tuyệt vọng kia, và trong những giờ phút ấy, ông đã cho chúng ta thấy cái cảm tưởng của ông, cái cảm tưởng là có thể tách rời được tâm hồn khỏi thể xác quằn quại đau đớn, để đưa hồn đi thật xa lên những cõi siêu thoát. Hình như trong cơn bệnh, Hàn Mặc Tử thường dẫn dụ cái ảo tưởng ấy để tự xoa dịu mình, và dần dần, trong những khoảnh khắc tuyệt vọng nhất, để tự đánh lừa mình. Thứ ảo tưởng được dẫn dụ thường xuyên ấy đã đến một lúc nào đó biến thành một thứ sinh hoạt vô thức không buông tha chính chủ thể của nó nữa. Đó là cái tiến trình

từ “Sáng Láng” qua “Hồn Lìa Khỏi Xác”, đến “Hồn Là Ai”; “Ngoài Vũ Trụ” v.v...

Trong cái tiến trình ấy, trăng vẫn tiếp tục đóng các vai trò cực kỳ linh động của nó, và suốt trong những giờ phút mê loạn, rùng rợn nhất của Hàn Mặc Tử, trăng vẫn menh mông trong tâm thức ông. Dầu sao, phải nhận rằng giữa những biến ảnh linh động, trăng mà bị cơn mê sáng kinh hoàng của Hàn Mặc Tử gọi là yêu tinh theo dõi ông vẫn không đóng vai trò quan trọng bằng trăng mà ông thả hồn đi tìm như tìm một cõi trú, một cõi trú có thể chứa đầy đe dọa vô hình, đầy ma quái nhưng vẫn sẵn sàng ôm ấp xoa dịu nỗi bi thương của tâm hồn và thể xác ông. Hãy thử

đối chiếu những câu thơ sau đây:

*Mây trôi lơ lửng trên giòng
nước*

Đôi tay vốc uống quên lạnh lòng

*Ngả nghiêng đôi cao bọc trắng
ngủ*

*Đầy mình lốm đốm những hào
quang*

(Ngủ Với Trắng)

Cả miệng ta trắng là trắng

Cả lòng ta vô số gái hồng nhan

Ta nhả ra đây một nàng

.

Bóng ai theo dõi bóng mình

Bóng nàng yêu tình

Dịp cười như tiếng vỡ pha lê...

Thưa, tôi không dám say mê

*Một mai tôi chết bên khe ngọc
tuyền*

Bây giờ tôi dại tôi điên

*Chắp tay tôi lạy cả miền không
gian.*

Hẹn tôi tặng sáng đi tìm mộng

*Mộng còn lương vương bến xa
mơ...*

Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ

*Tôi hoảng hồn lên, giận sống
sờ.*

(Một Miệng Trăng)

... Tôi chết giả và no nê vô vạn

Cười như điên, sặc sụa cả mùi
trắng

.

Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm

Cho trắng ngập, trắng đồn lên
tới ngực.

Hai chúng tôi lặng yên trong
thôn thức

Rồi bay lên cho tới một hành
tinh.

(Hồn Là Ai)

Gió lửa ánh sáng vô trong bãi

Trắng ngậm đầy sông chảy lảng
lai

.

Ai đi lẳng lẳng trên làn nước
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi
Mà sao ngậm cứng thơ đầy
miệng
Không nói không rằng nín cả
hơi?

(Cô Liêu)

Vì không giới, nơi trầm hương
vẳng lẳng
Nên hồn bay, vùn vụt tới trăng
sao
Sóng gió nổi ùng ùng như địa
chấn
Và muôn ngàn thần phách ngã
lao đao.

(Hồn Lia Khỏi Xác)

Những biến ảnh của trăng, như thế, đã linh động từ một biểu tượng siêu thoát, đến một ám ảnh ma quái, và đôi lúc, còn là một chứng nhân lãnh đạm cho một nỗi cô đơn. Nhưng những biến ảnh ấy, ngoài sự linh động nằm trong không khí của một thế giới buồn thảm, quanh quẽ, nơi đó nhà thơ phấn đấu một cách âm thầm với nỗi tuyệt vọng bằng những ảnh tượng giải thoát: còn chịu đựng trong vài trường hợp ảnh hưởng của cơn bệnh vò xé thân xác, đến mức độ mà những ảnh tượng giải thoát trên cũng phản bội cả chủ thể, và như chúng ta đã nói, cũng tự trở thành một thứ ám ảnh tai hại, rùng rợn. Trên cái biên giới xa nhất của cơn mê sáng, trăng bỗng có những biến

ảnh mới, hay nói đúng hơn, những
biến ảnh đặc biệt khác:

*Người trắng ăn vận toàn trắng
cả*

Gió má riêng thổi lại đỏ hờm

.

Gió rít từng cao trắng ngã ngửa

*Vỡ tan thành vũng đọng vàng
khô.*

*Ta nằm trong vũng trắng đêm
ấy*

*Sáng dậy điên cuồng mưa máu
ra*

(Say Trắng)

Và cứ như thế, trắng, chính nó,
quay cuồng trong những biến ảnh

liên tiếp qua cái ống kính vạn hoa của một tâm thức mê sảng, hoảng loạn. Trăng không còn là yếu tố hay biểu tượng của thiên nhiên hiểu theo nghĩa thông thường, trăng cũng mất đi cả tính cách một biểu tượng lãng mạn, hiểu theo nghĩa của chính từ ngữ đó trong giai đoạn đầu của thơ Hàn Mặc Tử. Trăng sống trong một thế giới kỳ dị và đôi khi tự đồng hóa với cả thế giới ấy trong khoảng một năm trời, cho đến khi một nguồn thơ khác thành hình với Hàn Mặc Tử.

*

Thật ra, khi nói “nguồn thơ khác”, đó không phải là một lời nói chính xác cho lắm. Người ta ghi nhận rằng quả thật có những sắc

thái mới lạ trong những sáng tác của Hàn Mặc Tử tiếp theo “Đau Thương”, nhưng điều đó không có nghĩa là quên đi bóng dáng của những nụ, những mầm đã thấp thoáng xuất hiện từ chính trong thời kỳ của “Đau Thương”, để thực sự thành hình trong “Xuân Như Ý”, và “Cầm Châu Duyên”. Đó là thứ hơi hướng của “Ngoài Vũ Trụ”; “Sáng Láng”; “Siêu Thoát”....

Những bài thơ trong "Xuân Như Ý" phần lớn có cái không khí tinh khôi của ánh sáng tôn giáo, và dù một sự phân tích tỉ mỉ có bắt gặp những rơi rớt của nỗi buồn thảm, tuyệt vọng trong “Đau Thương”, thì đó chỉ là khối lượng không đáng kể. Ngay ở bài Tựa của “Xuân Như Ý”, Hàn Mặc Tử viết:

“Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo, Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi...”

.

Và loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng...”

Cái thế giới mà Hàn Mặc Tử tạo ra, đầy những ánh sáng tỉnh khô, tràn ngập hào quang, cao xa, thanh thoát của “Xuân Như Ý”, có phải là thoát thai của chính những đau đớn, quẫn quại, tuyệt vọng trong “Đau Thương”, hay thật quả chính nó đã bắt đầu một giai đoạn mới

trong dòng thơ của ông, điều này dường như đã tự bao hàm câu trả lời, hơn nữa nó cũng không nhất thiết nằm trong vấn đề của chúng ta ở đây. Nhưng trắng, trong cái thế giới ấy, thì rõ ràng đã được nâng ra khỏi cái vũng ghê rợn của “Đau Thương”, để được đặt, không phải trở lại cái thế giới huyền ảo cũ của “Đà Lạt Trăng Mờ” v.v..., mà là vào một thế giới mới, êm đềm, thanh thoát, bao dung, đầy vỗ về, che chở. Điều này là một khía cạnh ảnh hưởng của tâm thức thấm nhuần ý hướng tìm sự vỗ về che chở ấy trong cõi vô hạn của đạo giáo, hay đó chỉ là một khúc rẽ tình cờ trên con đường định mệnh của trắng? Dù muốn dù không, người ta cũng không thể có ở đây một câu trả lời dứt khoát. Nhưng những dữ kiện

đã trình bày trên kia thì không ai
chối cãi. Chúng ta có thể đọc những
câu:

*Trời hôm nay bình an như
nguyệt bạch*

*Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt
vời bay...*

.

*Xin thứ tha những câu thơ tội
lỗi*

Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng

*Từng bao đêm xao xuyến vũng
sông Hằng.*

(Đêm Xuân Cầu Nguyễn)

*Thượng thanh khí tiết ra nguồn
tinh khí*

*Xa xôi đời trắng mọc nước
Huyền Vi*

.

*Mau rất mau trong muôn hoa
kiều my.*

Mùa rất trai và ánh sáng rất cao

*Đừng nói buồn mà không khí
nao nao*

*Để chơi vơi này bông trắng là
gió...*

(Đừng Cho Lòng Bay Xa)

Trong “Xuân Như Ý”, như trên đã nói, chỉ có đôi lúc vương vất lại một chút hơi hướng bi thương, quạnh quẽ của “Đau Thương”. Đó là những bài thơ tình của Hàn Mặc Tử, trong đó trắng như lại được một

tấm áo cũ lướt qua, phủ lên trong
giây lát, tấm áo của dĩ vãng, của nỗi
sầu thảm, và của cả cơn mê sáng lẽ
dĩ nhiên chưa bao giờ buông tha
Hàn Mặc Tử. Đó là những màu sắc
đặc biệt trong “Phan Thiết! Phan
Thiết”, hay trong “Trăng Vàng
Trăng Ngọc”, chẳng hạn:

*Ta đến nơi - Nường ấy vắng lâu
rồi*

*Nghĩa là chết từ muôn trăng thế
kỷ*

*Trăng vàng ngọc, trăng ân tình,
chưa phỉ,*

*Ta nhìn trăng không xiết ngậm
ngùi trăng*

*Ta vãi tung thơ lên tận sông
Hằng*

Thơ phép tắc bỗng kêu rên thống thiết.

Cũng thế, cái điệu múa hồn nhiên của trăng trong cơn điên loạn (“Trăng Vàng Trăng Ngọc”), chỉ là những khía cạnh đặc biệt của “Xuân Như Ý”. Và trong cơn điên loạn ấy, hoặc trong cơn yếu đuối của tâm hồn khi chợt tình cờ rơi hẫng khỏi vùng không khí thanh thoát sáng láng, trăng bỗng hoặc được trả về với sự hiện thực hòa, hoặc với cái khuôn mẫu ước lệ của nó như trong giai đoạn cũ (“Say Chết Đêm Nay”).

Nhìn tổng quát không khí của “Xuân Như Ý”, hình như cảm tưởng chung của mọi người là Hàn Mặc Tử, sau thời gian đầu

tiên vật lộn với chứng bệnh vừa chớm và bộc phát, sau giai đoạn khủng hoảng rùng rợn của một cuộc thách đố định mệnh, đã tìm lại được đôi chút bình tĩnh, không phải thứ bình tĩnh an tâm của một người thoát được cơn nguy hiểm, mà là thứ bình tĩnh đau xót của sự chấp nhận định mệnh, chấp nhận nỗi tuyệt vọng, và quyết định tự giúp đỡ mình bằng một cách cuối cùng là đưa tâm hồn lên cõi siêu thoát, cao cả, êm đềm, cho dầu có lẽ mờ biết rằng đó chỉ là những ảo tưởng cuối. Thơ của Hàn Mặc Tử trong giai đoạn ấy (cũng chính là giai đoạn chót của đời ông) nhiều khi đã hé lộ một vài sắc thái kỳ lạ, gần như một thái độ sửa soạn đón nhận một cái chết, giải thoát êm ả cho thể xác lẫn tâm hồn. Chính

các sự kiện trên đã tạo nên những hình ảnh, ngôn ngữ cực kỳ tráng lệ trong những bài thơ cuối cùng của ông:

Nhớ khi xưa ta làm chim phượng hoàng,

Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất

.

Ta lôi đình thấy trăng sao liên mỗ

Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao

Trăng tan tành rơi xuống một cù lao

Hóa đài điện đã rất nên tráng lệ
(Phan Thiết! Phan Thiết!)

*Một mai kia, ở bên khe nước
ngọc*

*Với sao sương, anh nằm chết
như trăng*

*Không tìm thấy nàng tiên mô
đến khóc*

*Đến hôn anh và rửa vết thương
tâm*

(Cầm Châu Duyên)

Cũng chính trong cái huy hoàng
tráng lệ của một tòa lâu đài trong
những ngày cuối cùng, trăng đã
rực rỡ tràn ngập trong thơ Hàn
Mặc Tử, trăng trong chặng chót
của chuyến phiêu du dài, đã mơ
hồ khoác lai tấm áo rất xa xôi của
những ngày đầu tiên. Trong bài thơ
xuôi (chúng tôi cố tình gọi đây là

một bài thơ xuôi) “Chơi Giữa Mùa Trăng”, trăng đã tiến tới mức cao nhất của chuyến đi ấy, đã thực sự trở nên một thế giới, hay ít ra, một vũ trụ mộng ảo toàn bích để nuôi nấng nhà thơ, thay thế hẳn cho cái thế giới khắt khe mà ông thực sự phải kéo dài hai mươi tám năm đầy dẫy bất hạnh, cô đơn, phản trắc. Từ sự ngập ngừng trước những ân sủng của trăng mà ông cho rằng đã bốn cột ông:

Trời hỡi nhờ ai cho khỏi đói.

Gió trăng có sẵn làm sao ăn?

Hàn Mặc Tử đã đưa chính ông đến bến bờ thực sự của trăng, nơi đó cái định mệnh đã ràng buộc ông với trăng từ thuở ban đầu, đã hiện thân trong một tương quan mới,

một thế giới đích thực tràn đầy ân sủng dành riêng cho ông, và lẽ dĩ nhiên, chỉ có ông nhìn thấy được. Thật ra, có nên kết luận rằng, như vẫn được hướng dẫn bởi cái sức mạnh dịu dàng của vô thức, chuyến phiêu du của trăng trong dòng thơ Hàn Mặc Tử đã đưa ông cùng đi theo để tới một không gian và thời gian vĩnh cửu? Và như vậy, có phải từ những dòng thơ cuối của bài thơ “Huyền Ảo”, mối tương quan đến đây đã thực sự thành hình:

*“Bây giờ chúng tôi đang ở giữa
mùa trăng, mở mắt ra cũng không
thấy rõ đâu là chín phương trời,
mười phương phật nữa. Cả không
gian đều chập chờn những màu sắc
phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của
chị tôi và tôi lơ đi vì chói lói... ở chỗ*

nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bênh bồng đến một địa cầu nào khác.

“Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu...

“Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng đức bà Maria là bức tinh truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đến thế này. Nước da của chị đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

“Tôi nắm tay chị tôi đặc lia lia và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: “Có phải chị không hờ chị?” Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: Chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên “A ha! Chị Lễ ơi, chị là trắng, mà em đây cũng là trắng nữa!”

“Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trắng thiệt...”

(Chơi Giữa Mùa Trắng)

Đào Trường Phúc

Châu Hải Kỳ

Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa

Năm 1946, một người bạn của Hàn Mặc Tử - anh N.D., tác giả “Luật Hồi Ngã” - vì đi công tác, có giao cho tôi cất hộ tập “Tinh thần và tính chất trong thơ Hàn Mặc Tử”. Đó là một bài nói chuyện của anh dài ngót 150 trang giấy khổ lớn mà anh có lần bảo với tôi: “Muốn in mà chưa có phương tiện”.

Tôi đã trân trọng cất tập đó theo lời gửi gắm của bạn, đi đâu tôi cũng bỏ vào “xắc” mang theo người.

Năm 1949, tôi vô ý để mất cái xắc, mất luôn cả tập liệu kia. Từ ngày ấy, tôi ân hận hoài.

Chuộc lại phần nào lỗi mình, tôi định bụng viết lại, nhớ điều gì viết điều ấy. Nhưng công việc này chưa thực hiện, vì dù đã đọc đôi ba lần đấy, tôi vẫn không dám tin ở trí nhớ của tôi. Tình cờ một hôm tôi nghe một giáo sư, nhân dạy về thơ mới ở một lớp Đề Nhị, giảng một bài thơ của Hàn Mặc Tử. Trước tiên, ông đề cập đến thân thế, rồi ông bắt sang bình phẩm nội dung bài thơ. Đại khái ông nhận xét: nội

dung bài thơ chứng tỏ tinh thần của thi sĩ thác loạn, tình yêu ở ông thiếu tính chất cao quý, lành mạnh, trong sạch, có lẽ bắt nguồn, không phải ở bệnh hoạn, mà từ cuộc sống trụy lạc, sa đọa tinh thần hồi còn là học sinh giữa chốn đề đô sặc mùi vua chúa và lãng mạn. Rồi ông chứng minh điều ông giảng bằng các tác phẩm như sau:

Trong “Gái Quê”, tình của cô gái, nói là quê, mà thật ra là đặc sệt tỉnh thành, nó rất mới, rất lơ lả và khêu gợi, lộ liễu cái tính ham mê xác thịt của thi nhân.

Trong “Thơ Điên”, qua các tập “Mật đắng” và “Máu cuồng và Hồn điên”, tác giả cũng nói đến tình yêu, nhưng cũng chỉ là thứ tình không

sáng sửa của một kẻ thất vọng, quá khổ đau về Trường tình, cho nên thực chất nó cũng không đẹp đẽ, mộng mơ gì, làm sao bảo được rằng đó là kết quả của mối chân thành rung cảm của thi nhân để khiến người đọc rung động được?...

Hiểu được thơ của Hàn Mặc Tử không phải là sự dễ. Vì thế tôi không dám tỏ ý kiến gì về lời nhận xét của vị giáo sư. Nhưng tôi đặt vấn đề tra cứu về đời học sinh của thi sĩ trong những ngày ở Huế, và luôn tiện tìm hiểu cho biết trường tình của nhà thơ để mong hiểu được đúng đắn một số bài thơ của người quá cố.

May quá, tôi gặp một sư huynh trong dòng La- San hiện dạy tại

trường Taberd, nguyên trước học trường Pellerin (nay là trường Bình Linh ở Huế), kém thi sĩ một lớp. Ông cho biết rằng: H.M.T. thi vào lớp Đệ Nhất niên (bây giờ gọi là Đệ Thất) trường Pellerin đầu năm học 1928-1929. Không giỏi về toán và về sinh ngữ cho nên năm sau phải ở lại lớp. Tuy vậy, người bạn trên lớp ấy hiền lành và ngoan đạo. Ông bảo ông nhớ kỹ là vì hồi đó, dù ở H.M.T. chưa thấy xuất hiện tài thơ, nhưng đã có tiếng là “học sinh có nhiều măn khiếu về Việt văn”, trong khi, ở trường dòng, hầu như toàn thể học sinh đều chú trọng đặc biệt vào các môn sinh ngữ và toán.

Tài liệu sau đây chứng minh sự thật nói trên.

Được tài liệu sau đây, tôi thấy tôi đã hưởng một sự may mắn lớn lao. Tôi nghĩ đến vì lòng chân thành của tôi, hồn thiêng của thi sĩ quá cố đã sui tôi may mắn gặp được sư huynh trường Taberd và nhờ lòng sốt sắng của một sư huynh khác hiện dạy trường Bá Ninh Nha Trang viết thư giới thiệu và chuyển những điều tôi muốn hỏi ra trường Bình Linh. (Tới đây tôi xin mở dấu ngoặc để có lời cảm ơn các sư huynh ở trường Bình Linh đã chịu khó gỡ lại chồng hồ sơ cũ 36 năm về trước để tìm giúp tôi tài liệu vô cùng quý giá này, nếu không phải là trường có một truyền thống tổ chức chu đáo, biết gìn giữ tài liệu thì ngày nay đâu tôi có được cái hân hạnh kia? Tôi xin đóng lại ngoặc).

Họ Tên: Nguyễn Trọng Trí.

Ngày và nơi sinh: 22-9-1912
tại làng Lệ Mỹ, tổng Võ Xá, huyện
Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới.

Chánh quán: làng Thanh Tâm,
tỉnh Thừa Thiên.

Tên Cha: Nguyễn văn Toán

Tên Mẹ: Nguyễn thị Duy

Vào học trường Pellerin ngày:
5-9-1928

Thôi học năm: 1930

(theo danh bộ của nhà trường)

Appréciations

1er semestre 1929-1930

Langue frse: a fait quelque progrès

Mathématiques: très ordinaire.

Sciences: Elève travailleur. a fait beaucoup de progrès.

Histoire et Bonne mémoire géographie: résultats satisfaisants

Dessin et Ecriture: Assez bon en écriture. Faible en dessin.

Langue annamite: Bon pour la traduction

2e semestre 1929-1930

Langue frse: reste stationnaire

Mathématiques: assez bon quoique irrégulier

Sciences: sérieux et appliqué.

Résultats satisfaisants.

Histoire et Bonne mémoire
géographie: Assez bon

Dessin et Ecriture: Assez bon
dans l'ensemble.

Langue annamite: Premier en
rédaction Annamite

Appréciations du directeur:

Assez bon ensemble (1er
semestre)

Résultats assez satisfaisants
(2e sem.)

(Sao học bạ của Nguyễn trọng
Trí)

Vấn đề tìm hiểu đời học sinh
của Hàn Mặc Tử như thế cũng tạm

giải quyết. Đến câu chuyện tình yêu của tác giả “Gái Quê” thì năm 1961 tôi đã tìm gặp Mộng Cầm, người yêu của Hàn Mặc Tử. Sau cuộc gặp gỡ – cũng may mắn này – tôi có viết bài đăng trong tạp chí “Phổ Thông” số 63 - Bộ Mới, ra ngày 15-8-1961. Tôi xin mạn phép sao lại toàn văn bài của tôi để cống hiến bạn đọc Văn thêm một tài liệu về nhà thơ quá cố Hàn Mặc Tử:

“Tôi được biết bà Mộng Cầm hiện còn sống ở Phan Thiết, và là thứ mẫu của một em nam sinh học với tôi năm trước đây. Bà muốn sống êm thắm, vui với chồng con hiện tại mà không muốn đả động đến “mối tình hồi con gái”, cho nên bà từ chối mọi cuộc gặp gỡ hỏi han về “mối duyên văn nghệ xa xưa”,

dù là với người quen thuộc cho mấy đi nữa.

“Tôi đi ngang nhà bà mấy lần, mấy lần nhà đóng im im; hỏi người ở thì “chủ nhân vắng nhà”.

Tôi không chán nản. Chờ em học sinh cũ của tôi đi học Sài Gòn về, nhờ em giới thiệu...

Nếu tôi là thầy dạy con bà, bà nhận lời. Và một buổi chiều thứ bảy nọ, tôi đi với em học sinh đến nhà.

Tôi ngồi nơi phòng khách chờ một lát thì chủ nhân ở phòng bên đi ra. Tôi đứng dậy chào.

Bà khuôn mặt đầy đặn, nước da dù đã trắng trẻo, mịn màng cũng được trang điểm qua loa một làn

phấn lột thêm hồng đôi má bên cặp môi cũng một màu hồng. Nếu không để ý đến cái thân thể cũng như cử chỉ, dáng điệu trang trọng xứng hợp với một nữ trung niên khuê các, mà chỉ nhận diện bằng “khuôn mặt nép bên hoa” thôi, thì mặc dù bà đã bốn mươi có lẻ, trông bà hãy còn đẹp đẽ, duyên dáng như một cô gái vừa quá tuổi trăng tròn.

“Nhân diện đào hoa tương ánh hồng”. Câu thơ của Thôi Hiệu tự dung đến trong não tôi. Tôi thầm nói trong não: Khuôn ặt ấy, bảo xưa kia Hàn Mặc Tử không cảm sao được.

Bà mời tôi ngồi. Bây giờ tôi mới để ý tay bà cầm một cái lẳng bằng mây dựng ít lá trầu, đôi trái cau,

một cái ve con đựng vôi bông, và miệng bà đương lúng búng miếng trầu ăn dở. Bà mặc quần lãnh đen, áo ngắn hàng màu trắng – thứ áo khách mỗ bụng của người miền Trung – mà không áo dài hoa hòe trịnh trọng. Ở bà thể hiện con người của hai thế kỷ, vừa mới vừa cũ, “vừa tây vừa ta”, nửa quê nửa tỉnh, nửa đài các nửa bình dân. Mặt hoa da phấn, môi bôi son, mà bôi tóc, nhai trầu. Tuy vậy bà rất tự nhiên và lịch sự. Trong trí tôi lúc bấy giờ nảy ra không biết bao nhiêu ý tưởng hay hay vừa lạ lùng, vừa thích thú. Bà tiếp tôi với tính cách một người thân trong gia đình, nhờ đó, câu chuyện khởi đầu niềm nở, thân mật ngay.

Sau đôi câu xã giao vì sao mà

biết được bà là thứ mẫu của em học sinh, tôi đề cập ngay đến mục đích cuộc viếng thăm. Đầu tiên, tôi hỏi trường hợp nào đã khiến bà quen thân Hàn Mặc Tử?

Bà với tay lấy ông nhố, nhố hết miếng trà, xong bà điềm nhiên kể cho tôi nghe:

– Năm ấy tôi mười bảy tuổi, tôi học lớp Nhất trường Nam Phan Thiết. Tuy học lớp Nhất, nhưng tôi rất ham văn chương Đêm đêm tôi thường đến học thêm Việt ngữ với cậu Bích Khê tôi. Cậu có mở một lớp đêm cho những ai muốn học thêm và có chỉ dẫn làm thơ văn. Những bài thơ tôi làm ra toàn thơ Đường luật, tôi đăng báo “Công Luận” trong Nam. Một hôm, đến

trường, tôi tiếp một bức thư do nhà dây thép đưa lại. Đó là bức thư đầu tiên H.M.T. gửi cho tôi. Trong thư, H.M.T. tỏ ý cốt tìm cho biết để giao thiệp trau luyện văn thơ. Tôi có gặp trên báo tên Hàn Mặc Tử một đôi lần, nhưng không biết Hàn Mặc Tử là ai, và cũng không biết, bằng cách nào, Hàn Mặc Tử biết được địa chỉ của tôi. Vì lúc này, theo như trong bức thư gửi cho tôi, H.M.T. đang làm Sở Đạc điền ở Qui Nhơn.

Tôi bận học thi Tiểu học, cho nên một tháng sau tôi mới trả lời. Bắt đầu từ đó, chúng tôi thường có thư đi lai cho nhau, nhưng cũng toàn nói chuyện văn thơ.

Nhân nghe bà dì tôi bị bắt, H.M.T. có gửi vào tôi một bài thơ

để tặng bà. Đó là bài thơ đầu tiên H.M.T. gởi cho tôi.

Tôi xin bà đọc cho tôi nghe bài thơ.

Bà nghĩ ngợi trong giây phút, đưa tay lấy miếng trầu cau bỏ vào miệng nhai, rồi quay mặt ra đường, đôi mắt hơi trầm ngâm ngó xuống như để nhớ lại, một chập bà quay lại và tiếp:

– Tôi quên mất hai câu đầu mà chỉ nhớ có sáu câu dưới:

.

Ghen tuông trời nữ đem đi giải,

Yếu ớt ông đành bắt bỏ giam.

Ôi lũ con đen nhìn bất nhẫn,

Thương cô má đỏ cứt vô vằn,

Ai xui có sự ra nên nôi.

Mưa khóc lu bù gió thổi than.

Chúng tôi giao thiệp như thế được chừng năm, sáu tháng thì tôi phải về Quảng Ngãi. Cuộc giao thiệp gián đoạn. Về Quảng Ngãi, tôi gặp một người bạn học cũ mới hay chính chị bạn tôi quen với Hàn Mặc Tử, đã giới thiệu tôi với Hàn và cho Hàn địa chỉ. Chị cũng cho biết H.M.T. vừa thôi làm sở Đạc Điền, và vào Sài Gòn viết giúp các nhà báo “Sài Gòn Mới” và “Phụ nữ Tân văn”.

Ở Quảng-ngãi mấy tháng, tôi trở vào Phan Thiết. Tôi ra Mũi Né ở học “cô đỡ” với cậu tôi là ông L.Q.T. (anh lớn của Bích Khê).

Tình cờ, đọc “Sài Gòn Mới”, cậu tôi thấy Hàn Mặc Tử nhẵn trong mục Thư tín: “Chị Mộng Cầm ở đâu cho biết địa chỉ...” Ông mới hỏi tôi: “Hàn Mặc Tử là ai mà cứ nhẵn hỏi cháu hoài, sao cháu không trả lời?”

Bà nghỉ nói, cầm ống nhổ lên nhổ trầu. Nước trầu quên đỏ tươi. Tôi để ý bà nhai chậm rãi, gọn gàng, nước trầu không vệt ra ngoài môi. Nhưng tôi thấy đôi môi bà như hồng thêm và đôi má cũng ửng thêm. Bà đứng lên mở đôi cánh cửa sổ, ngoài trời những chòm mây đã tan dần để lộ những quãng trời xanh quang đãng. Chút ít ánh nắng lọt lạt theo một luồng gió lạnh ủa vào phòng đậu trên khuôn cửa. Em học sinh mang nước trà vào. Bà ngồi lại, mời tôi uống nước, rồi tiếp:

Tôi kể câu chuyện quen biết trong mục đích trau luyện văn chương cho cậu tôi nghe. Cậu tôi cho phép; tôi viết thư cho Hàn Mặc Tử.

Thư từ đi lại mật thiết trong mấy tháng. Thì một chiều thứ bảy nọ, vào khoảng tháng Tư, Năm, Hàn Mặc Tử ra Phan Thiết. Anh mượn đồ đi Mũi né tìm đến bệnh xá. Tôi đang làm thuốc cho bệnh nhân, ông phu nhà thuốc vào đưa cho tôi một danh thiếp trên có đề mấy hàng;

HÀN MẶC TỬ

Chef Cercle d'Etude

Qui-nhơn

Tấm danh thiếp này tôi giữ mãi làm vật kỷ niệm bất ly. thân cho đến lúc gần đây mấy tháng, vì đưa em họ tôi nó xin khẩn thiết quá, tôi mới cho nó. Hiên nó giữ bo bo và ai xin cho coi nó cũng không đưa, chỉ sợ mất.

Tôi bảo ông phu ra thưa chờ tôi một chút. Tôi làm thuốc cho người bệnh xong, đi ra thì thấy một chàng thanh niên mặc âu phục xoàng xĩnh đang đứng ở cửa bệnh xá.

Sau khi chào hỏi, tôi mời vào nhà, giới thiệu với cậu T tôi. Cậu tôi để cho chúng tôi tiếp chuyện tự nhiên. Kể ra, vào thời đại nam nữ phải cách biệt, mà được như vậy cũng là đã tự do lắm. Hàn Mặc Tử xin cậu tôi, sẵn có đồ, cho phép tôi

đi Phan Thiết chơi, luôn tiện nhờ tôi giới thiệu để gặp Bích Khê mà anh hằng ao ước tìm gặp. Cậu tôi bằng lòng. Và tối hôm đó, chúng tôi xuôi đò về Phan Thiết.

Gặp hôm có trăng, nhưng chúng tôi không ngồi trên mũi thuyền để ngắm sông nước mà ngồi trong khoang để nói chuyện. Hàn Mặc Tử không đẹp, nhưng nhỏ nhẹ, dễ thương. Hồi này anh mới hai mươi bốn tuổi, song trông người anh yêu tướng, tôi in trí thế nào anh cũng không thẹn. Nhờ ngọn đèn sáng dưới đò, tôi đã ngờ ngay từ hôm đó là anh có bệnh phong, hai trái tai anh hơi đỏ đỏ má dày dày. Vì có học ở nhà thương nên tôi biết triệu chứng, tuy vậy tôi chưa dám chắc. Đến sau này, tôi gặp được

anh Nguyễn Thông, bạn học cũ của tôi, cùng làm sở Đặc điền với Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn cho biết: “Chị có biết Hàn Mặc Tử bị phung không? (thời kỳ còn nhẹ)”. Tôi mới chắc chắn.

Tôi xin phép ngắt lời bà và hỏi một câu:

– Như vậy, xin lỗi bà, bà có đi Lầu Ông Hoàng và có gặp mưa không?

– Tôi nhận có đi chơi Lầu Ông Hoàng với Hàn Mặc Tử, có gặp mưa, có ngồi ở nghĩa địa, nhưng không phải vì đó mà Hàn Mặc Tử bị phung như anh Quách Tấn đã viết. Nếu Hàn Mặc Tử bị phung sao tôi không hề gì cả? Hai người cùng ngồi núp mưa một chỗ kia mà.

Rồi bà trở lại với vấn đề “chuyến đò Mũi Né”: Đoán Hàn Mặc Tử có phung, song tôi không nói ra, tôi vẫn một lòng kính trọng anh. Đò đến Phan Thiết, tôi đưa Hàn Mặc Tử đến trường Hồng Đức, cậu Bích Khê tôi dạy tại đây. Ở đó suốt buổi sáng chủ nhật, chiều lại, anh đáp chuyến tàu suốt trở về Sài Gòn.

Sau ngày ấy, cậu tôi bảo tôi ra dạy ở trường Hồng Đức. Lẽ đó mà Hàn Mặc Tử ra vào trường, thứ bảy nào anh cũng có mặt tại Phan thiết, chiều chủ nhật lại vào. Một dịp thứ bảy đi chơi Lầu Ông Hoàng, anh thổ lộ mối tình với tôi.

Tôi có trả lời anh: “Chắc rằng không thể đến chỗ làm bạn trăm năm được, tôi nói trước để anh đừng hy vọng.”

Anh hỏi lý do.

Tôi viện lẽ tôn giáo khác nhau. Nhưng thật ra vì biết Hàn Mặc Tử mắc bệnh hiểm nghèo, không thể sống lâu được, ý tôi muốn được một người chồng mạnh mẽ, tráng kiện... Tuy vậy, chúng tôi vẫn giao thiệp thân mật, hai năm như thế. Trong thời gian này, có nhiều lần Hàn Mặc Tử nài nỉ tôi dẫn về Quảng Ngãi thăm nhà và trong nhiều bức thư anh đề cập đến vấn đề hôn nhân. Tôi vẫn trả lời, nhưng luôn luôn tôi ngụy biện để từ chối:

Em nghĩ chúng ta sống như thế này thanh cao hơn, tôn giáo bất đồng, chữ hiếu bắt buộc em phải nghe lời thân mẫu em...

Tôi xin lỗi ngắt lời bà:

– Tôi xin hỏi thật bà: bà không muốn đến hôn nhân, nhưng đối với Hàn Mặc Tử bà có lúc nào cảm thấy yêu không? Và trong những cuộc giao du thân mật đã có lần nào thì sĩ tử thái độ suồng sã với bà chưa?

– Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ còn xác thịt thì hoàn toàn không nghĩ tới, cha mẹ đã cho giao thiệp tự do, chúng tôi phải giữ gìn cho xứng đáng. Vả lại, lúc bấy giờ, tôi tuy đã lớn tuổi, nhưng còn khờ lắm. Tôi xin kể ông nghe một trường hợp thi vị:

Hàn Mặc Tử in tập “Gái Quê”. Anh đem sách ra nhượng cho các tiệm, nhưng không một tiệm nào chịu mua cả. Anh đem về cho tôi.

Tôi nhận đi làm cái công việc ấy. Tôi đem ra các tiệm, chỉ trong một buổi sáng tôi bán xong 50 tập. Tôi hí hửng về khoe với anh. Tôi khờ quá ông ạ. Tôi tưởng rằng cứ bán rẻ là người ta mua. Mà người ta mua thiệt. Giá sách 0\$35 một cuốn mà tôi chỉ bán có 0\$28 hay 0\$30.

Nghe tôi thở thê:

– Em bán rẻ hơn anh cho nên người ta mua.

Hàn Mặc Tử cười bảo:

– Anh bán thơ chứ anh đâu có bán giấy.

Đồng hồ gõ năm giờ. Tôi định hỏi sang những bài thơ, những

bức thư tình của Hàn Mặc Tử gửi cho bà mà hiện bà còn nhớ hay còn cất ở đâu không, thì chồng bà về. Bà giới thiệu tôi là thầy của em học sinh và cũng cho ông biết lý do cuộc viếng thăm của tôi.

Thấy như vậy cũng tạm đủ, tôi ngồi chuyện vãn cùng ông trong mấy phút, rồi đứng dậy xin kiếu từ.

Châu Hải Kỳ

(trích Đặc San VĂN,
số 2 năm 1967)

VĂN số 180

Tuyển tập Thơ Văn

**quy tụ nhiều
nhà văn thời danh**

Trương Văn Ngọc

Một nghi vấn: Nhân đi thăm mộ Hàn Mặc Tử

Cách đây hơn hai năm, khi đến Qui Nhơn, cũng như mọi người trẻ yêu thơ khác, việc mà tôi thực hiện đầu tiên là đi thăm mộ Hàn Mặc Tử. Từ lâu tôi vẫn hằng ước ao được một lần nghiêng mình kính cẩn trước mộ của bậc thiên tài mà tôi vô cùng ngưỡng vọng.

Trong buổi chiều thứ nhất ở Qui Nhơn, sau khi thu xếp chỗ ăn ở tạm xong, tôi cùng Éng (người bạn đồng hành) bắt đầu thực hiện quyết định mà chúng tôi đã dự tính khi còn ngồi trên phi cơ đến thành phố. Sau mấy tiếng đồng hồ vừa đi vừa hỏi thăm, chúng tôi đã tìm được đến Ghềnh Ráng ghềnh đá nằm dưới chân núi dọc theo bờ biển phía nam Thành phố). Theo lời chỉ dẫn của bạn bè cộng thêm những gì hỏi thăm được dọc đường, chúng tôi biết chắc mộ của thi sĩ cũng chẳng xa Ghềnh Ráng là bao. Chúng tôi ghé vào quán nước bên đường mua bao thuốc và hỏi thăm cô chủ quán đường lên mộ. Cô chủ quán bảo chúng tôi: Cứ đi theo con đường đất đỏ dẫn lên núi một đôi sẽ tới. Chúng tôi theo con dốc lên

một đôi khá xa nhưng vẫn chưa thấy mộ. Càng vào xa buổi chiều càng vắng, tìm kiếm hoài chung quanh vẫn không thấy một nấm mộ nào. Mấy họng súng đen trên những vọng gác trong khu quân sự Mỹ ở phía dưới chân núi hình như mỗi lúc mỗi hướng theo chúng tôi, khiến chúng tôi gần muốn quay lại. Qua gần đến sườn núi bên kia chúng tôi gặp hai người đàn ông đi ngược chiều. Chúng tôi đón hỏi nhờ chỉ giùm mộ Hàn Mặc Tử. Người lớn tuổi hơn (khoảng trên dưới 60 tuổi) cho chúng tôi biết mộ Hàn Mặc Tử ở dưới kia, chỉ cách Ghềnh Ráng khoảng trăm thước thôi. Trong quãng đường đi xuống, sau những câu hỏi qua lại, người đàn ông lớn tuổi kể cho chúng tôi nghe về cuộc đời và về những ngôi

mộ của Hàn Mặc Tử. Phần cuộc đời của Hàn Mặc Tử thì cũng chẳng có điểm gì lạ, những điều người đàn ông kể tôi đều đã đọc được trong sách vở từ lâu. Còn phân kể về ngôi mộ Hàn Mặc Tử đã làm cho chúng tôi sửng sốt, bởi từ lâu tôi chưa nghe cũng như chưa hề đọc ở đâu về điều đó. Câu chuyện người đàn ông kể đại ý như thế này:

Người nằm trong mộ phía núi đằng kia chưa chắc là ông Trí đâu.

Tại sao bác biết được điều đó?

– Hồi trước trong trại cùi Qui Hòa, những người bệnh chết được đem chôn ngay tại tha ma trong đó. Những ngôi mộ được chôn ngay hàng thẳng lối từ trước tới sau không kể già trẻ hay nam nữ.

Mỗi ngôi mộ đều có một thánh giá bằng cây, với một tấm bia bằng gỗ hay bìa cứng có ghi tên thánh và tên họ người chết. Tha ma là một bãi cát gần biển; những ngày biển động mưa gió thường san bằng năm mộ nên thỉnh thoảng người ta đắp lại một lần, mỗi lần đắp mộ lại sai lệch đi một ít và bia cũng chẳng còn. Lúc đó người săn sóc bệnh nhân rất hiếm hoi, nên chẳng còn có ai còn thì giờ chú ý đến người đã chết, chú ý đến người cùi sống là quý hóa lắm rồi. Do đó mộ của Hàn Mặc Tử cũng nằm lẫn lộn trong những ngôi mộ không tên đó. Ngày gia đình và thân nhân ông Trí đến xin dời mộ, cha ngôi mộ trong vô số những ngôi mộ vô danh đó và người ta dời mộ, cha Biên (linh mục trông coi trong trại cùi lúc đó)

đã chỉ cho một ngôi mộ trong vô số những ngôi mộ vô danh đó và người ta dời đi. Lúc đó tôi quen với cha Biên nên biết chuyện này. Tôi tin chắc người nằm đằng kia không phải Hàn Mặc Tử.

Ông nói xong chỉ cho chúng tôi ngôi mộ tôi định đến thăm. Ngôi mộ nằm lưng chừng núi phía Ghềnh Ráng, nằm trong hàng rào thép gai của khu quân sự Mỹ. Chúng tôi hỏi thăm nhà ông để khi cần tôi sẽ đến hỏi lại. Ông chỉ cho chúng tôi nhà ông ở phía sau nhà thờ Ghềnh Ráng.

Hai đứa tôi cảm ơn và chào hai người đàn ông rồi đi về phía lính Mỹ. Chúng tôi đến xin người lính gác cổng vào thăm mộ. Sau một

lúc nói chuyện bằng miệng lẫn tay, chúng tôi nghe người lính Mỹ nói đại khái là chỗ mộ Hàn Mặc Tử bây giờ là bãi đất trực thăng, hơn nữa khu quân sự chúng tôi không được phép vào. Đứng ngoài rào nhìn vào, tôi thấy tượng Thánh nữ Đồng trinh và ngôi mộ trắng hiện lò mờ sau hàng dây kẽm gai và hàng trụ sắt.

Khi trở về, tôi định viết thư hỏi thăm cụ Quách Tấn về chuyện này nhưng tôi không biết địa chỉ của cụ. Sau đó vì cơm áo, tai nạn và bệnh hoạn, tôi đã quên lửng câu chuyện trên.

Bây giờ nhân đọc lời rao sắp ấn hành số Văn đặc biệt về Hàn Mặc Tử, tôi bỗng nhớ lại câu chuyện

của người đàn ông đã kể cho nghe ngày tôi đi thăm mộ Hàn Mặc Tử.

Tôi xin viết ra đây câu chuyện trên, không ngoài mục đích cầu mong cụ Quách Tấn cho biết ý kiến của cụ về “Người nằm đó phải hay không phải là Hàn Mặc Tử?”

Trương Văn Ngọc

CHIA BUỒN

Chúng tôi vừa được tin buồn:

THÂN PHỤ

Nhà văn **BÌNH NGUYỄN LỘC**

đã qui Thiên.

Xin thành kính phân ưu cùng tang quyến, nhất là với nhà văn Bình Nguyễn Lộc, và cầu chúc anh hồn CỤ sớm tiêu diêu miền Lạc cảnh.

Chủ nhiệm, Thư ký tòa soạn cùng toàn thể anh chị em trong ban biên tập và tòa soạn



trong chương trình giới thiệu

những tác giả và
những tác phẩm lớn

của văn chương Việt Nam
hiện đại

Nhà xuất bản

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

trang trọng giới thiệu:

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài của **MAI THẢO** (hết)

*

MƯA TRONG SƯƠNG

tân truyện của **THẾ UYÊN**

ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

truyện dài của **MAI THẢO**

*

trong tháng 6-1971

THƠ SAY

thi phẩm tiền chiến của

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Thanh Tâm Tuyền

Dấu chân

(kỳ 3)

Bạn ta. Ta đã đến ngọn núi
hằng đêm vẫn trông thấy.
Ngọn núi với hàng điện sáng, bạn
nhớ chứ? Chiều hôm trước ra phố
sắm vài món cần thiết cho buổi leo
núi, có gặp A. Hắn đang vội vã, hớn
hở sửa soạn về Sài Gòn ngày hôm
sau. Tuy nhiên hắn còn đủ thì giờ
để hỏi: Ông mà cũng leo núi? Bộ
ông tính leo thiệt sao? Ta đáp: Chớ
bộ...

Nói vậy, ta đâu có leo, mặc dầu ta vẫn lên. Người Mỹ đã mở một con đường tuốt lên tới một ngọn trong dãy núi đặt đài viễn thông. Đường rộng xe vận tải chạy vừa. Đoàn người kéo nhau đi, kêu là chinh phục ngọn núi hóa ra hơi kỳ. Nhưng họ nhất định leo và không đi trên đường. Họ trèo lối tắt. Ta có cơ chính đáng ở lại chân núi trong toán yểm trợ.

Dưới chân núi, gần chín giờ sáng vẫn chưa thấy mặt trời. Sương kín đặc. Đi xem nhà cửa, vườn tược của một làng Thượng mới. Xem xác phi cơ bỏ bên triền đồi, chui vào bên trong. Một người nghĩ đến chuyện, nếu có dụng cụ “làm thịt” chiếc phi cơ. Một người nghĩ đến việc dùng khoang tàu như cái nhà.

Lên núi bằng xe “díp”, cùng một ông bạn giả. Chỉ đến lưng chừng thôi. Ông bạn tìm lan. Người hay cười, phô hàm răng giả, thở hào hển, và hỏi: Chuyện gì? Chuyện gì vậy?... Phải không? Phải không nào?... Người lò mò tuột bám xuống khe trũng kiếm hoa, một hồi bất dạng, ta phải lên tiếng gọi. Người dùng tay cào đất để mang về cho được thứ đất đúng với loài cây mọc.

Ta ngồi một mình trên phiến đá, nghe bị hút đi trong cao rộng. Thành phố nhỏ xíu, xa tít ở dưới. Thông reo trên đầu và tứ bề. Chốc chốc lửa theo gió bốc lan rào rào trong những bụi cỏ, đám cây quanh đầu trên cao. Bây giờ đang mùa cháy rừng. Nhiều buổi trưa

lửa chạy lem lém theo chân gió, giữa màu nắng như trông qua mặt kính trong, trên đám cỏ xanh, lát sau cả một triền đồi đã nám đen lặng ngắt. Những buổi tối, lửa lốm đốm trên những bóng núi đen lạnh khuất kín gió như những ngọn đuốc tro vơ, chốc chốc bật hồng soi rục rừng cây dày xăm.

Phải đứng ngây trong mùa gió thổi, gió thật gió, ta mới hiểu hết nghĩa của hai chữ phiêu lãng. Mắt mở, tai nghe, tay chân cử động - nhưng không còn gì. Không mảy may. Ta đi hút.

.

Chỗ này là trạm nghỉ trên đường lên núi. Xe ngừng lại cho bớt nóng máy. Những người lính

Mỹ ngồi yên trong xe, không trò chuyện, hút thuốc, uống nước, đáp hộp lon xuống lưng. Trên những khoảng đất thoải có cát bồn nước xi măng. Quanh thành xi măng có kẻ hai ba khẩu hiệu hòa bình bằng tiếng Mỹ, bằng hắc ín. Cái này mới ngộ. Chính mấy anh kéo lên đóng trên núi, đặt đài viễn thông. chính mấy anh xẻ đường dành riêng cho xe máy anh chạy rồi cũng chính mấy anh buồn quá viết khẩu hiệu bên đường dòm chơi khi ngừng nghỉ.

.

Bạn ta. Sẽ thấp giọng. Không quên đâu.

Ta thích thất bại. Ta thích những người bằng lòng thất bại. Thất bại và buồn bã. Như bạn mình.

.

Gửi bạn ta bài thơ mới làm, đọc chơi.

Trên trời con chuồn chuồn đang bay

Trong anh mỗi u hoài rộn nháy

Em cười chẳng?

Con chuồn chuồn cánh mỏng như đời

Ánh bóng trời xanh anh thoáng gặp

Ngây mắt ngó.

*Anh đuổi bắt cánh chuồn chuồn
chao liệng*

*Trong nắng lòm màn tối tơ buông
Trước mắt luống cái vàng.*

Em cực khô ư em?

Anh đang sung sướng

*Như cánh chuồn chuồn xập xòe
giữa những ngón tay cầm.*

Thanh Tâm Tuyền

(14-5)

Giải đáp thắc mắc

*** Huy Nguyễn Tường Long, Kontum, hỏi:**

Độc trong “Giòng sông Thanh Thủy” của Nhất Linh có câu:

“Vérité en deçà des Pyrénées, erreur au delà.” PASCAL

(Bên này dãy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm)

Xin ông cho biết câu đó nói lên ý gì? Nhất Linh chép vào sách là có dụng ý gì?

(thư ngày 12 tháng 4 năm 1971)

– Trả lời:

Trong tập “Pensées et Opuscules”, Pascal nhận xét rằng nếu nhân loại tìm ra được công bằng và lẽ phải thuần túy, thì mỗi nước, mỗi xứ đã không phải đặt luật lệ riêng cho khu vực của họ để định sự phải trái. Đã là quan điểm riêng của từng nước, từng xứ thì chỉ nhích một vài độ vĩ tuyến hay kinh tuyến, hay vượt qua một rặng núi, một con sông, quan điểm ấy bị đảo lộn hoàn toàn.

Tỷ dụ:

– Tại sao anh giết tôi?

– Thì anh chẳng ở bên kia sông đó sao? Bạn ơi, nếu như anh ở bên này, tôi sẽ mang tội giết người, mà giết anh như vậy là làm một việc

trái lẽ công bằng; nhưng một khi anh là người ở bên kia sông, thì tôi lại là anh hùng, và cái đó lại là rất đúng.

Pascal kết luận: “Khôi hài thay, con sông làm ranh giới cho lẽ công bằng! Sự thật ở bên này rằng núi Pyrénées, sang đến bên kia núi hóa ra sự sai lầm.”

Tình trạng này rất dễ hiểu đối với nước ta lúc này có sông Bến Hải làm ranh giới cho hai chế độ. Đúng hay trật, tùy theo quan điểm từng bên.

Còn dụng ý của Nhất Linh khi dùng câu trên làm tiêu đề cho cuốn sách, thiết tưởng chủ đề của bộ “Giòng sông Thanh Thủy” đủ nói lên ý của tác giả rồi.

*** Đ. T. A., Phan Rang, hỏi:**

1) Lã Thị Xuân Thu (có sách chép là Lữ) có phải là tên của một người con gái Tàu không?

2) Bài thơ:

Quân tri thiếp hữu phu

Tặng thiếp song minh châu...

là của ai? Xin ông chép đủ giùm nguyên bài.

3) Xin ông cho biết sơ qua về cổ thi sĩ Đinh Hùng (thân thế, văn nghiệp...)

(thư ngày 1 tháng 4 năm 1971)

– Trả lời:

1) “Lã-thị Xuân Thu” hoặc “Lữ-thị Xuân Thu” là tên bộ sách do Lã

Bất Vi soạn. Lã Bất Vi nguyên là một người lái buôn ngọc đời Chiến quốc, có tài coi tướng. Khi đi buôn ở nước Triệu nước Triệu, gặp cháu vua Tần Tương-vương là Dị Nhân. Bấy giờ Tần thua trận với Triệu, Dị Nhân phải sang làm con tin. Bất Vi thấy Dị Nhân có tướng đế vương, mưu với vợ là Châu Cơ, đem gả Châu Cơ cho Dị Nhân. Châu Cơ lúc đó đã có mang ba tháng. Dị Nhân sau được về Tần làm vua, Chiêu Cơ làm hoàng hậu, con mà Châu Cơ có với Bất Vi sau nối ngôi, tức là Tần Thỉ Hoàng. Lúc đương quyền cao chức trọng, Bất Vi soạn bộ “Lã-thị Xuân Thu” rất lấy làm đặc ý, cho đem treo ở cửa Hàm Dương, truyền rằng ai thêm hay bớt một chữ nào sẽ được thưởng một lạng vàng.

2) Mấy câu thơ bạn dẫn có trong bài “Tiết phụ ngâm” của Trương Tịch. Sau đây là tiểu sử tác giả cùng nguyên tác và bản dịch bài từ đó:

Trương Tịch, tự là Văn Xương, quê ở Ô Giang, Hòa Châu tính điềm đạm hay làm thơ cổ thể. Đỗ Tiến sĩ năm Trinh Nguyên thứ mười lăm (799) đời vua Đức Tôn, thụ chức Quốc tử Trọ giám Bí thư lang. Vì văn chương nổi tiếng nên những nhà danh vọng đương thời như Lệnh Hồ Sở, Bùi Độ, Bạch Cư Dị, Nguyên Chuẩn đều kính trọng.

Đời vua Hiến Tôn (806-820) Hàn Dũ tiến cử làm chức Quốc tử Tư nghiệp Thủy bộ Viên ngoại lang. Trương hay làm từ cho Nhạc phủ, thơ văn thường mượn ý để răn đời.

Khi về cư tang ở Ô Giang, quan Nguyên soái Đông Bình Lý Sư Đạo vốn trọng tài học muốn thu phục để thêm vây cánh bèn cho người thân tín đưa thư và vàng lụa đến mời. Trương không chịu đi, mượn lời người tiết phụ, làm một bài Từ để đáp Lý Sư Đạo như sau:

TIẾT PHỤ NGÂM

Quân tri thiếp hữu phu

Tặng thiếp song minh châu

Cảm quân triền miên ý

Hệ tại hồng la nhu

Thiếp gia cao lâu liên uyển khỉ

Lương nhân chấp kích Minh
quang lý

Tri quân dụng tâm như nhật
nguyệt

Sự phu thê nghi đồng sinh tử

Hoàn quân minh châu song lệ
thù

Hận bút tương phùng vị giá thì.

Dịch:

Chàng biết thiệp có chồng

Tặng đôi vòng ngọc trong

Cảm lòng ai quyến luyến

Đeo bên áo lụa hồng

Nhà thiệp lâu cao gần Ngự uyển

Chồng làm Chấp kích Minh
quang điện

Lòng chàng sáng tỏ tựa trăng
sao

Sinh tử thờ chồng xưa trót
nguyện

Trả chàng đôi ngọc rỏ dòng
châu

Hận lúc chưa chồng chẳng gặp
nhau.

3) Muốn biết tiểu sử và thi nghiệp của cố thi sĩ Đinh Hùng, đề nghị bạn coi lại VĂN số 91 và số 112. Bạn có thể gửi 75 đồng về Ty Trị sự hỏi mua hai số báo đó.

*** Chinh Thảo, Ty TH Quảng Ngãi, hỏi:**

Tôi thấy trong một số báo Xuân

của quân đội ra đã lâu có in câu đối của bà Đoàn Thị Điểm: “Da trắng vỗ bì bạch” và vế đối lại là “Trời xanh màu thiên thanh”. Tôi không có kiến thức chi nhưng tình cờ tôi thấy một hôm người bán hàng nọ dùng tờ giấy đỏ gói cuộn chỉ thêu hồng cho một khách hàng tôi trực nhớ đến đôi câu đối kia. Tôi tự nghĩ ra một vế đối lại:

“Giấy đỏ gói chỉ hồng”

Thật ra, tình cờ mà tôi thấy vậy, nay tôi xin mạo muội đưa ra, nhờ quý báo góp ý kiến và nếu có thể thì đăng lên để cho những nhà văn hay bậc có kiến thức coi thử phê bình như thế nào...

(thư ngày 8 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời:

Câu “giấy đỏ gói chỉ hồng” cũng có thể coi là đối được, nhưng không bằng câu “trời xanh màu thiên thanh” vì thiên thanh là chữ kép như bì bạch. còn chỉ hồng là hai chữ đơn. Tuy nhiên, cả hai câu chỉ là đối chữ mà thôi, chứ không đối được cái ý dí dỏm của “da trắng vỏ bì bạch”. Có một vị tu sĩ đã đối bằng một ý dí dỏm trái lại, là “suốt đỏ đâm thông hồng”; nhưng thông hồng cũng lại là hai chữ đơn. Riêng phần chúng tôi, xin khâm phục nhà tu sĩ đã “hăng hái vào đời”...

*** Nguyễn Mộng Lang, Tuy Hòa, hỏi:**

Xin ông cho biết tiểu sử bà Chúa Liễu cùng trọn vẹn bài “Bốn Mùa” của bà, do Phan Kế Bình dịch trước đây...

(thư không đề ngày tháng)

– Trả lời:

Trước hết, chúng tôi xin lưu ý quý bạn nên ghi ngày tháng trên đầu hoặc cuối lá thư. Như vậy, quý bạn vừa giữ được phép lịch sự (tối thiểu) trong giao tế thường hằng, vừa giúp cho chúng tôi tiện sắp xếp thư từ khi nhận được và phân loại. Muôn vàn cảm tạ.

Sau, xin giải đáp những điều bạn hỏi:

Bốn bài từ khúc của Liễu Hạnh Công chúa, do ông Phan Kế Bình

dịch, có in trong “Nam Hải Dị nhân Liệt truyện”. Ông Toan Ánh, trong quyển “Hội Hè đình đám”, tại mục “Hội Phủ Giày (trang 202-208 — Nam Chi Tùng thư, 1969) có ôn lại sự tích Bà Chúa Liễu Hạnh. Bốn bài từ khúc như sau:

XUÂN TỪ (điệu Xuân quang hảo)

Cảnh như vẽ,

Khéo ai hay?

Hoa đào mím miệng, liễu dương mảy.

Bướm nhớn như bay.

Oanh vàng lú lo trong bụi,

Én đỏ riu rít trên cây.

Buồng xuân dàu dặt mỗi tình
ngây

Để thơ này.

HẠ TỪ (điệu Cách phố liên)

Trời đất nhiều phần nóng nấu.

Đầu cành trúc đọng ve,

Bãi cỏ vắng tiếng châu;

Vò võ quốc kêu sầu,

Eo éo oanh hót ngầu.

Dường bảo nhau: “chúa xuân
về rồi, thôi cũng hảo”.

Cảnh sắc đường kia, ngao ngán
cầm lòng khôn đậu.

May đâu Thần Chúc-dong gảy

một khúc Nam Huân

hương sen thoảng đáo.

Một trận gió bay,

Sạch lòng phiền não.

THU TỪ (điệu Bộ bộ thiềm)

Mặt nước trong veo, non tựa
ngọc,

Gió vàng hây hây khua khóm
trúc.

Hoa lau muôn dặm trắng phau
phau

Cây cối vẽ hồng pha vẽ lục.

Cung Thiềm sáng quắc, Ả Hằng
ngủ

Dạo bước thêm giao tình rào
rạt

Chi bằng đến thẳng dưới giậu
hoa cúc thơm

Thảnh thơi dạo đàn, gảy một
khúc.

ĐÔNG TỬ (điệu Nhất tiến mai)

Khí đen mờ mịt tỏa non sông

Hồng về Nam xong,

Nhạn về Nam xong!

Gió bắc căm căm tuyết mịt
mùng,

Tựa triện ngồi trông

Tựa triện đứng trông

Sưởi lò mặt vẫn giá như đồng,
Ngồi chẳng yên lòng,
Năm chẳng yên lòng.

Dậy xem phong cảnh lúc trời
Đông

Hoa quên lạnh lòng
Người quên lạnh lòng.

Đã phát hành:

TÌM HIỂU VĂN NGHỆ

của **VŨ HẠNH**

* Một thiên tiểu luận phản ảnh
trung thực nhất về các vấn đề văn
nghệ hôm nay.

* **TRÍ ĐĂNG** xuất bản

* **ĐỒNG NAI** phát hành

tin văn văn

Triển lãm hội họa

Từ ngày 3 đến ngày 12 tháng 5 vừa qua, tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, số 24 đường Gia Long, Sài Gòn, họa sĩ Nguyễn Khắc Vinh đã cho trưng bày 40 bức tranh sơn dầu.

Cùng địa điểm, từ ngày 15 đến ngày 23 tháng 5 vừa qua, họa sĩ Tú Duyên đã cho trưng bày trên ba chục bức tranh lụa. Tranh lụa của Tú Duyên mang nhiều màu sắc dân

tộc tính nên đã được nhiều người ngoại quốc chú ý và đặt mua, gặt hái kết quả khả quan về tài chánh.

Tại Trung tâm Văn hóa Pháp, số 31 đường Đồn Đất, Sài Gòn, họa sĩ Nguyên Khai đã cho khai mạc cuộc triển lãm những họa phẩm mới nhất của anh vào hồi 18giờ 30 ngày thứ ba 18 tháng 5 vừa qua. Triển lãm Nguyên Khai đã thu hút được đông đảo giới thưởng ngoạn và thu hoạch kết quả tốt...

Diễn thuyết về Quốc học

Một buổi diễn thuyết có thảo luận với đề tài “Quốc học với Dân tộc”, do ông Đông Tùng, chuyên viên Nha Văn khố và Thư viện Quốc

gia, làm diễn giả, đã được tổ chức hồi 16 giờ ngày thứ bảy 15 tháng 5 vừa qua, tại giảng đường Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn.

Nói chuyện văn chương

Tại trụ sở mới của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, số 107 đường Đoàn thị Điểm, Sài Gòn, vào hồi 10 giờ sáng chủ nhật 16 tháng 5 vừa qua, một buổi nói chuyện văn chương đã được tổ chức. Diễn giả, ông Phạm Việt Tuyền, Tổng thư ký của TTVBVN, đã nói về đề tài “Một khám phá về Huỳnh Thiên Kim”.

Trước một cử tọa khoảng gần hai trăm người, diễn giả cho biết: nhà thơ Huỳnh Thiên Kim, thủ quỹ

của TTVBVN, vừa từ trần cách đây ít tháng, từ thuở thiếu thời từng là “một nhà giáo đã bị cách chức vì diễn thuyết hô hào ái quốc; một trong ba nhà báo đi đón các cụ Phan Chu Trinh và Nguyễn An Ninh hoạt động cách mạng ở hải ngoại trở về; một nhà thơ yêu nước với các thi phẩm Bốn nhà Chiến sĩ, Cận đại Việt sử Diễn ca...”

Được biết đây là buổi nói chuyện được tổ chức lần đầu tiên tại trụ sở của Hội. Cũng để mừng trụ sở mới, Hội đã tổ chức một buổi tiệc trà thân mật vào hồi 18giờ30 ngày thứ từ 26 tháng 5 vừa qua, hiện diện có nhiều anh chị em trong làng văn báo...

Trình diễn ca nhạc

Nhân dịp lễ Ngân khánh mừng hai Sư huynh Mai Tâm và Phan Văn Chúc đã 25 năm phục vụ tuổi trẻ trong ngành giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Sài Gòn đã tổ chức một buổi trình diễn Ca nhạc tại trụ sở của Hội, số 102 đường Hùng Vương, Chợ Lớn, vào buổi sáng ngày 16 tháng 5 vừa qua.

Buổi trình diễn ca nhạc này do ca đoàn Hồn Nước, dưới sự điều khiển của nhạc sĩ Hải Linh, đảm trách phần thực hiện. Có khoảng ba trăm giáo sư Việt văn tại thủ đô được mời tham dự.

Hai tác phẩm “Chinh phụ ngâm” và “Truyện Kiều” đã được phân tách và dẫn giải về phương diện

thấm mỹ âm thanh và tiết điệu. Viện Khoa học Giáo dục đã tổ chức buổi trình diễn trên nhằm cổ vũ tinh thần dân tộc và tìm hiểu giá trị văn chương của hai tác phẩm văn chương kinh điển lớn của nền văn hóa dân tộc...

Một buổi trình diễn ca nhạc khác đã được ca đoàn Trùng Dương trình bày tại thính đường trường Taberd Sài Gòn vào hồi 20 giờ ngày 8 tháng 5 vừa qua.

Với chủ đề « Quê hương Mến yêu, nhiều nhạc phẩm có giá trị của các nhạc sĩ Phạm Duy, Vũ Thành, Cung Tiến, Đan Thọ... đã được ca đoàn Trùng Dương trình diễn một cách điêu luyện.

Ban tổ chức cho biết đêm trình diễn văn nghệ này có mục đích giới thiệu những nét đẹp của Quê hương qua cung nhạc...

Hạ Lào khó quên

Cùng mục này, trong số trước, chúng tôi đã loan báo về tác phẩm mới nhất của Nguyên Vũ. Nay được biết thêm đó là một thiên bút ký chiến trường do Nguyên Vũ, Thế Hoài và Dương Phục cùng viết về “Hạ Lào khó quên”. Sách sẽ được nhà Đại Ngã phát hành trong tháng 6 tới đây. Giới thưởng ngoạn đang nóng lòng chờ đợi một tác phẩm nhiều lửa, lửa ngoài chiến địa và lửa bốc trong tim người viết...

Báo mới! Báo mới!

Nhà văn Duyên Anh đã vừa cho tực bản tờ Tuổi Ngọc. Hình thức trang nhã, nội dung phong phú, Tuổi Ngọc là tờ báo dành cho lứa tuổi vừa lớn, nhiều mộng mơ. Các cháu trong lứa tuổi thích “ô mai” sẽ gặp lại trên Tuổi Ngọc những cây bút được nhiều ham chuộng, như: Duyên Anh, Nhật Tiến, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện...

SỐNG THIỀN

là hơi thở nóng hổi của một người vừa bước vào điệu lý của Phật-giáo Thiền tông, EUGEN HERRIGEL, đề cập đến những biểu lộ hoạt dụng của thiền trong các bộ môn tư tưởng và văn nghệ: thi ca, hội họa, kịch nghệ, vãn vãn... cùng sinh hoạt thường nhật với những bất trắc, những quẩn quại ngàn đời.

Sách do AN TIÊM xuất bản

ĐỒNG NAI tổng phát hành

270, Đề Thám, Sài Gòn —

Đ.T: 20.942



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

MÙA THU ĐÔNG KINH, Trạm Liên, Anh Đào xuất bản. Sách dày ... trang, giá 50 đồng.

Thư viết từ Nhật bản, gửi người ở nơi quê nhà.

TÂY SƠN, Một nhóm sáng lập ở Trường Trung học Tư thực Võ Sơn, Qui Nhơn. Liên lạc: ông Nguyễn Châu, hộp thư số 3, Qui Nhơn.

Giai phẩm Xuân 71, dày 106 trang, giá 100 đồng. Giai phẩm Hè 71 dày 100 trang, giá 100 đồng.

KINH NGỌC, Phạm Thiên Thư, Đại học Vạn Hạnh xuất bản. Sách dày 184 trang, giá 300 đồng.

Thi hóa bộ kinh Kim Cang, thể ngũ ngôn. Bìa Nguyễn Hữu Nhật. Phụ bản Nguyễn Quỳnh. Hương Trang và Nguyễn Nhật.

* CỐT TỬY CỦA ĐẠO PHẬT, Dai-Teitaro Suzuki, Trúc Thiên An Tiêm xuất bản. Sách dày 150 trang, giá 160 đồng.

Bản dịch cuốn “The essence of Buddhism”. In lần thứ hai có hiệu chỉnh.

* SỐNG THIỀN, E. Herrigel, Trí Hải dịch, An Tiêm xuất bản. Sách dày 160 trang, giá 150 đồng.

Bản dịch cuốn “The method of Zen”. Bìa Duy Thanh.

* NHỮNG ÁNG MÂY KỲ ẢO, Françoise Sagan, Lê Tuyên Quang và Nguyễn Nhược Nghiễm dịch, Tân Thư xuất bản, Sách dày 174 trang, giá 220 đồng.

Bản dịch cuốn «Les merveilles nuages». Phụ lục là một bài viết về Françoise Sagan, do người dịch viết theo Pierre de Boisdeffre và Gérard Morgue.

* TRẦM MẶC CÂY RỪNG, Võ Hồng, Lá Bối xuất bản. Sách dày 206 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tác phẩm thứ mười ba của Võ Hồng là một tập gồm bảy đoản thiên. Bìa Đinh Cường.

* MÁI CHÙA XƯA, Võ Hồng, Lá Bối xuất bản. Sách dày 28 trang khổ nhỏ, không ghi giá.

Truyện ngắn, Bìa Hiếu Đệ.

* CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH, Nguyễn Hiến Lê, Lá Bối xuất bản. Sách dày 32 trang khổ nhỏ, giá 50 đồng.

Tiểu luận, Bìa Hiếu Đệ.

* TRƯỜNG CA KALINGA, Trúc Thiên, Lá Bối xuất bản. Sách dày 20 trang khổ nhỏ, giá 40 đồng.

Thơ đạo hạnh. Bìa Hiếu Đệ.

* GIỌT NƯỚC CÀNH CHIM. Thiều Chi, Lá Bối xuất bản. Sách dày 20 trang khổ nhỏ, giá 40 đồng.

Truyện ngắn.

* NƯỚC MẮT RÊU RONG, Sa Chi Lệ, Rừng xuất bản. Một tờ bla gấp làm 6, không ghi giá.

2 đoản văn và 2 bài thơ.

* NỖI BUỒN CỦA CHÚNG TA, Vũ Trọng Quang, Động Đất xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày 40 trang, không bán.

Hai mươi bài thơ. Bìa và phụ

bản Từ Du. Phổ biến hạn chế. Liên lạc: 104/23 Yersin, Sài Gòn.

* TRIẾT HỌC DESCARTES, Trần Thái Đĩnh, Việt xuất bản. Sách dày 250 trang, giá 260 đồng.

Sách gồm những bài giảng tại trường Đại học Văn khoa về triết thuyết Descartes.

* TRUYỆN Y SĨ TRUYỆN Y KHOA, Bác sĩ Lê Văn Khải, tác giả xuất bản. Sách dày 246 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Hồi ký của một y sĩ, viết về những kỷ niệm của cuộc đời ông, từ khi là sinh viên tới khi tốt nghiệp, hành nghề. Nhà văn Lãng Nhân viết lời giới thiệu.

* HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU

Hoàng Ngọc Tuấn, Quán Văn xuất bản. Sách dày 176 trang, giá 180 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Hoàng Ngọc Tuấn là một tập truyện gồm 5 đoản thiên, được giới thiệu như “những câu chuyện thơ mộng thành thật, lạ lùng nhất của tuổi trẻ”. Bìa Đình Cường.

* NGÀN THÔNG, Bán nguyệt

san, số 1 dày 64 trang, giá 35 đồng.

Báo giáo dục, văn nghệ, giải trí của Tuổi học trò Việt Nam. Tòa soạn: 193/56 Công Lý, Sài Gòn.

* TÌM HIỂU VĂN NGHỆ, VŨ

Hạnh, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 168 trang, giá 180 đồng.

Sách gồm 9 bài tiểu luận về văn nghệ.

* SÓNG, SỔ ra mắt, bộ mới, tháng 5-1971, dày 112 trang, giá 60 đồng.

Tạp chí văn học nghệ thuật, Tòa soạn: 287 Nguyễn Tiểu La, Chợ Lớn.



* Phạm Văn Bích, Kbc 3317

Chúc bạn mau bình phục và gặp nhiều may mắn. Thân.

* Trần Duyên Tường, Tây Ninh

Bạn đoán lầm rồi. Mà cần gì

phải ước đoán chi cho một nhĩ.
Phơi phơi lên mới được chứ.

* Svsq Sáu, Kbc 4027.

Tòa soạn rất tiếc không thể trả
lời riêng cho bạn đọc về kết quả
tuyển chọn bài lai cáo. Mong bạn
theo dõi trong Hộp thư Bạn đọc.

* Dương Quang, Gia Định.

Thư nhớ dán đủ tem để người
nhận khỏi bị phạt. Đa tạ.

* Duiên , Kbc. 4420.

Thư trước chắc bị lạc. Còn đủ
5 số (1,2,33,40,47), bạn có thể gửi
bưu phiếu 120 đồng, đề tên ông
Nguyễn Đình Vượng, kèm theo tên
họ và địa mới rõ ràng.

NHẮN TIN RIÊNG:

* Yên Uyên Sa, Kbc. 6910.

Sẽ đăng “Động cánh muông vàng”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Hồ Minh Dũng, Huế.

Sẽ đăng “Những mảnh vụn của một phương trời”. Bị đau nhiều quá nên chưa biên thư riêng cho cậu được. Chúc lành. Tình thân.

* Nguyễn Lệ Uyên, Kbc. 4100.

Kẹt rồi. Giận lắm. Lúc nào về, ghé chơi. Tình thân.

CẦN TÀI LIỆU:

Tòa soạn VĂN rất cần mua lại hoặc mượn (trong một tháng)

những thi phẩm của Nguyễn Bính, như “Hương cố nhân”, “Tâm hồn tôi”, “Một ngàn cửa sổ bản in, quay rô-nê-ô, hoặc chép tay cũng đáng. Bạn đọc nào có, xin vui lòng biên thư cho Thư ký Tòa soạn VĂN. Muôn vàn cảm tạ.

CẦN MUA BÁO CŨ:

Tòa soạn VĂN cần mua lại VĂN đóng tập từ tập 1 đến tập 13 (trừ 11 đã có). Bạn đọc nào dư dụng, xin vui lòng nhượng lại theo giá quý bạn định. Xin biên thư thương lượng với Thư ký Tòa soạn.



BÀI LAI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

*** VĂN**

Quý bạn: Huỳnh Kim. Trình Kiến. Đoàn-thị Diễm. Nhựt Hạnh. Nguyễn Tường. Lê Sơn. Trương-thị Bảo Mai. Huỳnh Văn Mạnh. Lê-quang Tô-châu. Ung Mạt.

THƠ

Quý bạn: H-Y-N. Trần Duyên
Tưởng. V-V-T (2) Hoài Nhân.

Ngô Quang Nguyên (2). Mai
Giao. An Giang. Lê Đức Minh
Phạm-trần Hoài-thương. Hoàng
Thu Khanh. Trình Kiến. Ngô Xuân
Đạt. Phạm Thiếu Đệ. Phan Lưu.
Song Tân H-T-T. Đông Thy. Tô
Sa. Thủy Tử (2). Lộ Khanh. Giáng
Bình. Lê Trần Cảnh Chương Đắc Lê
(4). Trầm Khanh. Lê Quang Dũng.
Sa Linh. Việt Cường. Vĩnh Lam.
Lý Lùn. Trần Châu Thiên. Ngô
Mộng Quyền. Uyên Ca. Huy Sung
(2). Chí Hùng. Đỗ Thênh Thang.
Nguyễn Thành. Thy Lynch Tử (2).
Mai Huỳnh Lâm. Ngân Việt Sơn. Lê
Minh Hón. Thương Tích. Nguyễn-

nữ Phong-lan. Trần Giao. Trương Hữu Thành. N-L. Trần Quang Thiếu (2) Trần-thế Hàn-sinh. Trương Văn Hồng. Phùng Cung Nghiệp. Nguyễn Tường. Ngô Tấn Nào. Thụy Minh (2). Tử Từ Tôn. Trần Sao Hoa. Nguyễn Thùy Khanh. Diệu Châu. Trần Hoài Lê. Chung Lăng. Hương Trúc. Nguyễn Thị Mới. A Khuê. Trần Trầm Tử. Phạm Đông Miên. Nguyễn Thị Trần. Đặng Tiên Sinh. Phan Hồng Thăng. Thiên Hưởng. Kim Luyện. Trần Cung Thy.

Ban Tuyển đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những bài lal cảo của quý bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ VÀ TRIẾT HỌC

của **PHẠM CÔNG THIÊN**

một tác phẩm viết riêng cho thế hệ thanh niên hiện nay và nói lên tâm tình xao xuyến của tuổi trẻ qua những hình thái của ý thức mới trong tư tưởng Henry Miller, Franz Kafka, Clément Jean-Paul Sartre, Martin Heidegger, J.R. Huguenin, Hemingway, Rosset, André Gide, William Faulkner, Erich Fromm, D.T. Suzuki Nikos Kazantzakis, Thomas Wolfe, Nietzsche, Charles Chaplin. Somerset Maugham,

Saroyan, Ivo Andrich, Apollinaire,
Zen, v.v

Sách do AN TIÊM xuất bản * nhà
ĐỒNG NAI phát hành

Sách in lần thứ tư tác giả có viết
nhiều bài mới.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

SỐ 231-233-235

đường Phạm Ngũ Lão

Sài Gòn - Dây nói: 25.861

NHÀ IN XUẤT BẢN

CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu,
cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)

GIỚI THIỆU SÁCH

CỦA CƠ SỞ XUẤT BẢN

PHẠM QUANG KHAI

TỦ SÁCH NAM CHI:

GIAI THOẠI LÀNG NHO

biên khảo của **LÃNG NHÂN**

BÀI HỌC ISRAEL

khảo luận của **NGUYỄN HIẾN LÊ**

VŨ KHÚC NĂM XƯA

truyện dịch của **VI HUYỀN ĐẮC**

TỦ SÁCH TIẾN BỘ:

BÍ MẬT VŨ TRỤ

khảo luận của **TRẦN KIM THẠCH**

